

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai, nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Quyết định số 759/QĐ-TTG ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 25/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy, ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã;
3. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai, nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

4. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

5. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

6. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

7. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016.

8. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

9. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

10. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

11. Quyết định số 759/QĐ-TTG ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

12. Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 25/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp tổ chức bộ máy, ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

13. Kết luận số 1280-KL/TU ngày 16/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Trong quá trình hình thành và phát triển, ĐVHC các cấp ở tỉnh Lâm Đồng đã được điều chỉnh, sắp xếp lại phù hợp với từng giai đoạn lịch sử và đã đạt được một số kết quả tích cực góp phần phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh kết quả đạt được, việc chia, tách ĐVHC các cấp thời gian qua đã nảy sinh một số bất cập và hạn chế như có ĐVHC quy mô quá nhỏ ảnh hưởng trực tiếp tới huy động nguồn lực trong thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế - xã hội, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương. Việc tăng số lượng ĐVHC các cấp đã dẫn đến tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính

trị ở địa phương tăng; ngân sách nhà nước chi cho hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị làm việc tăng; đại đa số các đơn vị cấp huyện, cấp xã thu ngân sách tại địa phương không đủ cân đối chi thường xuyên... Vì vậy, việc sắp xếp lại các ĐVHC là cần thiết, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong thời kỳ mới. Việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng nhằm cụ thể hóa để thực hiện chủ trương của Đảng¹ và quy định của Nhà nước² về sắp xếp ĐVHC; nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp để giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC, mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC.

Đồng thời gắn việc sắp xếp ĐVHC với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở thực tiễn tổ chức ĐVHC cấp huyện, cấp xã thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh. Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế chung của thế giới thì việc xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng là cần thiết.

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai, nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

² Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTG ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC trước năm 1945

Cuối thế kỷ XIX vùng đất tỉnh Lâm Đồng hiện nay thuộc hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận. Năm 1893, bác sĩ Yersin phát hiện ra cao nguyên Lang Bian, đặt nền móng cho việc hình thành thành phố Đà Lạt sau này.

- Ngày 01/11/1899, Toàn quyền Paul Doumer ký Nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng và hai trạm hành chính ở Tánh Linh và trên cao nguyên Lang Bian. Năm Thành Thái thứ 17, bãi bỏ tỉnh Đồng Nai Thượng, trực thuộc tỉnh Bình Thuận.

- Ngày 06/01/1916, Toàn quyền E. Roume ký Nghị định thành lập tỉnh Lang Bian bao gồm toàn bộ vùng rừng núi các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Phước hiện nay. Địa giới tỉnh Lang Bian gồm: Phía Bắc giáp sông Krông Knô, phía Đông Nam giáp sông Krông Pha (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận), phía Nam giáp sông Ca Giây một nhánh sông Phan Rí (nay thuộc tỉnh Bình Thuận), phía Tây giáp biên giới Cam-pu-chia.

- Ngày 20/4/1916, Hội đồng nhiếp chính của vua Duy Tân đã thông báo Dự thành lập thị tứ Đà Lạt. Tinh thần của Dự này là trao toàn bộ quyền hạn cho Toàn quyền Đông Dương đối với Đà Lạt. Ngày 30/5/1916, Khâm sứ J.E. Charles ký Nghị định thành lập trung tâm đô thị Đà Lạt, Dự này được triển khai và bổ sung thêm trong các Nghị định ngày 05/7/1918, ngày 30/7/1926.

- Chiếu dụ ngày 11/10/1920 của vua Khải Định, tách cao nguyên Lâm Viên bao gồm thị xã Đà Lạt và các thôn, xã lệ thuộc ra khỏi tỉnh Lâm Viên. Ngày 31/10/1920, Toàn quyền Maurice Long ký Nghị định thành lập khu tự trị Lâm Viên (thực hiện Dự ngày 11/10/1920 của triều đình Huế tách cao nguyên Lâm Viên ra khỏi tỉnh Lâm Viên). Phần đất còn lại của tỉnh Lang Bian mang tên Đồng Nai Thượng, tỉnh lỵ đặt tại Djiring. Công sứ Đồng Nai Thượng đóng tại Đà Lạt trong khi chờ xây dựng các cơ sở cần thiết ở Djiring. Cùng ngày, một Nghị định khác của Toàn quyền Đông Dương ấn định khu tự trị trên cao nguyên Lâm Viên thành thị xã Đà Lạt và xác định nâng Đà Lạt lên thị xã hạng hai với những quy chế rộng rãi.

- Ngày 08/01/1941, Toàn quyền Decoux ký Nghị định thành lập tỉnh Lang Bian, thị trưởng Đà Lạt kiêm Tỉnh trưởng tỉnh Lang Bian.

2. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương từ năm 1945 đến nay

2.1. ĐVHC cấp huyện

2.1.1. Từ 1945 đến 1975

- Tháng 8/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh Lâm Viên và tỉnh Đồng Nai Thượng được thành lập.

- Ngày 14/12/1950, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ Nguyễn Duy Trinh ký Quyết định đề nghị sáp nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng.

- Ngày 22/02/1951, Phó Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 73-TTg hợp nhất hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng.

- Ngày 19/5/1958, chính quyền Ngô Đình Diệm ra Nghị định số 170-NV đổi tên tỉnh Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng và Sắc lệnh số 26-NV thành lập tỉnh Tuyên Đức. Tỉnh Lâm Đồng gồm có 2 quận B'Lao, Di Linh, dời tỉnh lỵ từ Di Linh xuống B'Lao (ngày 19/02/1959 đổi tên thành Bảo Lộc). Tỉnh Tuyên Đức có 3 quận (gồm: Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, tỉnh lỵ đặt tại Đà Lạt). Riêng Đà Lạt là đô thị trực thuộc Trung ương và sau này sáp nhập vào tỉnh Tuyên Đức trở thành một ĐVHC: Đà Lạt - Tuyên Đức.

2.1.2. Từ năm 1975 đến năm 1997

- Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị quyết định Đà Lạt là thành phố trực thuộc Trung ương; sáp nhập các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Bình Thuận thành tỉnh Thuận Lâm, tỉnh lỵ đặt tại Phan Rang. Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị quyết định điều chỉnh lại việc hợp nhất một số tỉnh từ khu VI trở vào thành những tỉnh mới. Tháng 11/1975 giải thể quận Lạc Dương.

- Tháng 02/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam ra Nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam. Theo đó, tỉnh Lâm Đồng được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 tỉnh: Lâm Đồng, Tuyên Đức và thành phố Đà Lạt. Sau khi hợp nhất tỉnh Lâm Đồng có 05 ĐVHC cấp huyện³.

- Ngày 14/3/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 116-CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành 02 huyện lấy tên là huyện Bảo Lộc và huyện Đa Huoai; chia huyện Đơn Dương thành 02 huyện là huyện Đơn Dương và huyện Lạc Dương. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 07 ĐVHC⁴.

³ Gồm: thành phố Đà Lạt và 4 huyện: Bảo Lộc, Di Linh, Đơn Dương, Đức Trọng.

⁴ Gồm các 06 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đơn Dương, Lạc Dương, Đức Trọng, Di Linh và Tp. Đà Lạt.

- Ngày 06/6/1986, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 68-HĐBT chia huyện Đa Huoai thành 03 huyện lấy tên: Huyện Đa Huoai, huyện Đa Tềh và huyện Cát Tiên. Sau khi chia tách tỉnh Lâm Đồng có 09 ĐVHC cấp huyện⁵.

- Ngày 24/10/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 157-HĐBT chia huyện Đức Trọng thành 02 huyện lấy tên là huyện Đức Trọng và huyện Lâm Hà. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 10 ĐVHC cấp huyện⁶.

- Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm. Sau khi chia tách, tỉnh Lâm Đồng có 11 ĐVHC cấp huyện⁷.

2.1.3. Từ năm 1997 đến năm 2023

- Ngày 17/11/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2004/NĐ-CP thành lập huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chia tách thành lập mới tỉnh Lâm Đồng có 12 ĐVHC cấp huyện⁸.

- Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi thành lập mới, tỉnh Lâm Đồng có 12 ĐVHC cấp huyện⁹.

2.1.4. Từ năm 2024 đến nay

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 – 2025; theo đó tỉnh Lâm Đồng nhập huyện Cát Tiên, huyện Đa Tềh vào huyện Đa Huoai lấy tên là huyện Đa Huoai.

Như vậy, tính đến nay tỉnh Lâm Đồng có 10 ĐVHC cấp huyện (gồm 08 huyện, 02 thành phố), giảm 02 huyện so với trước đây¹⁰.

2.2. ĐVHC cấp xã

2.2.1. Từ 1945 đến trước năm 1975

2.2.1.1. Tỉnh Lâm Đồng có 02 quận với 23 xã, cụ thể:

- Quận Bảo Lộc (12 xã): Thiện Lạc, Quần Lạc, Châu Lạc, An Lạc, Tân Lạc, Tân Thành, Tân Phát, B'Sar, Mađaguôi, Tân Đồn, Tân Lú và Tân Rai.

⁵ Gồm: Thành phố Đà Lạt và 08 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng và Di Linh.

⁶ Gồm: thành phố Đà Lạt và 09 huyện: Bảo Lộc, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁷ Gồm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và 09 huyện: Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁸ Gồm: thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc và 10 huyện: Đam Rông, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên, Lạc Dương, Đơn Dương, Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà.

⁹ Gồm 10 huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tềh, Cát Tiên và 2 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc.

¹⁰ Gồm 08 huyện: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đa Huoai và 2 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc.

- Quận Di Linh (11 xã): Di Linh, Đại Hiệp, Liên Đàm, Tân Dân, Châu Trung, Bảo Thuận, Đinh Lạc, Đăng Gia, Gung Ré, Đinh Trang Thượng, Đinh Trang Hạ.

2.2.1.2. Tỉnh Tuyên Đức có 03 quận: Đơn Dương, Đức Trọng và Lạc Dương, với 27 xã. Cụ thể:

- Quận Đơn Dương, có các xã, gồm: Đơn Dương, Lạc Nghiệp, Xuân Trường, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, Kill Plagnol Thượng, Ninh Gia.

- Quận Đức Trọng, có các xã, gồm: Hiệp Thạnh, Phú Ninh, Tùng Nghĩa, Phú Sơn, Bình Thạnh, Teurlang Deung, Teurlang Tho, Romène, Yenglé, N'Thol Hạ, Lang Bian, Đinh Văn.

- Quận Lạc Dương, có các xã, gồm: B'Neur, Xuân Thọ, Phước Thành, Thái Phiên, Dakao, N'Thol Thượng, Kill Plagnol Hạ, Lát.

2.2.2. Từ năm 1975 đến năm 1997

2.2.2.1. Tính đến ngày 14/3/1979, sau khi thực hiện Quyết định số 116-CP của Hội đồng Chính phủ, tỉnh Lâm Đồng có 6 huyện, 1 thành phố với 73 đơn vị cấp xã, trong đó 61 xã, 6 thị trấn và 6 phường, cụ thể:

- Huyện Bảo Lộc gồm có các xã: Lộc Lâm, Lộc Nam, Lộc Thắng, Lộc An, Lộc Thanh, Lộc Sơn, Lộc Tiến, Lộc Bắc, Lộc Ngãi, Lộc Thành, Lộc Nga, Lộc Phát, Lộc Châu, Lộc Tân và thị trấn B'Lao.

- Huyện Đa Huoai gồm có các xã: Mađaguôi, Đa Oai, Đa M'ri, Đa Poal, Đa Tẻ, Đa Kộ, Đa Lay; thị trấn Mađaguôi, thị trấn nông trường Đa Tẻ và thị trấn nông trường Đa M'ré.

- Huyện Lạc Dương gồm có các xã: Kill Plagnol Hạ, Lát, Đa M'Rong, Đa Tông, Đa Long và thị trấn Lạc Dương.

- Huyện Đơn Dương gồm có các xã: Tu Tra, Ka Đơn, Thạnh Mỹ, Ka Đô, Lạc Xuân, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Loan và thị trấn Đơn Dương.

- Huyện Đức Trọng gồm có các xã: Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, Tùng Nghĩa, Phú Hội, Bình Thạnh, Phú Sơn, Đinh Văn, Tân Hội, Đa Đồn, N'Thol Hạ, Phi Tô và Tân Văn.

- Huyện Di Linh gồm có các xã: Di Linh, Ninh Gia, Đinh Lạc, Tân Châu, Sơn Điền, Gung Ré, Đinh Trang Thượng, Đinh Trang Hòa, Tân Thượng, Hòa Bắc, Gia Hiệp và Liên Đàm.

- Thành phố Đà Lạt gồm có 06 phường: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Phường 6 và 03 xã: Tà Nung, Xuân Trường, Xuân Thọ.

2.2.2.2. Ngày 19/9/1981, thực hiện Quyết định số 77-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới một số xã và thị trấn thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Di Linh chuyển xã Di Linh thành thị trấn Di Linh và thành lập xã Bảo Thuận.

- Huyện Đức Trọng thành lập khu kinh tế mới của Hà Nội lấy tên là thị trấn nông trường Nam Ban.

2.2.2.3. Ngày 29/12/1981, sáp nhập xã Đồng Nai thuộc huyện Phước Long, tỉnh Sông Bé vào huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

2.2.2.4. Ngày 28/3/1983, thực hiện Quyết định số 22-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Bảo Lộc chia xã Lộc Ngãi thành hai xã là xã Lộc Ngãi và xã Lộc Đức;

- Huyện Đơn Dương chia xã Loan thành hai xã lấy tên là xã Ninh Loan và xã Đà Loan.

2.2.2.5. Ngày 06/3/1984, thực hiện Quyết định số 38-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Di Linh chia xã Gia Hiệp thành 02 xã là xã Gia Hiệp và xã Tam Bó; chia xã Sơn Điền thành hai xã là xã Sơn Điền và xã Gia Bắc, chia xã Đinh Trang Hòa thành hai xã là xã Đinh Trang Hòa và xã Hòa Trung;

- Huyện Đạ Huoai: Chia xã Đạ Kệ thành 02 xã là xã Đạ Kệ và xã Triệu Hải; chia xã Đạ Tẻh thành 02 xã là xã An Nhơn và xã Hà Đông; chia xã Đồng Nai thành 04 xã là xã Quảng Ngãi, xã Phù Mỹ, xã Đồng Nai và xã Phước Cát.

- Huyện Lạc Dương chia xã Kill Plagnol Hạ thành 02 xã là xã Đạ Chais và xã Đạ Sar.

- Huyện Đức Trọng giải thể xã Tùng Nghĩa để thành lập thị trấn Liên Nghĩa.

2.2.2.6. Thực hiện Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/6/1986, Hội đồng Bộ trưởng về điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, thị trấn thuộc các huyện Đạ Huoai, Đơn Dương, Di Linh và thành phố Đà Lạt thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

a) Huyện Đạ Huoai:

- Chia xã Đạ P'loa thành hai xã lấy tên là xã Đạ P'loa và xã Đoàn Kết;

- Chia xã Đạ M'ri thành ba ĐVHC lấy tên là xã Đạ M'ri, xã Hà Lâm và thị trấn Đạ M'ri;

- Chia xã Đạ Oai thành hai xã lấy tên là xã Đạ Oai và xã Đạ Tồn;
- Chia xã Triệu Hải thành hai xã lấy tên là xã Triệu Hải và xã Quảng Trị;
- Chia xã Hà Đông thành ba xã lấy tên là xã Hà Đông, xã Mỹ Đức và xã Quốc Oai;
- Chia xã Đạ Lây thành hai xã lấy tên là xã Đạ Lây và xã Hương Lâm;
- Chia xã Quảng Ngãi thành hai xã lấy tên là xã Quảng Ngãi và xã Tư Nghĩa;
- Chia xã Phù Mỹ thành hai xã lấy tên là xã Phù Mỹ và xã Mỹ Lâm;
- Chia xã Đồng Nai thành năm ĐVHC lấy tên là xã Đức Phổ, xã Nam Ninh, xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng và thị trấn Đồng Nai;
- Chia xã Phước Cát thành hai xã lấy tên là xã Phước Cát 1 và xã Phước Cát 2.

b) Huyện Đơn Dương:

- + Chia xã Đà Loan thành hai xã lấy tên là xã Đà Loan và xã Tà Năng;
- + Chia xã Ninh Loan thành hai xã lấy tên là xã Ninh Loan và Tà Hine.

c) Huyện Di Linh: Chia xã Đinh Trang Hòa thành ba xã lấy tên là xã Đinh Trang Hòa, xã Hòa Ninh và xã Hòa Nam.

d) Thành phố Đà Lạt:

- + Chia Phường 1 thành hai phường lấy tên là Phường 1 và Phường 2;
- + Chia Phường 2 thành hai phường lấy tên là Phường 3 và Phường 4;
- + Chia Phường 3 thành hai phường lấy tên là Phường 5 và Phường 6;
- + Chia Phường 4 thành hai phường lấy tên là Phường 7 và Phường 8;
- + Chia Phường 5 thành hai phường lấy tên là Phường 9 và Phường 10;
- + Chia Phường 6 thành hai phường lấy tên là Phường 11 và Phường 12.

2.2.2.7. Thực hiện Quyết định số 68-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, chia huyện Đạ Huoai thành ba huyện, trong đó: Huyện Đạ Huoai có 2 thị trấn: Mađaguôi, Đạ M'ri và 7 xã: Đạ P'loa, Đoàn Kết, Đạ M'ri, Hà Lâm, Mađaguôi, Đạ Oai, Đạ Tồn; huyện Đạ Tẻh có thị trấn Đạ Tẻh và 9 xã: Đạ Kho, Triệu Hải, Quảng Trị, Hà Đông, Mỹ Đức, Quốc Oai, An Nhơn, Đạ Lây, Hương Lâm; huyện Cát Tiên có thị trấn Đồng Nai và 10 xã: Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Mỹ Lâm, Phù Mỹ, Đức Phổ, Nam Ninh, Gia Viễn, Tiên Hoàng, Phước Cát 1, Phước Cát 2.

2.2.2.8. Thực hiện Quyết định số 157-HĐBT ngày 24/10/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, xã và thị trấn thuộc tỉnh Lâm Đồng; trong đó:

- Chuyển xã Ninh Gia của huyện Di Linh; 04 xã: Đà Loan, Ninh Loan, Tà Hine và Tà Năng của huyện Đơn Dương về cho huyện Đức Trọng.

- Giải thể xã Thanh Mỹ của huyện Đơn Dương để thành lập thị trấn Thanh Mỹ.

- Thành lập 10 xã mới của huyện Đức Trọng gồm: Rô Men, Liêng Srônh, Phi Liêng, Phúc Thọ, Tân Thanh, Hoài Đức, Đan Phượng, Tân Hà, Gia Lâm, Đông Thanh; chia thị trấn Nam Ban thành 02 ĐVHC: Thị trấn Nam Ban và xã Mê Linh; giải thể xã Đình Văn thành lập thị trấn Đình Văn.

- Chia huyện Đức Trọng thành 02 huyện lấy tên là huyện Đức Trọng và huyện Lâm Hà, trong đó:

- + Huyện Đức Trọng có thị trấn Liên Nghĩa và 11 xã: (Đà Loan, Bình Thạnh, Phú Hội, Liên Hiệp, Ninh Gia, Ninh Loan, N'Thôn Hạ, Tà Hine, Tà Năng, Hiệp Thạnh, Tân Hội).

- + Huyện Lâm Hà có 02 thị trấn Nam Ban, thị trấn Đình Văn và 15 xã (Đạ Đờn, Phi Tô, Phú Sơn, Tân Văn, Phi Liêng, Rô Men, Liêng Srônh, Phúc Thọ, Tân Thanh, Hoài Đức, Đan Phượng, Tân Hà, Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh).

2.2.2.9. Thực hiện Quyết định số 135-HĐBT ngày 16/9/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của huyện Đơn Dương thuộc tỉnh Lâm Đồng, trong đó: Chia xã Ka Đô thành 2 xã lấy tên là xã Ka Đô và xã Quảng Lập; chia xã Ka Đơn thành 2 xã lấy tên là xã Ka Đơn và xã Pró; thành lập thị trấn Đ' Ran trên cơ sở xã Lạc Nghiệp.

2.2.2.10. Thực hiện Nghị định số 65-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ về chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, trong đó:

- Thị xã Bảo Lộc: Chia thị trấn B'lao thành 3 ĐVHC là Phường 1, Phường 2 và phường B'lao; thành lập xã Đam Bri trên cơ sở thôn Đam Bri; thành lập phường Lộc Tiến trên cơ sở xã Lộc Tiến; thành lập phường Lộc Sơn trên cơ sở xã Lộc Sơn; thành lập phường Lộc Phát trên cơ sở xã Lộc Phát. Sau điều chỉnh thị xã Bảo Lộc có 10 ĐVHC (*Phường 1, 2, B'lao, Lộc Sơn, Lộc Tiến, Lộc Phát và 4 xã: Lộc Châu, Đam Bri, Lộc Thanh và Lộc Nga*).

- Huyện Bảo Lâm: Chia xã Lộc Thắng thành thị trấn Lộc Thắng và xã Lộc Quảng; chia xã Lộc Lâm thành xã Lộc Lâm và xã Lộc Phú; chia xã Lộc Bắc thành xã Lộc Bắc và xã Lộc Bảo. Sau điều chỉnh huyện Bảo Lâm có 12 ĐVHC, gồm thị trấn Lộc Thắng và 11 xã (*Lộc Quảng, Lộc Ngãi, Lộc Đức, Lộc Lâm, Lộc Phú, Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc An, Lộc Tân, Lộc Thành và Lộc Nam*).

2.2.3. Từ năm 1997 đến năm 2018

2.2.3.1. Thực hiện Nghị định số 38/1999/NĐ-CP ngày 18/06/1999 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập xã thuộc các huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và thị xã Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng; trong đó:

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Hiệp An trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Hiệp Thạnh.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Liên Hà trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tân Hà.

- Huyện Di Linh: Thành lập xã Tân Nghĩa trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Đình Lạc.

- Thị xã Bảo Lộc: Thành lập xã Đại Lào trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Châu.

2.2.3.2. Thực hiện Nghị định số 79/1999/NĐ-CP ngày 24/8/1999 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới xã thuộc các huyện Lạc Dương, Lâm Hà và Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lạc Dương: Thành lập xã Đưng K'Nó trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Đa Long.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Đa K'Nàng trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Phi Liêng.

- Huyện Bảo Lâm: Thành lập xã Tân Lạc trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Thành.

2.2.3.3. Thực hiện Nghị định số 62/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Đơn Dương: Thành lập xã Đa Ròn trên cơ sở một phần diện tích, dân số của thị trấn Thạnh Mỹ.

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Tân Thành trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tân Hội.

- Huyện Bảo Lâm: Thành lập xã B'Lá trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Lộc Quảng.

2.2.3.4. Thực hiện Nghị định số 112/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Lâm Hà, Đa Huoai, Đa Tẻh, Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Nam Hà trên cơ sở một phần diện tích, dân số của thị trấn Nam Ban.

- Huyện Đa Huoai: Thành lập xã Phước Lộc trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Hà Lâm.

- Huyện Đa Tềh: Thành lập xã Đa Pal trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Triệu Hải.

- Huyện Cát Tiên: Thành lập xã Đồng Nai Thượng trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Tiên Hoàng.

2.2.3.5. Thực hiện Nghị định số 189/2004/NĐ-CP ngày 17/11/2004 của Chính phủ về thành lập xã thuộc các huyện Lạc Dương, Lâm Hà và thành lập huyện Đam Rông tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Huyện Lạc Dương: Thành lập xã Đa Nhím trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Đa Chais.

- Huyện Lâm Hà: Thành lập xã Đa Rsal trên cơ sở một phần diện tích, dân số của xã Rô Men.

- Thành lập huyện Đam Rông trên cơ sở diện tích, dân số của 03 xã Đa M'rong, Đa Tông, Đa Long của huyện Lạc Dương và 05 xã (Liêng Srôngh, Đa Rsal, Phi Liêng, Đa K'Nang, Rô Men của huyện Lâm Hà).

2.2.3.6. Thực hiện Nghị định số 10/2009/NĐ-CP ngày 06/03/2009 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng và huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

- Thành phố Đà Lạt: Thành lập xã Trạm Hành trên cơ sở 1 phần diện tích, dân số của xã Xuân Trường.

- Huyện Đức Trọng: Thành lập xã Đa Quyn trên cơ sở 1 phần diện tích, dân số của xã Tà Năng.

- Huyện Di Linh: Thành lập xã Tân Lâm trên cơ sở 1 phần diện tích, dân số của xã Tân Thượng.

Như vậy tính đến cuối năm 2012, đầu năm 2013, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 148 ĐVHC cấp xã, trong đó có 118 xã, 18 phường và 12 thị trấn.

2.2.3.7. Thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn để mở rộng địa giới hành chính các thị trấn Lạc Dương thuộc huyện Lạc Dương, thị trấn Di Linh thuộc huyện Di Linh, thị trấn Đồng Nai thuộc huyện Cát Tiên và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên thuộc huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng, trong đó:

Huyện Cát Tiên: Nhập xã Phù Mỹ vào thị trấn Đồng Nai và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên.

2.2.3.8. Ngày 12/4/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 493/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị trấn Phước Cát thuộc huyện Cát Tiên trên cơ sở dân số và diện tích xã Phước Cát 1.

Tính đến 30/4/2018, tỉnh Lâm Đồng có 147 ĐVHC cấp xã (116 xã, 18 phường và 13 thị trấn).

2.2.4. Từ năm 2019 đến nay

- Thực hiện Nghị quyết số 833/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã thuộc tỉnh Lâm Đồng, theo đó, tỉnh Lâm Đồng thực hiện sắp xếp 10 ĐVHC cấp xã thành 05 ĐVHC cấp xã cụ thể:

- + Nhập xã Mỹ Lâm vào xã Nam Ninh, huyện Cát Tiên thành xã Nam Ninh.
- + Nhập xã Tư Nghĩa vào xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên thành xã Quảng Ngãi.
- + Nhập xã Hà Đông vào xã Mỹ Đức, huyện Đa Tễ thành xã Mỹ Đức.
- + Nhập xã Hương Lâm vào xã Đa Lây, huyện Đa Tễ thành xã Đa Lây.
- + Nhập xã Đa M'ri vào thị trấn Đa M'ri, huyện Đa Huoai thành thị trấn Đa M'ri.

Sau khi sắp xếp tỉnh Lâm Đồng có 142 ĐVHC cấp xã, gồm: 111 xã, 18 phường, 13 thị trấn.

- Thực hiện Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 – 2025; theo đó tỉnh Lâm Đồng thực hiện sắp xếp 10 ĐVHC cấp xã, cụ thể:

- + Nhập xã Triệu Hải vào xã Quảng Trị, huyện Đa Huoai.
- + Thành lập xã Bà Gia trên cơ sở nhập xã Đoàn Kết và xã Đa P'loa, huyện Đa Huoai.
- + Nhập xã Phước Lộc vào xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai.
- + Nhập xã Đa Tồn vào xã Đa Oai, huyện Đa Huoai.
- + Nhập xã Pró vào xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương.

3. Số lượng ĐVHC các cấp tính đến thời điểm lập Đề án

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 10 ĐVHC cấp huyện (08 huyện, 02 thành phố)¹¹; 137 ĐVHC cấp xã (106 xã, 18 phường và 13 thị trấn)¹².

¹¹ Trong đó có: 06 loại I (Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm), 04 loại II (Lạc Dương, Đơn Dương, Đam Rông, Đa Huoai).

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

1. Tỉnh Lâm Đồng

1.1. Diện tích tự nhiên¹³: 9.781,20 Km².

1.2. Quy mô dân số¹⁴: 1.595.597 người (dân số thường trú 1.490.076; số tạm trú 105.521).

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Lâm Đồng

Năm 2025, là năm cuối của nhiệm kỳ 2020-2025, có ý nghĩa quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, Nghị quyết của Bộ Chính trị¹⁵, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Được sự ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Tỉnh ủy; sự phối hợp, đồng hành và giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả, sát tình hình, có trọng tâm, trọng điểm và nỗ lực ứng phó kịp thời với những vấn đề phát sinh, được dư luận quan tâm; qua đó, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nổi bật sau:

1.3.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 đạt 4,02% (*kế hoạch năm 2024: tăng 7,2 - 7,8%*); trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4,19% (*kế hoạch năm 2024: tăng 5,1 - 5,2%*); khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 0,37% (*kế hoạch năm 2024: tăng 7,7 - 8,7%*); khu vực dịch vụ đạt 6,24% (*kế hoạch năm 2024: tăng 9 - 10%*).

- Cơ cấu kinh tế: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 42,54% (*kế hoạch năm 2024: 36,1 - 36,6%*); ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 18,87% (*kế hoạch năm 2024: 19,4 - 19,5%*); ngành dịch vụ chiếm 38,59% (*kế hoạch năm 2024: 44 - 44,4%*).

- GRDP bình quân đầu người đạt 98,96 triệu đồng (*kế hoạch năm 2024: 95 - 95,3 triệu đồng*); tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 14,47% (*kế hoạch năm 2024: 6,0 - 7,0%*).

¹² Trong đó có: 103 loại I; 33 loại II; 01 loại III (xã Đức Phở, huyện Đa Huoai).

¹³ Văn bản số 63/SNNMT-QLĐĐ ngày 07/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

¹⁴ Văn bản số 3777/CAT-PC06 ngày 31/12/2024 của Công an tỉnh.

¹⁵ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đến hết năm 2024 bằng 26,5% GRDP (kế hoạch năm 2024: 34 - 36%).

- Thu ngân sách nhà nước đến ngày 31/12/2024 đạt 13.175,3 tỷ đồng, bằng 100,6% dự toán Trung ương giao, bằng 93,1% dự toán địa phương (kế hoạch năm 2024: 14.150 tỷ đồng); trong đó, thu thuế, phí, lệ phí đạt 7.740,4 tỷ đồng, bằng 107,4% dự toán Trung ương, bằng 96,8% dự toán địa phương và bằng 98% so với cùng kỳ (kế hoạch năm 2024: 8.000 tỷ đồng).

- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 985,8 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ (kế hoạch năm 2024: 985 triệu USD, tăng 6%).

- Tổng lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú đạt 7.600 nghìn lượt khách, tăng 13,4% so với cùng kỳ (kế hoạch năm 2024: 7.600 nghìn lượt, tăng 13,4%); trong đó, khách quốc tế đạt 600 nghìn lượt khách, tăng 50% (kế hoạch năm 2024: 550 nghìn lượt, tăng 37,5%).

1.3.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82% (kế hoạch năm 2024: 82%); trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ chiếm 23% (kế hoạch năm 2024: 23,7%).

- Tỷ lệ thất nghiệp là 0,53% (kế hoạch năm 2024: dưới 1,2%); trong đó, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 1,02% (kế hoạch năm 2024: dưới 2,0%).

- Tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm 1,97% (7.122 hộ), giảm 1,19% so với năm 2023 (kế hoạch năm 2024: giảm từ 0,5 - 1,0%); trong đó, tỷ lệ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 5,47% (4.492 hộ), giảm 3,28% so với năm 2023 (kế hoạch năm 2024: giảm từ 1,0 - 2,0%).

- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 94,2% (kế hoạch năm 2024: 93,65%); có 35,2% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021 - 2030 (kế hoạch năm 2024: 30%); có 9,1 bác sĩ/vạn dân (kế hoạch năm 2024: 9,1 bác sĩ/vạn dân); có 22,98 giường bệnh/vạn dân (kế hoạch năm 2024: 22,8 giường bệnh/vạn dân).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,0% (kế hoạch năm 2024: 1,0%).

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 83,2% (kế hoạch năm 2024: 83,1%); tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương đạt 82,1% (kế hoạch năm 2024: 82%).

- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 91,8% (kế hoạch năm 2024: 91,8%); tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa đạt 96,5% (kế hoạch năm 2024: 95%); tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 100% (kế hoạch năm 2024: 100%); tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh đạt 100% (kế

hoạch năm 2024: 89%); tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 98% (kế hoạch năm 2024: 98%).

1.3.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 95,6% (kế hoạch năm 2024: 95,6%); tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 88,89%¹⁶ (kế hoạch năm 2024: 100%).

- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 78% (kế hoạch năm 2024: 78%); tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 97,8% (kế hoạch năm 2024: 97,5%).

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,37% (kế hoạch năm 2024: 54,5%).

1.3.4. Các chỉ tiêu về nông thôn mới

Toàn tỉnh có 106/106 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 41 xã nông thôn mới nâng cao; 16 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (gồm: Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà); 02 thành phố (Đà Lạt, Bảo Lộc) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới¹⁷.

1.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện

Có 10 ĐVHC cấp huyện (gồm: 08 huyện và 02 thành phố).

Thông kê hiện trạng diện tích¹⁸, dân số¹⁹
các ĐVHC cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

TT	Tên ĐVHC cấp huyện	KV miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Dân tộc thiểu số		Số ĐVHC trực thuộc
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ % (so với NQ 1211)	Dân số	Tỷ lệ % (so với NQ 1211)	Số người	Tỷ lệ %	
	Tỉnh Lâm Đồng		9.781,2	122,27	1.595.597	177,29	393.162	24,64	137
	Thành phố								
1	Thành phố Đà Lạt	X	391,15	260,77	281.531	187,69	14.166	5,03	16
2	Thành phố Bảo Lộc	X	233,95	155,97	203.046	135,36	6917	3,41	11

¹⁶ Hiện nay Bãi rác tập trung huyện Đức Trọng (bãi rác Pré) vẫn đang tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Đức Trọng nên chưa thể thực hiện công tác đóng cửa bãi rác và xử lý triệt để ô nhiễm theo quy định.

¹⁷ Sau khi hoàn thành sáp nhập các ĐVHC cấp huyện, xã (tháng 12/2024) toàn tỉnh có 106/106 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 100%); có 39/106 xã nông thôn mới nâng cao (chiếm 36,79 %); có 14/106 xã nông thôn mới kiểu mẫu (chiếm 13,20 %); có 05/10 huyện/thành phố đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (đạt 50%, gồm: Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc).

¹⁸ Văn bản số 63/SNNMT-QLĐĐ ngày 07/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

¹⁹ Văn bản số 3777/CAT-PC06 ngày 31/12/2024 của Công an tỉnh.

	Huyện								
1	Huyện Lạc Dương	x	1.313,94	154,58	35.699	44,62	23.538	65,93	6
2	Huyện Đơn Dương	x	611,85	71,98	131.529	164,41	41.602	31,63	9
3	Huyện Đức Trọng	x	903,13	106,25	226.899	283,62	74.327	32,76	15
4	Huyện Lâm Hà	x	930,27	109,44	170.886	213,61	40.141	23,49	16
5	Huyện Đam Rông	x	872,56	102,65	63.895	79,87	40.646	63,61	8
6	Huyện Di Linh	x	1.613,16	189,78	194.959	243,70	76.231	39,10	19
7	Huyện Bảo Lâm	x	1.462,72	172,08	140.145	175,22	43.144	30,78	14
8	Huyện Đa Huoai	x	1.448,48	170,41	146.978	183,72	32.450	22,08	23

1.5. Số lượng ĐVHC cấp xã

Toàn tỉnh Lâm Đồng có 137 ĐVHC cấp xã, trong đó có 106 xã, 18 phường và 13 thị trấn.

2. Đánh giá về tiêu chuẩn của 137 xã, phường, thị trấn về quy mô diện tích và dân số:

2.1. Số ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số

Có 35 ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số (100 km², 5.000 người đối với xã; 5,5 km² và 15.000 người đối với phường), gồm 35 đơn vị (10 phường, 02 thị trấn và 23 xã).

2.2. Số ĐVHC đảm bảo 01 trong 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số

- Về diện tích tự nhiên: Có 45 ĐVHC cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn, gồm: 31 xã, 12 phường và 02 thị trấn.

- Về quy mô dân số: Có 109 ĐVHC cấp xã có quy mô dân số đảm bảo tiêu chuẩn gồm: 82 xã, 14 phường và 13 thị trấn.

2.3. Số ĐVHC không đảm bảo cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số: Có 18 ĐVHC cấp xã không đảm bảo cả 02 tiêu chuẩn, gồm: 16 xã, 02 phường.

2.4. Số ĐVHC không đảm bảo 01 trong 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên hoặc quy mô dân số:

- Về diện tích tự nhiên: Có 92 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn, gồm: 75 xã, 06 phường và 11 thị trấn.

- Về quy mô dân số: Có 28 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn, gồm: 24 xã, 04 phường.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp

Toàn tỉnh có 137 ĐVHC cấp xã (106 xã, 18 phường, 13 thị trấn); trong đó có 135 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, gồm 104 xã, 18 phường, 13 thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp

- Số ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: Không.
- Số ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: Có 02 xã không thực hiện sắp xếp (xã Ninh Gia huyện Đức Trọng và xã Bà Gia huyện Đa Huoai).

(Có các biểu và phụ lục kèm theo)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC. Việc sắp xếp ĐVHC phải tuân thủ Hiến pháp, thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Chú trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, thống nhất cao về chủ trương sắp xếp ĐVHC. Gắn việc sắp xếp ĐVHC với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm chính quyền cấp cơ sở gần dân, sát dân và phục vụ người dân được tốt nhất.

Căn cứ vào các Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của UBND cấp huyện; việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng không giới hạn trong phạm vi địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã hiện nay mà tính đến việc mở rộng không gian, dư địa phát triển cho các ĐVHC cấp cơ sở sau này; chú trọng đến việc thành lập chính quyền đô thị và nông thôn trên địa bàn.

Thực hiện sắp xếp **137** ĐVHC cấp xã để hình thành **51** ĐVHC cơ sở; trong đó gồm **09** phường và **42** xã, cụ thể như sau:

1. Thành lập Phường Xuân Hương - Đà Lạt trên cơ sở sắp xếp 05 ĐVHC cấp xã, gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4 và Phường 10 của thành phố Đà Lạt hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường Xuân Hương - Đà Lạt, có diện tích tự nhiên là 73,45 km² (đạt tỷ lệ 1.335,45%), dân số là 103.178 người (đạt tỷ lệ 687,85%), dân tộc thiểu số 2.982 người (đạt tỷ lệ 2,89%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Xuân Trường - Đà Lạt, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, huyện Đức Trọng và huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc Phường Xuân Hương - Đà Lạt: Sử dụng trụ sở làm việc của Thành ủy Đà Lạt hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Các ĐVHC này liền kề, qua quá trình hình thành và phát triển đã có nhiều tương đồng về truyền thống, văn hóa, dân tộc, phong tục tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và kinh tế - xã hội; là các địa phương hiện đang phát triển về du lịch, dịch vụ, thương mại, du lịch nghỉ dưỡng, giáo dục và đào tạo. Do vậy, việc sáp nhập các ĐVHC trên tương đối thuận lợi, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Sau khi sắp xếp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC mới phù hợp với quy định, sẽ là khu trung tâm lịch sử, khu vực trung tâm kinh tế - chính trị của thành phố và tỉnh Lâm Đồng; là vùng lõi của đô thị di sản, trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch hỗn hợp; trung tâm du lịch văn hóa, di sản cấp quốc gia và quốc tế; trung tâm bảo tồn không gian, cảnh quan, không gian mở, không gian kiến trúc đô thị; trung tâm giáo dục và đào tạo; phù hợp với định hướng không gian đô thị; trực giao thông kết nối thuận tiện, thuận lợi trong quản lý hành chính, đã có đầy đủ cơ sở hạ tầng, nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp phục vụ tốt cho định hướng phát triển dịch vụ, du lịch, thương mại trong tương lai.

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch 704 sẽ mở rộng đô thị về phía Nam với các dự án: Hồ Tuyền Lâm, Hồ Prenn, Bệnh viện Hoàn Mỹ, Trung tâm giao dịch hoa,...

2. Thành lập Phường Cam Ly - Đà Lạt trên cơ sở sắp xếp 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 5, Phường 6 và xã Tà Nung của thành phố Đà Lạt hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường Cam Ly - Đà Lạt, có diện tích tự nhiên là 80,92 km² (đạt tỷ lệ 1.471,27%); dân số là 48.919 người (đạt tỷ lệ 326,13%), dân tộc thiểu số 4.244 người (đạt tỷ lệ 8,68%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Xuân Hương - Đà Lạt; Phường Langbiang - Đà Lạt và huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường Cam Ly - Đà Lạt: Sử dụng trụ sở làm việc của UBND Phường 5 (đối với Đảng ủy), Phường 6 (đối với chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Các ĐVHC này liền kề, qua quá trình hình thành và phát triển đã có nhiều tương đồng về truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và kinh tế - xã hội; đồng thời giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa của vùng đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây nguyên (Cil, Cơ Ho, Lạch).

Sau khi sắp xếp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC mới phù hợp với quy định; sẽ là trung tâm dịch vụ thương mại và giải trí; trung tâm dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, du lịch hỗn hợp, du lịch nông nghiệp sinh thái đô thị; khu công viên thể thao; trục giao thông kết nối thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, mua bán, trao đổi hàng hóa và quản lý về mặt hành chính; bên cạnh đó khi sáp nhập giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa cộng đồng của vùng đồng bào dân tộc Cil, Cơ Ho, Lạch là vùng chuyên canh sản xuất hoa, tạo đà cho mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch 704, diện tích còn lại sẽ mở rộng đô thị về phía Tây gồm các dự án: Khu dân cư Cam Ly; khu trung tâm thương mại (sân bay Cam Ly hiện nay); khu đô thị phía Tây...

3. Thành lập Phường Lâm Viên - Đà Lạt trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm phường 8, phường 9, phường 12 của thành phố Đà Lạt hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường Lâm Viên - Đà Lạt với diện tích tự nhiên là 35,03 km² (đạt tỷ lệ 636,91%); dân số là 71.369 người (đạt tỷ lệ 475,79%), dân tộc thiểu số 3.674 người (đạt tỷ lệ 5,15%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Xuân Trường - Đà Lạt, Phường Lang Biang - Đà Lạt, Phường Xuân Hương - Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường Lâm Viên - Đà Lạt: Sử dụng trụ sở làm việc của UBND Phường 8 (Đảng ủy) và trụ sở của UBND Phường 9 (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Các ĐVHC này liền kề, qua quá trình hình thành và phát triển đã có nhiều tương đồng về truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và kinh tế - xã hội, thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, trục giao thông kết nối thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, mua bán, trao đổi hàng hóa và quản lý về mặt hành chính...

Sau khi sắp xếp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC mới phù hợp với quy định; sẽ là trung tâm giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ cấp quốc gia, quốc tế; trung tâm du lịch sinh thái đô thị; trung tâm du lịch cảnh quan; khu bảo tồn không gian cảnh quan tự nhiên, là địa phương triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch chất lượng cao và triển khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo.

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch 704 sẽ mở rộng đô thị về phía Bắc có các dự án: Thung lũng tình yêu, Hồ Than Thở và các Làng hoa Thái phiên.

4. Thành lập Phường Xuân Trường - Đà Lạt trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã, gồm phường 11 và 03 xã: Xuân Thọ, Xuân Trường, Trạm Hành của thành phố Đà Lạt hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường Xuân Trường - Đà Lạt, có diện tích tự nhiên là 168,83 km² (đạt tỷ lệ 3.069,64%); dân số là 36.163 người (đạt tỷ lệ 241,09%), dân tộc thiểu số 2.388 người (đạt tỷ lệ 6,6%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng và huyện Lạc Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường Xuân Trường - Đà Lạt: sử dụng trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 11 (đối với Đảng ủy) và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ hiện nay (đối với chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Sau khi sắp xếp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC mới phù hợp với quy định; theo định hướng quy hoạch chung 704 là trung tâm du lịch hỗn hợp; trung tâm điều dưỡng cấp quốc gia và quốc tế, trung tâm văn hóa, nghệ thuật, công viên rừng cảnh quan cấp vùng và cấp quốc gia, trung tâm giáo dục và đào tạo cấp vùng; là địa phương phát triển du lịch canh nông, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghiệp, có dư địa rất lớn để phát triển các dự án nhà ở, trung tâm thương mại, làng đô thị xanh, đặc biệt là các dự án tái tạo năng lượng (điện gió Xuân Trường 1)...

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch 704 khu vực này sẽ mở rộng về phía Đông (dự án đô thị phía Đông), kết nối đường tránh Prenn - Xuân Thọ, cao tốc Đà Lạt - Nha Trang, dự án điện gió Xuân Trường 2.

5. Thành lập Phường Lang Biang - Đà Lạt trên cơ sở sắp xếp 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 7 (thành phố Đà Lạt) và thị trấn Lạc Dương, xã Lát của huyện Lạc Dương.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường Langbiang - Đà Lạt, có diện tích tự nhiên là 322,66 km² (đạt tỷ lệ 5.866,55%), dân số là 40.041 người (đạt tỷ lệ 266,94%), dân tộc thiểu số 9.807 người (đạt tỷ lệ 24,49%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Phường Cam Ly - Đà Lạt, huyện Lạc Dương và huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường Lang Biang - Đà Lạt: Sử dụng trụ sở làm việc của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện Lạc Dương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Là các ĐVHC này liền kề; qua quá trình hình thành và phát triển cũng có những tương đồng về cộng đồng dân cư, dân tộc, tôn giáo, phong tục tập quán, văn hóa bản địa, điều kiện địa lý - tự nhiên, thuận lợi cho phát triển dịch vụ, thương mại giải trí, du lịch hỗn hợp, du lịch cảnh quan, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái đô thị; phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; khu công viên thể thao; tiếp tục giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa cộng chiêng, trực giao thông kết nối thuận tiện cho việc đi lại, giao thương, mua bán, trao đổi hàng hóa và quản lý về mặt hành chính...

Do vậy, việc sáp nhập các ĐVHC trên phù hợp với chủ trương, thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã không giới hạn trong phạm vi địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã hiện nay, nhằm mở rộng không gian đô thị của tỉnh Lâm Đồng, góp phần phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Sau khi sắp xếp, diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC mới phù hợp với quy định; tuy nhiên, diện tích khá rộng, số lượng người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 29,3% dân số thường trú; theo định hướng quy hoạch chung thuộc khu đô thị phía Tây là địa phương phát triển du lịch văn hóa bản địa, văn hóa cộng chiêng của đồng bào dân tộc Cơ Ho, Cil, Lạch..., du lịch dưới tán rừng, du lịch cảnh quan, du lịch canh nông, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công viên thể thao, là vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, là một trong những điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Theo định hướng điều chỉnh quy hoạch 704 khu vực này sẽ mở rộng về phía Tây, phù hợp với định hướng phát triển và cấu trúc không gian thành phố Đà Lạt được mở rộng về phía Lạc Dương theo định hướng Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2023), nhằm khai thác lợi thế phát triển dịch vụ, thương mại giải trí, du lịch hỗn hợp du lịch cảnh quan, du lịch nông nghiệp và sinh thái đô thị.

Về tổ chức giao thông và không gian, địa điểm phát triển: Phường 7, Thị trấn Lạc Dương, xã Lát nằm liền kề nhau, hệ thống giao thông liên vùng cơ bản đầu tư khá hoàn thiện và đồng bộ; có cùng độ cao từ 1500-1700 m so với mực nước biển, điều kiện thời tiết khí hậu khá tương đồng, diện tích rừng tự nhiên rất lớn chủ yếu rừng phòng hộ Đầu nguồn và rừng đặc dụng rất thuận lợi cho phát triển KT-XH, nhất là trong liên kết phát triển dịch vụ du lịch. Hiện nay, trên địa bàn huyện Lạc Dương có khu du lịch Lang Biang tiêu biểu, danh thắng quốc gia Núi Lang Biang, các Tour du lịch giao lưu văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên; mỗi năm đón gần 03 triệu khách đến tham quan, tạo nguồn thu đáng kể và giải quyết nhiều việc làm cho bà con bản địa. Đây cũng là vùng lõi Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (*Khu dự trữ sinh quyển đầu tiên của Tây Nguyên*)

- Các yếu tố lịch sử, văn hóa, tôn giáo: Phường 7, thị trấn Lạc Dương, xã Lát là vùng giáp ranh có quan hệ phối hợp, giao lưu, kết nghĩa trong quá trình công tác, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là sản xuất Nông nghiệp, đa số dân là người dân tộc thiểu số K'Ho, gốc Tây Nguyên, có chung văn hóa Công Chiêng, nhiều cư dân Phường 7 đang canh tác tại Thị trấn Lạc Dương; đa số theo các tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành Miền Nam (Việt Nam), Cơ đốc phục lâm.

6. Thành lập Phường 1 Bảo Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 1, Phường Lộc Phát và xã Lộc Thanh của thành phố Bảo Lộc hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường 1 Bảo Lộc, có diện tích tự nhiên là 51,46 km² (*đạt tỷ lệ 935,64%*); dân số là 55.845 người (*đạt tỷ lệ 372,30%*), dân tộc thiểu số 748 người (*đạt tỷ lệ 1,34%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 2, Phường B'Lao thuộc thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường 1 Bảo Lộc: Sử dụng trụ sở của UBND thành phố Bảo Lộc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

+ Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm và thành lập phường, xã mới thuộc thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này, thị xã Bảo Lộc có 10 ĐVHC cấp xã, trong đó có Phường 1, Phường Lộc Phát và xã Lộc Thanh.

+ Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng; theo đó, Phường 1, phường Lộc Phát và xã Lộc Thành thuộc thành phố Bảo Lộc ngày nay.

- Đặc điểm văn hóa: Sau khi thành lập, dân cư tại Phường 1 Bảo Lộc chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc đến sinh sống từ năm 1954 và năm 1975 đến nay. Trên địa bàn có trên 80,25% người dân theo đạo Công giáo, tạo nên đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo riêng biệt của địa phương. Phong tục, tập quán của người dân được hình thành, phát triển qua nhiều thế hệ, có sự giao thoa văn hóa, tín ngưỡng từ lâu đời tạo nên bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú, được thể hiện qua các phong tục, tập quán, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng.

- Hệ thống giao thông: Hệ thống giao thông của Phường 1 Bảo Lộc, với vị trí là nút giao thông quan trọng của 02 tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc và Bảo Lộc - Liên Khương; có khoảng 02 km Quốc lộ 20 và 26 km Quốc lộ 55 đi qua, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư.

- Các yếu tố tác động khác: Tiềm năng phát triển ngành công nghiệp: Phường 1 Bảo Lộc hiện có các doanh nghiệp đã đầu tư tại Cụm Công nghiệp Lộc Phát với các doanh nghiệp chế biến, chế tạo đang hoạt động có hiệu quả, vừa tạo việc làm cho người dân tại địa phương và đóng góp vào ngân sách nhà nước. Tiềm năng phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao: Phường 1 Bảo Lộc có tiềm năng, điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao, với điều kiện thiên nhiên ưu đãi và hệ thống cung ứng dịch vụ nông nghiệp đang hoạt động ổn định, với các vùng chuyên canh cây công nghiệp như chè, cà phê, hoa lan,... Tiềm năng phát triển du lịch: Phường 1 Bảo Lộc có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại hồ Đồng Nai, hồ Nam Phương 1, hồ Nam Phương 2, hồ Lộc Thanh... Tiềm năng mở rộng không gian đô thị: Phường 1 Bảo Lộc có diện tích đất thuận lợi cho phát triển mở rộng không gian đô thị, với các Dự án Khu dân cư tập trung đã được đầu tư và sẽ thu hút đầu tư các đô thị mới hiện đại, đáp ứng nhu cầu nhà ở ngày càng tăng của người dân.

- Hạ tầng cơ sở: Việc đặt Trung tâm hành chính Phường 1 Bảo Lộc tại Trụ sở làm việc của UBND thành phố Bảo Lộc hiện nay, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ hành chính công, chất lượng dịch vụ công được nâng cao. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ (trên địa bàn có Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, hệ thống các Trường Mầm non, Trung học phổ thông,...) và trụ sở của các cơ quan hành chính, góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho người dân địa phương.

7. Thành lập Phường 2 Bảo Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 2, xã ĐamBri của thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân của huyện Bảo Lâm.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường 2 Bảo Lộc, có diện tích tự nhiên là 176,72 km² (đạt tỷ lệ 3.213,09%), dân số là 49.564 người (đạt tỷ lệ 330,43%), dân tộc thiểu số 6.525 người (đạt tỷ lệ 70,77%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 1, Phường 3, phường B'Lao thuộc thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc ĐVHC Phường 2 Bảo Lộc: Sử dụng trụ sở làm việc của UBND Phường 2 và UBND xã Đam Bri.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường 2, xã ĐamBri thuộc thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân thuộc huyện Bảo Lâm hiện nay đã trải qua nhiều giai đoạn thay đổi quan trọng, từ việc tách huyện Bảo Lộc (cũ) thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm từ năm 1994 và thành lập thành phố Bảo Lộc vào năm 2010. Trong suốt quá trình này, Phường 2, xã ĐamBri thuộc thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân thuộc huyện Bảo Lâm là những ĐVHC quan trọng của địa phương; cụ thể:

+ Ngày 14/3/1979, Chính phủ ban hành Quyết định số 116-CP chia huyện Bảo Lộc thành hai huyện lấy tên là huyện Bảo Lộc và huyện Đa Huoai; trong đó: Huyện Bảo Lộc gồm thị trấn Bảo Lộc (B'Lao) và các xã: Lộc Lâm, Lộc Nam, Lộc Thắng, Lộc An, Lộc Thanh, Lộc Sơn, Lộc Tiến, Lộc Bắc, Lộc Ngãi, Lộc Thành, Lộc Phát, Lộc Châu, Lộc Tân, Lộc Nga.

+ Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm. Theo đó, thị xã Bảo Lộc có 10 ĐVHC cấp xã (trong đó, chia tách thị trấn B'Lao thành Phường 1, Phường 2, phường B'Lao thuộc thị xã Bảo Lộc và thành lập xã ĐamBri trên cơ sở thôn ĐamBri có diện tích tự nhiên 2,3 km² với 2.286 nhân khẩu của xã Lộc Tân); huyện Bảo Lâm có 12 ĐVHC cấp xã, trong đó có xã Lộc Tân ngày nay.

+ Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng, theo đó, Phường 2 và xã ĐamBri thuộc thành phố Bảo Lộc ngày nay.

- Đặc điểm văn hóa: Sau khi thành lập, Phường 2 Bảo Lộc có cơ cấu dân cư đa dạng, có người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên và người dân từ các tỉnh phía Bắc đến lập nghiệp, sinh sống từ năm 1954 và 1975. Có trên 14,20% là người đồng bào dân tộc thiểu số tạo nên bản sắc văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng, riêng biệt; các phong tục, tập quán được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ, góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa, dân tộc của địa phương nơi đây.

- Hệ thống giao thông: Phường 2 Bảo Lộc sau khi thành lập có hệ thống giao thông khá thuận lợi với khoảng 5km đường Quốc lộ 20 và tuyến đường cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc đi qua. Các tuyến đường kết nối với các ĐVHC liền kề

và hệ thống đường nội thị đã được đầu tư, xây dựng, hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đi lại, giao thương của Nhân dân.

- Các yếu tố tác động khác:

+ Tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ: Sau khi được thành lập, Phường 2 Bảo Lộc có điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại và dịch vụ, với các khu trung tâm thương mại, siêu thị, các khách sạn, nhà hàng cùng các điểm dừng chân, buôn bán, dịch vụ dọc hai bên tuyến Quốc lộ 20 hoạt động hiệu quả; thuận lợi phát triển các hoạt động thương mại, đáp ứng nhu cầu của người dân và du khách.

+ Tiềm năng phát triển về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp: Phường 2 Bảo Lộc sau khi thành lập có nhiều doanh nghiệp, xí nghiệp, cơ quan, đơn vị đóng chân trên địa bàn, tạo việc làm cho nhiều lao động địa phương. Bên cạnh đó, Phường 2 Bảo Lộc có vùng nguyên liệu (chè, cà phê, dâu tằm) lớn nên có tiềm năng lớn để phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản; tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp của địa phương, thu hút nguồn lao động của địa phương và vùng lân cận.

+ Tiềm năng phát triển du lịch: Phường 2 Bảo Lộc có tiềm năng phát triển du lịch, với các điểm du lịch nổi tiếng như: Khu du lịch Thác Đambri, hồ Nam Phương 1, hồ Đảo Ngọc, thác Liêng Aï, ... cùng với hệ thống cơ sở lưu trú, ẩm thực đa dạng, trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cùng với nền văn hóa đa dạng của người đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên (như K'ho, Mạ,...) có tiềm năng để phát triển ngành du lịch, nhất là du lịch canh nông và nghỉ dưỡng sinh thái.

+ Trình độ dân trí và an ninh: Người dân Phường 2 Bảo Lộc có trình độ dân trí tương đối cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững, ổn định. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương phát triển bền vững, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

+ Hạ tầng cơ sở: Việc đặt Trung tâm hành chính Phường 2 Bảo Lộc tại Trụ sở làm việc của UBND Phường 2 và xã Đambri hiện nay, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ hành chính công, chất lượng dịch vụ công được nâng cao. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ (trên địa bàn có Quảng trường 28/3, hệ thống các Trường Mầm non, Trung học phổ thông, Cao đẳng,...) góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập cho người dân địa phương.

8. Thành lập Phường 3 Bảo Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu và xã Đại Lào của thành phố Bảo Lộc hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường 3 Bảo Lộc, có diện tích tự nhiên là 108,98 km² (đạt tỷ lệ 1.981,45%), dân số là 54.445 người (đạt tỷ lệ 362,97%), dân tộc thiểu số 2.063 người (đạt tỷ lệ 3,79%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phường 2, phường B'Lao thuộc thành phố Bảo Lộc, huyện Đạ Huoai và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường 3 Bảo Lộc: Sử dụng trụ sở UBND phường Lộc Tiến và UBND xã Lộc Châu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Lịch sử hình thành và phát triển: Phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu thuộc thị xã Bảo Lộc được hình thành từ năm 1994, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP chia tách huyện Bảo Lộc (cũ) thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm. Tiếp đó là sự ra đời của xã Đại Lào trên cơ sở tách 6,2 km² diện tích tự nhiên và 16.457 nhân khẩu của xã Lộc Châu (tại Nghị định số 38/1999/NĐ-CP ngày 16/6/1999 của Chính phủ), đánh dấu những bước phát triển quan trọng của khu vực này.

+ Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, Phường Lộc Tiến, xã Đại Lào và xã Lộc Châu thuộc thành phố Bảo Lộc ngày nay.

- Đặc điểm văn hóa: Sau khi thành lập, Phường 3 Bảo Lộc có cơ cấu dân cư đa dạng, chủ yếu tập trung người dân từ các tỉnh phía Bắc đến sinh sống từ năm 1954 và sau năm 1975. Có trên 66,24% người dân theo đạo Công giáo, tạo nên bản sắc văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng, riêng biệt; các phong tục, tập quán được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ, góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa, dân tộc của địa phương.

- Hệ thống giao thông: Phường 3 Bảo Lộc có hệ thống giao thông khá thuận lợi với gần 20 km Quốc lộ 20 và đường tránh phía Nam Bảo Lộc đi qua; đây là tuyến đường huyết mạch kết nối liên vùng giữa các địa phương và các tỉnh lân cận.

- Các yếu tố tác động khác:

+ Tiềm năng phát triển công, nông nghiệp: Phường 3 Bảo Lộc có diện tích vùng nguyên liệu lớn (chè, cà phê, dâu tằm, cây ăn trái,...) có tiềm năng lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản, góp phần nâng cao giá trị sản xuất, thu hút lao động tại địa phương và vùng phụ cận.

+ Phường 3 Bảo Lộc có tiềm năng để mở rộng phát triển không gian đô thị, thu hút đầu tư với các dự án khu dân cư, khu đô thị mới, khu du lịch nghỉ dưỡng,

chăm sóc sức khỏe, du lịch canh nông, các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Việc phát triển đô thị hướng tới mô hình đô thị xanh, thông minh và bền vững.

+ Tiềm năng phát triển nguồn nhân lực: Trên địa bàn Phường 3 Bảo Lộc có hệ thống giáo dục khép kín từ bậc mầm non đến đại học (hệ thống các Trường Mầm non, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trung cấp nghề, đại học được đầu tư cơ bản và hoàn thiện), nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương.

+ Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Phường 3 Bảo Lộc được giữ vững, ổn định; đây là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Hạ tầng cơ sở: Trung tâm hành chính Phường 3 Bảo Lộc được bố trí 02 trụ sở làm việc. Trong đó: Trụ sở chính đặt tại trụ sở làm việc của UBND xã Lộc Châu hiện nay và 01 trụ sở đặt tại trụ sở làm việc của UBND phường Lộc Tiến hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

9. Thành lập Phường B'Lao trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm phường Lộc Sơn, phường B'Lao và xã Lộc Nga của thành phố Bảo Lộc hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC Phường B'Lao, có diện tích tự nhiên là 33,72 km² (*đạt tỷ lệ 613,09%*); dân số là 51.538 người (*đạt tỷ lệ 343,59%*), dân tộc thiểu số 2.989 người (*đạt tỷ lệ 5,8%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phường 1, Phường 2, Phường 3 thuộc thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Phường B'Lao: Sử dụng trụ sở UBND Phường Lộc Sơn và UBND phường B'Lao hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

+ Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 65-CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm và thành lập phường, xã mới thuộc thị xã Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này, thị xã Bảo Lộc có 10 ĐVHC cấp xã, trong đó có phường B'Lao, phường Lộc Sơn và xã Lộc Nga.

+ Ngày 08/4/2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thành lập thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng, đánh dấu việc thành lập phường B'Lao, phường Lộc Sơn và xã Lộc Nga thuộc thành phố Bảo Lộc.

- Đặc điểm văn hóa: Dân cư phường B'Lao, phường Lộc Sơn và xã Lộc Nga chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc đến sinh sống từ năm 1954 và sau năm 1975

đến nay. Với việc giao thoa văn hóa và giữ được những nét đặc trưng riêng của bản sắc của từng địa phương, thể hiện qua phong tục, tập quán, các hoạt động văn hóa, lễ hội và đời sống tinh thần, tâm linh của người dân.

- Hệ thống giao thông: Hệ thống giao thông khá hoàn thiện và thuận lợi với nhiều tuyến đường quan trọng đi qua như: Có Quốc lộ 20, Quốc lộ 55 và khoảng 15 km đường tránh phía Nam Bảo Lộc đi qua. Phường B'Lao có lợi thế lớn trong việc kết nối với các địa phương lân cận, có tiềm năng rất lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giao thương hàng hóa.

- Các yếu tố tác động khác:

+ Tiềm năng phát triển kinh tế: Phường B'Lao có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng (từ công nghiệp, du lịch đến thương mại và dịch vụ). Với lợi thế về vị trí địa lý và hạ tầng giao thông, Phường B'Lao đã và đang trở thành điểm đến cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhất là tại Khu Công nghiệp Lộc Sơn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Tiềm năng về du lịch và dịch vụ: Phường B'Lao có tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ, với khí hậu mát mẻ, cảnh quan thiên nhiên ưu đãi, cùng với các hệ thống du lịch, dịch vụ như Khu nghỉ dưỡng cao cấp Đồi Dếp, hệ thống khách sạn... ngày càng hoàn thiện và phát triển; là điểm đến du lịch hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước trong thời gian tới.

+ Hạ tầng cơ sở: Trung tâm hành chính Phường B'Lao được bố trí 02 trụ sở làm việc. Trong đó: Trụ sở chính đặt tại trụ sở làm việc của UBND Phường Lộc Sơn hiện nay và 01 trụ sở đặt tại trụ sở làm việc của UBND phường B'Lao hiện nay sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

10. Thành lập xã Lạc Dương trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đa Sar, xã Đa Nhim và xã Đa Chais của huyện Lạc Dương hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Lạc Dương có diện tích tự nhiên là 828,01 km² (*đạt tỷ lệ 828,01% so với tiêu chuẩn*), dân số là 14.912 người (*đạt tỷ lệ 298,24%*), dân tộc thiểu số 12.166 người (*đạt tỷ lệ 81,59%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Huyện Đơn Dương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Khánh Hoà và Tỉnh Ninh Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lạc Dương: Sử dụng trụ sở UBND xã Đa Nhim (*đối với Đảng uỷ và Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể*) và trụ sở trường THCS - THPT Đa Nhim (*đối với UBND xã Lạc Dương*).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Yếu tố lịch sử: Khi thành lập huyện Lạc Dương 03 xã này là 01 xã có tên là Kill Plagnoll Hạ; đến năm 1984 được chia thành 02 xã Đạ Chais và Đạ Sar; năm 2004 xã Đạ Chais được tách thành 02 xã Đạ Chais và Đạ Nhim như ngày nay. Trong kháng chiến chống Mỹ, xã Đạ Chais là căn cứ cách mạng của huyện Lạc Dương và ngày 20/12/1994 đã được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Nhân dân và lực lượng vũ trang xã Đạ Chais.

Vị trí địa lý: 03 xã liền kề nhau, kết nối liên vùng, liên xã tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tương đồng thuận lợi cho phát triển nông nghiệp đặc biệt là cây dược liệu, phát huy tiềm năng về du lịch sinh thái gắn với bảo tồn văn hoá bản địa. Giao thông kết nối thuận lợi theo trục Quốc lộ 27C là cửa ngõ phía bắc của tỉnh Lâm Đồng.

Về văn hoá: Dân cư chủ yếu người dân tộc thiểu số bản địa gốc Tây nguyên có cùng chung nền văn hoá Cơ Ho - Cil, phong tục tập quán tương đồng, tôn giáo chủ yếu là Tin Lành.

Đảm bảo đoàn kết dân tộc phù hợp với yếu tố lịch sử văn hoá của địa phương, thuận lợi cho Nhân dân cụ thể: Tên gọi xã Lạc Dương theo định hướng sắp xếp ĐVHC khuyến khích lấy tên theo ĐVHC huyện cũ để thuận tiện cho người dân thực hiện các thủ tục hành chính cũng như số hoá dữ liệu, đảm bảo theo yếu tố lịch sử của huyện Lạc Dương.

11. Thành lập xã Đơn Dương trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Thạnh Mỹ, xã Đạ Ròn, xã Tu Tra của huyện Đơn Dương hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đơn Dương có diện tích tự nhiên là 127,81 km² (*đạt tỷ lệ 127,81%*), dân số là 45.160 người (*đạt tỷ lệ 903,20%*), dân tộc thiểu số 16.716 người (*đạt tỷ lệ 37,02%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Ka Đô, xã Lạc Lâm, xã Ka Đơn và xã Quảng Lập của huyện Đơn Dương và một phần của huyện Đức Trọng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Sử dụng trụ sở UBND huyện Đơn Dương hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Tên gọi Đơn Dương đã gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của huyện. Mang giá trị tinh thần và lịch sử lâu đời. Bên cạnh đó, tên gọi Đơn Dương cũng gắn liền với quá trình xây dựng nông thôn mới của huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2015, huyện Đơn Dương vinh dự được công nhận là đơn vị cấp huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Lâm Đồng, của khu vực Tây Nguyên, là một trong 06 đơn vị về đích nông thôn mới của cả nước...).

Năm 1889, vùng đất D'ran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng. Năm 1905, tỉnh Đồng Nai Thượng giải thể, nơi đây thuộc huyện Tân Khai tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, cùng với việc tái lập tỉnh Đồng Nai Thượng, quận D'ran được thành lập. Ranh giới của quận lúc bấy giờ rất rộng. Phía Đông và Nam giáp với Ninh Thuận, Bình Thuận; phía Tây kéo dài đến Đại Ninh (giáp Di Linh), phía bắc giáp Đắk Lắk. Theo sắc lệnh số 261/NV ngày 19/5/1958, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia D'ran thành 3 quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Quận Đơn Dương trước năm 1975 có 3 tổng Xuân Lạc gồm các xã Lạc Nghiệp, Xuân Trường (Cầu Đất), tổng Lạc Mỹ gồm các xã Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, tổng Linh Nhân gồm các xã Kilplagnol Thượng, Linh Gia.

- Thị trấn Thạnh Mỹ hiện nay là đô thị loại V, là trung tâm huyện lỵ của huyện Đơn Dương, nằm về phía Nam của thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vào những năm đầu thế kỷ XX, Thạnh Mỹ hội tụ đồng bào từ các vùng miền, chủ yếu miền Trung; Nhân dân có truyền thống yêu nước, giàu lòng cách mạng đến đây lập nghiệp cùng với đồng bào dân tộc gốc Tây Nguyên có từ lâu đời hình thành nên. Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng Thạnh Mỹ - M'lon thành yếu khu với bộ máy kiểm kẹp đàn áp phong trào đấu tranh của Nhân dân. Địa bàn Thạnh Mỹ thời điểm này trở thành vùng trắng cơ sở cách mạng, gây nhiều khó khăn cho việc đột nhập áp tuyên truyền, xây dựng cơ sở của các lực lượng vũ trang và Đội công tác, khi thời cơ đến Nhân dân xã Thạnh Mỹ nhất tề đứng lên giành chính quyền góp phần cùng với huyện và cả nước đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30/4/1975) đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Thạnh Mỹ nhanh chóng thành lập chính quyền từ xã đến thôn, sắp xếp lại các đơn vị thôn, ấp giải quyết hậu quả chiến tranh, khắc phục khó khăn, tổ chức giãn dân, khai hoang phục hóa phát triển sản xuất, giải quyết lương thực tại chỗ. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông, công, thương nghiệp; ổn định đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân. Thời kỳ này quân và dân Thạnh Mỹ đã có nhiều thành tích trong đấu tranh làm tan rã số phận động Fulro và phản động mới trên địa bàn góp phần cùng với huyện giải quyết cơ bản vấn đề Fulro có vũ trang ngoài rừng. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và nhất là từ khi thực hiện Quyết định số 157/QĐ-HĐBT ngày 24/10/1987 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, xã, thị trấn thuộc tỉnh Lâm Đồng, theo đó giải thể xã Thạnh Mỹ để thành lập thị trấn Thạnh Mỹ; thị trấn Thạnh Mỹ đã có bước phát triển đáng kể, cơ cấu và giá trị các ngành kinh tế có nhiều chuyển biến. Hệ thống hạ tầng kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã hình thành và từng bước phát triển. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản lý đô thị theo quy hoạch thúc đẩy kinh tế - xã hội phát

triển nhanh, bền vững. Trình độ dân trí nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, cải thiện chất lượng cuộc sống của Nhân dân. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị được củng cố, xây dựng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

- Xã Tu Tra nằm ở phía Tây Nam của huyện Đơn Dương, có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường cho vùng kinh tế phía Nam của huyện. Trước đây xã Tu Tra là xã đồng bào dân tộc thiểu số; Nhân dân sống dưới ách áp bức của thực dân phong kiến và đế quốc, đời sống hết sức lầm than, cực khổ. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện bản chất Nhà nước cách mạng về đại đoàn kết toàn dân tộc và để quản lý hành chính theo địa bàn phù hợp với luật pháp Việt Nam, chính quyền cách mạng đã nhiều lần điều chỉnh về địa giới hành chính của các xã, trong đó có xã Tu Tra. Qua nhiều lần sáp nhập, hiện nay, xã Tu Tra có 14 thôn, trong đó có 7 thôn đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 2/3 dân số toàn xã. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, xã Tu Tra từ một xã vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn đến nay kinh tế xã có bước phát triển; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, ổn định; bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, thay đổi; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, phát triển toàn diện.

- Xã Đa Ròn nằm phía Tây Bắc của huyện Đơn Dương, có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường cho vùng kinh tế phía Bắc của huyện. Trước đây các thôn của xã Đa Ròn trực thuộc thị trấn Thạnh Mỹ. Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới vào ngày 30/10/2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 62-NĐ/CP về việc thành lập xã Đa Ròn thuộc huyện Đơn Dương. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, xã Đa Ròn đạt nhiều thành tựu quan trọng; Kinh tế của xã ngày càng phát triển.

Xã Đơn Dương có các yếu tố thuận lợi trong phát triển kinh tế; có hạ tầng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tương đối phát triển so với các khu vực khác; có ưu thế và là vùng phát triển chăn nuôi bò sữa tập trung, quy mô lớn; phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh; vùng sản xuất hoa lớn phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; phát triển sản xuất cây công nghiệp: Mắc ca, cà phê; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, vật liệu mới. Có điều kiện để hình thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất; có yếu tố đặc thù và điều kiện để là phát triển du lịch tâm linh, sinh thái (Samten Hills Dalat); là trung tâm giao thương, kết nối, cung cấp sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp cho với các đơn vị hành chính khác thông qua các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp hiện có, doanh nghiệp lớn như

Dalat Hasfarm, Việt Nhật, Vinamilk, Dalat Milk... thúc đẩy kết nối, xuất khẩu sản phẩm của địa phương như rau, hoa,...

Hệ thống cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư phát triển, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi: Tuyến đường Quốc lộ 27, gần sân bay Liên Khương; các tuyến đường ĐT, ĐH; tuyến đường nối Thạnh Mỹ - Liên Nghĩa...

12. Thành lập xã Ka Đô trên cơ sở nhập 02 ĐVHC, gồm xã Lạc Lâm và xã Ka Đô của huyện Đơn Dương hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Ka Đô có diện tích tự nhiên là 108,08 km² (đạt tỷ lệ 108,08%), dân số là 27.954 người (đạt tỷ lệ 559,08%), dân tộc thiểu số 6.770 người (đạt tỷ lệ 24,22%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Lạc Xuân, xã Quảng Lập, thị trấn Thạnh Mỹ huyện Đơn Dương, thành phố Đà Lạt và tỉnh Ninh Thuận

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: tại UBND xã Ka Đô hiện nay. Do UBND xã Ka Đô nằm ở khu vực trung tâm của đơn vị hành chính mới; có diện tích tương đối lớn và là trung tâm kinh tế của đơn vị hành chính mới.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Ka Đô và xã Lạc Lâm có quá trình hình thành và phát triển tương đồng. Bên cạnh đó, xã Ka Đô là cơ sở cách mạng gắn liền với truyền thống đấu tranh của huyện Đơn Dương và tỉnh Lâm Đồng, hơn nữa xã Ka Đô có diện tích tự nhiên lớn, dân số đông, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao.

Ngày 14/3/1979, Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) có quyết định số 116-CP, chia tách một số huyện của tỉnh Lâm Đồng. Huyện Đơn Dương chia làm 2 huyện là Đơn Dương và Lạc Dương. Xã Xuân Trường, Xuân Thọ chuyển về thành phố Đà Lạt; xã Kilplagnol Hạ chuyển cho huyện Lạc Dương. Huyện Đơn Dương gồm các xã Tu Tra, Ka Đơn, Thạnh Mỹ, Ka Đô, Lạc Xuân, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Loạn và thị trấn Đơn Dương.

- Ka Đô là một xã miền núi thuộc huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; xã Ka Đô những năm của thập kỷ 40, 50 thế kỷ XX là vùng đất rừng nguyên sinh nằm xa cách các vùng dân cư khác. Ngoài đồng bào dân tộc thiểu số gốc bản địa còn chủ yếu là bà con đến do giải tỏa để xây dựng thủy điện Đa Nhim, nguồn gốc từ các tỉnh miền Trung bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Những người mang dòng máu cách mạng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó làm ăn vượt qua vất vả, gian nan của những ngày đầu sinh cơ lập nghiệp. Nói đến xã Ka Đô phải nói đến phong trào đấu tranh cách mạng, nhắc đến xã Ka Đô phải nhắc đến “Sự kiện tết Mậu Thân năm 1968”, nơi quần chúng nổi dậy thành lập chính quyền cách mạng lâm thời, nơi giữ chính quyền cách

mạng lâu nhất của tỉnh Tuyên Đức. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xã Ka Đô đã góp sức người, sức của cùng với nhân dân cả nước thực hiện cuộc cách mạng giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

- Xã Lạc Lâm: Trước đây xã Lạc Lâm vốn là trại định cư cho đồng bào miền Bắc di dân, chủ yếu là dân cư thuộc các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh và Bắc Giang vào lập nghiệp từ năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm cho xây dựng và thành lập xã vào những năm giữa và cuối thập niên 50, thế kỷ XX.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thực hiện chủ trương của Đảng về việc sáp nhập thôn, xã, phân định ranh giới hành chính, năm 1977 Lạc Lâm có thêm các thôn có đông người các tỉnh miền Trung, 01 thôn đồng bào dân tộc thiểu số tạo nguồn xung lực mới cho xã. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân các dân tộc xã Lạc Lâm đã vượt qua nhiều khó khăn, đoàn kết nỗ lực xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao,...

Xã Ka Đô sau hình thành có các yếu tố thuận lợi trong phát triển kinh tế; có hạ tầng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ phát triển khá; có ưu thế là vùng phát triển rau hoa lớn; có cụm công nghiệp Ka Đô; định hướng hình thành trung tâm chế biến nông sản và bảo quản sau thu hoạch; phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, dịch vụ nông nghiệp, sản xuất điện, nước sinh hoạt,... Có hạ tầng giao thông thuận lợi; hệ thống hồ thủy lợi Ka Zam đang được đầu tư cung cấp nguồn nước tưới, nước sinh hoạt cho các khu vực và phát triển du lịch của địa phương. Hệ thống giao thông thuận lợi: Đường Quốc lộ 27, ĐT 729, các tuyến đường liên xã, thôn đã được đầu tư đồng bộ.

13. Thành lập xã Quảng Lập trên cơ sở nhập 02 ĐVHC, gồm: xã Ka Đơn và xã Quảng Lập của huyện Đơn Dương hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Quảng Lập có diện tích tự nhiên là 135,08 km² (đạt tỷ lệ 135,08%), dân số là 24.898 người (đạt tỷ lệ 497,96%), dân tộc thiểu số 10.769 người (đạt tỷ lệ 43,25%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: giáp xã Tu Tra, xã Ka Đô, thị trấn Thạnh Mỹ huyện Đơn Dương; huyện Đức Trọng và tỉnh Ninh Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Sử dụng trụ sở làm việc của UBND xã Quảng Lập hiện nay. Do UBND xã Quảng Lập nằm ở khu vực trung tâm của đơn vị hành chính mới; trụ sở xã Quảng Lập có diện tích lớn hơn so với xã Ka Đơn, cơ sở vật chất được trang bị đảm bảo...

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xã Quảng Lập là cái nôi của phong trào cách mạng địa phương, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, cùng cả nước hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xã Quảng Lập mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi làm cho xã Quảng Lập (và Ka Đô) khác biệt với những vùng kinh tế khác để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đảm bảo quốc phòng an ninh, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Với những thành tích to lớn ấy, ngày 22/8/1998, xã Quảng Lập vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” và năm 2013 được công nhận là xã đạt chuẩn Nông thôn mới góp phần đưa huyện Đơn Dương là huyện đạt chuẩn Nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Lâm Đồng cũng như của miền trung Tây Nguyên.

Xã Ka Đơn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng hội tụ đồng bào bản địa các thôn bản có từ lâu đời, cùng với đồng bào nhiều nơi thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Xã Ka Đơn được thành lập năm 1976, từ việc tách nhập các thôn của nhiều đơn vị khác và đến năm 1989 tách thành 02 xã Ka Đơn và Pró mới. Từ đây, xã Ka Đơn mới thực sự ổn định, trở thành trung tâm cụm các xã phía Nam, có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Ka Đơn tiến hành khắc phục khó khăn của những ngày đầu sau giải phóng, tiếp nhận dân xây dựng vùng kinh tế mới, tổ chức giãn dân, định canh định cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn, khai hoang phục hóa, khôi phục và phát triển sản xuất, tham gia giải quyết tốt vấn đề Fulro thực hiện xóa đói giảm nghèo; xây dựng xã văn hóa, xã nông thôn mới. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy, tăng cường; giữ vững khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn. Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, vươn lên đạt trong sạch vững mạnh.

Xã Quảng Lập được hình thành trên cơ sở sáp nhập xã Pró vào xã Quảng Lập theo Nghị quyết 1245/NQ-UBTVQH13 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2025.

Xã Quảng Lập (Áp Quảng Hiệp) vốn là một khu, ấp thuộc xã Thạnh Mỹ, đến sau giải phóng đổi thành thôn Quảng Hiệp xã Thạnh Mỹ. Năm 1976, thành lập xã Ka Đô nên thôn Quảng Hiệp thuộc xã Ka Đô và đến năm 1989 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thôn Quảng Hiệp được nâng lên thành xã Quảng Lập. Xã Quảng Lập hội tụ dân cư chủ yếu từ các tỉnh miền Trung như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, do bị giải tỏa để làm hồ thủy điện

Đa Nhim, người dân xóm giữa và xóm ngoài của ấp Quảng Lạc (Lạc Nghiệp) đến đây khai hoang lập nghiệp từ những năm giữa thế kỷ XX.

Xã Pró nằm ở phía Nam của huyện Đơn Dương, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, có vị trí quan trọng về phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường cho vùng kinh tế phía Nam của huyện. Năm 1988, Ban Thường vụ Huyện ủy Đơn Dương đã có chủ trương xem xét lại một số xã để có lộ trình chia tách nâng cấp và đổi tên cho phù hợp với trình độ, năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ như nâng xã Lạc Nghiệp thành thị trấn D'ran, tách xã Ka Đô và xã Ka Đơn. Ngày 16/9/1989, Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 135/QĐ/HĐBT về việc tách xã Ka Đơn thành hai xã, xã Ka Đơn và xã Pró. Từ khi tách xã dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, xã Pró đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế của xã ngày càng ổn định và phát triển, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân dần được nâng lên đáng kể, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý điều hành của Nhà nước.

Xã Quảng Lập sau hình thành có lợi thế trong phát triển sản xuất rau, củ quả; có điều kiện để là phát triển du lịch tâm linh, sinh thái (nhà thờ Ka Đơn, hồ thủy lợi Proh, làng văn hóa Churu); phát triển cây công nghiệp: Mácca, quýt, cam cara; phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng; hệ thống giao thông chính các tuyến đường ĐT 729, các tuyến đường liên huyện, liên xã đã được đầu tư đồng bộ.

14. Thành lập xã D'ran trên cơ sở nhập 02 ĐVHC, gồm xã Lạc Xuân và thị trấn D'ran của huyện Đơn Dương hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã D'ran có diện tích tự nhiên 240,89 km² (đạt tỷ lệ 240,89%), dân số 33.517 người (đạt tỷ lệ 670,34%), dân tộc thiểu số 7.347 người (đạt tỷ lệ 21,92%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Ka Đô, thị trấn Thạnh Mỹ huyện Đơn Dương, huyện Lạc Dương, thành phố Đà Lạt và tỉnh Ninh Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Sử dụng trụ sở UBND xã Lạc Xuân hiện nay.

UBND xã Lạc Xuân nằm ở khu vực trung tâm của đơn vị hành chính mới; có diện tích tương đối lớn và có khả năng mở rộng diện tích (nếu cần thiết có thể mở rộng thêm các diện tích đất công của các cơ quan, đơn vị lân cận).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Tên gọi D'Ran gắn liền với lịch sử lâu đời trong quá trình hình thành và phát triển của địa phương. Thị trấn D'Ran được thành lập trên cơ sở xã Lạc Nghiệp cũ.

- Thị trấn D'Ran: Năm 1889, vùng đất D'Ran thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng; đến năm 1905, tỉnh Đồng Nai Thượng bị giải thể, nơi đây thuộc huyện Tân Khai tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, cùng với việc tái lập tỉnh Đồng Nai Thượng, quận D'Ran được thành lập. Ranh giới của quận lúc bấy giờ rất rộng. Phía Đông và Nam giáp với Ninh Thuận, Bình Thuận; phía Tây kéo dài đến Đại Ninh (giáp Di Linh), phía bắc giáp Đắk Lắk.

Theo Sắc lệnh số 261/NV ngày 19/5/1958, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Tuyên Đức, chia D'Ran thành 3 quận Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương. Quận Đơn Dương trước năm 1975 có 3 tổng: Tổng Xuân Lạc gồm các xã Lạc Nghiệp, Xuân Trường (Cầu Đất), tổng Lạc Mỹ gồm các xã Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, tổng Linh Nhân gồm các xã Kilplagnol Thượng, Linh Gia.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, do yêu cầu chỉ đạo, Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên quyết định chia D'Ran thành 2 khu vực gọi là huyện Chiến Đấu (bao gồm huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông ngày nay) và huyện Chiến Thắng (gồm khu vực các xã Xuân Trường, Xuân Thọ, thị trấn Càn Rang của quận D'ran và khu vực Trại Mát thuộc Đà Lạt).

Tháng 11/1975, giải thể huyện Lạc Dương, nhập các xã KillPlagnol Hạ, Xuân Trường, Xuân Thọ về huyện Đơn Dương. Huyện Đơn Dương lúc này có các xã Xuân Thọ, Xuân Trường, Kilplagnol Hạ, Lạc Nghiệp, Lạc Xuân, Lạc Lâm, Thạnh Mỹ, Ka Đơn, Tu Tra, xã Loan.

Ngày 14/3/1979, Hội đồng bộ trưởng có Quyết định số 116-CP, chia tách một số huyện của tỉnh Lâm Đồng. Huyện Đơn Dương chia làm 2 huyện là Đơn Dương và Lạc Dương. Xã Xuân Trường, Xuân Thọ chuyển về thành phố Đà Lạt; xã Kilplagnol Hạ chuyển về cho huyện Lạc Dương. Huyện Đơn Dương gồm các xã Tu Tra, Ka Đơn, Thạnh Mỹ, Ka Đô, Lạc Xuân, Lạc Nghiệp, Lạc Lâm, Loan và thị trấn Đơn Dương. Ngày 15/9/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 135/QĐ-HĐBT về việc thành lập thị trấn D'Ran trên cơ sở toàn bộ xã Lạc Nghiệp.

- Xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng hội tụ đồng bào các dân tộc từ khắp vùng miền đất nước đến sinh cơ lập nghiệp, lập làng, lập ấp cùng với đồng bào bản địa sinh sống ở đây từ lâu đời hình thành nên. Nhân dân đoàn kết, đấu tranh chế ngự sự khắc nghiệt của thiên nhiên, lập làng, lập ấp, sinh cơ lập nghiệp cùng với người dân tộc bản địa đoàn kết đánh đổ chế độ thực dân phong kiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân xã Lạc Xuân luôn kiên cường, bất

khuất trước kẻ thù. Nhiều hộ đồng bào kinh, đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức tôn giáo trên địa bàn đã trở thành cơ sở cách mạng đóng góp nhân lực, vật lực cho cách mạng, nhiều thanh niên tham gia thoát ly chiến đấu. Quân dân xã Lạc Xuân đấu tranh thắng lợi góp phần cùng với huyện và cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước. Những ngày sau giải phóng, nhất là từ khi xã được thành lập mới vào năm 1976 đã mở ra thời kỳ phát triển mới. xã Lạc Xuân phát động phong trào đẩy mạnh khai hoang phục hóa, tăng gia sản xuất; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông, thương nghiệp; tham gia giải quyết tốt vấn đề Fulro; ổn định đời sống Nhân dân. Thời kỳ đổi mới, xã Lạc Xuân nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa; thực hiện xóa đói giảm nghèo; xây dựng xã văn hóa, xã nông thôn mới. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy; giữ vững khối đại đoàn kết giữa các dân tộc. Hệ thống chính trị được củng cố, xây dựng ngày càng vững mạnh.

Xã D'Ran trong thời gian tới tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp (rau) theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; vùng nguyên liệu sản xuất chế biến rau, củ, quả; phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản; phát triển kinh tế lâm nghiệp; du lịch sinh thái, du lịch canh nông, bản sắc văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi có các tuyến đường Quốc lộ 27, đường ĐT 729, đường liên huyện, liên xã... xã D'Ran có yếu tố thuận lợi trong phát triển du lịch, là đô thị du lịch gắn với trung tâm du lịch Đà Lạt, có các yếu tố lịch sử riêng biệt và các cảnh quan thiên nhiên có thể khai thác để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái: Đèo Ngoạn mục, hồ Đơn Dương; có điều kiện phát triển các loại cây ăn trái: hồng, quýt; phát triển công nghiệp chế biến nông sản trái cây; hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi khi có các tuyến Quốc lộ 20, Quốc lộ 27, Đường tỉnh ĐT 729; hệ thống hạ tầng thương mại kỹ thuật khác cũng đã hoàn thiện. Có dự án khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm.

15. Thành lập xã Hiệp Thạnh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm: Xã Hiệp An, xã Hiệp Thạnh, xã Liên Hiệp của huyện Đức Trọng hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hiệp Thạnh có diện tích tự nhiên là 127,19 km² (đạt tỷ lệ 127,19%), dân số là 51.310 người (đạt tỷ lệ 1.026,20%), dân tộc thiểu số 9.707 người (đạt tỷ lệ 18,92%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đức Trọng và xã Tân Hội, thành phố Đà Lạt, huyện Đơn Dương, huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hiệp Thạnh: Sử dụng trụ sở UBND xã Hiệp Thạnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Các xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp có địa lý liền kề, có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; cộng đồng dân cư đồng đều. Trong quá trình hình thành và phát triển có những tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, điều kiện địa lý - tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập (xã Hiệp An tách từ xã Hiệp Thạnh năm 1999). Xã Hiệp Thạnh được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1998.

- Xã Hiệp Thạnh sau hình thành là cửa ngõ vào thành phố Đà Lạt; tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề có đường cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương (*trong tương lai*), Cao tốc Liên Khương - Prenn, Quốc lộ 20, Quốc lộ 27, gần Cảng hàng không Quốc tế. Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, y tế cơ bản đồng bộ đồng đều.

- Mức độ phát triển kinh tế của xã sau khi sáp nhập tương đồng về ngành nghề, mức sống chủ yếu về thương mại dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao,...

16. Thành lập xã Đức Trọng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Liên Nghĩa và xã Phú Hội của huyện Đức Trọng hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đức Trọng có diện tích tự nhiên là 148,78 km² (*đạt tỷ lệ 148,78%*), dân số là 85.163 người (*đạt tỷ lệ 1.703,26%*), dân tộc thiểu số 31.878 người (*đạt tỷ lệ 37,43%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Hiệp Thạnh, xã Tân Hội, xã Ninh Gia, xã Tà Hine và huyện Đơn Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đức Trọng: Sử dụng trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Đức Trọng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Thị trấn Liên Nghĩa và xã Phú Hội có địa lý liền kề, có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; dân cư trên địa bàn hai địa phương đa dạng dân tộc như Kinh, Hoa, Nùng, Tày, Cơ Hoa, Chu ru... Trong quá trình hình thành và phát triển có những tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, điều kiện địa lý - tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập.

- Xã Đức Trọng sau hình thành có giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề có đường Cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương (*trong tương lai*),

Quốc lộ 20, Khu Công nghiệp Phú Hội, Khu Công nghiệp Phú Bình, Cảng hàng không Quốc tế...

- Mức độ phát triển kinh tế của xã sau khi sáp nhập tương đồng về ngành nghề, mức sống chủ yếu về thương mại dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao,...

17. Thành lập xã Tân Hội trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã N' Thôn Hạ, xã Tân Hội và xã Tân Thành của huyện Đức Trọng hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Hội có diện tích tự nhiên là 79,94 km² (*đạt tỷ lệ 79,94%*), dân số là 28.979 người (*đạt tỷ lệ 579,58%*), dân tộc thiểu số 12.350 người (*đạt tỷ lệ 42,62%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đức Trọng, xã Tà Hine, xã Ninh Gia và huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Hội: Sử dụng trụ sở UBND xã Tân Hội hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Các xã Tân Hội, Tân Thành, N' Thôn Hạ có địa lý liên kề, có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; dân cư trên địa bàn 03 xã khá đa dạng gồm dân tộc: Kinh, Cơ Ho, Tày, Nùng, Thái, Mường.... Trong quá trình hình thành và phát triển có những tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, điều kiện địa lý - tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập (xã Tân Thành tách từ xã Tân Hội năm 2020).

- Tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liên kề có đường Cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương (*trong tương lai*), Quốc lộ 27, ĐT 724...

- Mức độ phát triển kinh tế của các xã sau khi sáp nhập tương đồng về ngành nghề, mức sống chủ yếu về thương mại dịch vụ và nông nghiệp,...

18. Thành lập xã Ninh Gia trên cơ sở nguyên trạng xã Ninh Gia của huyện Đức Trọng hiện nay.

- ĐVHC xã Ninh Gia có diện tích tự nhiên là 143,83 km² (*đạt tỷ lệ 143,83%*), dân số là 16.311 người (*đạt tỷ lệ 326,22%*), dân tộc thiểu số 3.574 người (*đạt tỷ lệ 21,91%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đức Trọng, xã Tà Hine, huyện Di Linh và huyện Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Ninh Gia: Sử dụng trụ sở UBND xã Ninh Gia hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề có đường Cao tốc Bảo Lộc – Liên Khương (*trong tương lai*), Quốc lộ 20, cách Cảng hàng không Quốc tế 15 km...

- Mức độ phát triển kinh tế của xã tương đối ổn định, mức sống chủ yếu về thương mại dịch vụ, sản xuất nông nghiệp,...

19. Thành lập xã Tà Hine, trên cơ sở nhập 03 ĐVHC gồm xã Tà Hine, xã Ninh Loan và xã Đà Loan của huyện Đức Trọng hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tà Hine có diện tích tự nhiên là 128,69 km² (*đạt tỷ lệ 128,69%*), dân số là 23.027 người (*đạt tỷ lệ 460,54%*), dân tộc thiểu số 6.395 người (*đạt tỷ lệ 27,77%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tà Năng, xã Đức Trọng, tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tà Hine: Sử dụng trụ sở UBND xã Tà Hine hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Các xã Tà Hine, Ninh Loan, Đà Loan có địa lý liền kề, có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; cộng đồng dân cư đa dạng. Trong quá trình hình thành và phát triển có những tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, điều kiện địa lý - tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập.

- Xã Tà Hine sau hình thành có giao thông kết nối với các ĐVHC liền kề có đường Quốc lộ 28b, ĐT 729...

- Mức độ phát triển kinh tế của xã sau khi sáp nhập tương đồng về ngành nghề, mức sống, chủ yếu về sản xuất nông nghiệp, cây công nghiệp, du lịch văn hóa,...

20. Thành lập xã Tà Năng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Tà Năng và xã Đa Quyn của huyện Đức Trọng hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tà Năng có diện tích tự nhiên là 258,33 km² (*đạt tỷ lệ 258,33%*), dân số là 13.077 người (*đạt tỷ lệ 261,54%*), dân tộc thiểu số 10.308 người (*đạt tỷ lệ 78,83%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đức Trọng, xã Tà Hine, huyện Đơn Dương, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Ninh Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tà Năng: Sử dụng trụ sở UBND xã Tà Năng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề có đường ĐT 729, đường Ma Nối - Tà Năng, ĐH 6...

- Mức độ phát triển kinh tế của xã sau khi sáp nhập tương đồng về ngành nghề nông nghiệp, cây công nghiệp, vùng nguyên liệu, du lịch thể thao,...

- Xã Đa Quyn được tách ra từ xã Tà Năng có địa lý liền kề, có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; cộng đồng dân cư đa dạng; Trong quá trình hình thành và phát triển có những tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, điều kiện địa lý - tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập.

21. Thành lập xã Đinh Văn Lâm Hà trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm thị trấn Đinh Văn, xã Tân Văn của huyện Lâm Hà và xã Bình Thạnh của huyện Đức Trọng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đinh Văn Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 89,87 km² (đạt tỷ lệ 89,87%), dân số là 48.702 người (đạt tỷ lệ 974,04%), dân tộc thiểu số 11.533 người (đạt tỷ lệ 23,68%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Tân Hà Lâm Hà, xã Phúc Thọ Lâm Hà và xã Phú Sơn Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đinh Văn Lâm Hà: Sử dụng trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Lâm Hà hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thị trấn Đinh Văn và xã Tân Văn, xã Bình Thạnh có chung lịch sử hình thành, phát triển (tách ra từ huyện Đức Trọng cũ), tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, tôn giáo tương đối đồng; có sự liên kết vùng theo Quốc lộ 27 với huyện Đức Trọng và huyện Đam Rông; diện tích tự nhiên của các xã, thị trấn phân bố dọc 2 bên Quốc lộ 27 và sông Đa Dâng. Thị trấn Đinh Văn là trung tâm của huyện Lâm Hà, có vị trí địa lý nằm giữa 2 xã Tân Văn và xã Bình Thạnh có nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh của xã mới thành lập.

22. Thành lập xã Phú Sơn Lâm Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Phú Sơn và xã Đa Đồn của huyện Lâm Hà hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phú Sơn Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 240,08 km² (đạt tỷ lệ 240,08%), dân số là 25.212 người (đạt tỷ lệ 504,24%), dân tộc thiểu số 7.362 người (đạt tỷ lệ 29,2%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đình Văn Lâm Hà, xã Phúc Thọ Lâm Hà và Nam Hà Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phú Sơn Lâm Hà: Sử dụng trụ sở UBND xã Đa Đồn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Sơn và xã Đa Đồn có chung lịch sử hình thành, phát triển (*tách ra từ huyện Đức Trọng cũ*), tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán; có sự liên kết vùng theo Quốc lộ 27 với huyện Đức Trọng và huyện Đam Rông; vị trí địa lý nằm ở phía Tây Bắc của huyện Lâm Hà giáp với huyện Đam Rông hiện nay; diện tích tự nhiên của các 02 xã phân bổ dọc 2 bên Quốc lộ 27 và sông Đa Dâng rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh của xã mới thành lập. Phát triển kinh tế chủ yếu là nông – lâm nghiệp, công nghiệp khai thác khoáng sản.

23. Thành lập xã Nam Hà Lâm Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm gồm xã Nam Hà và xã Phi Tô của huyện Lâm Hà hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nam Hà Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 100,34 km² (*đạt tỷ lệ 100,34%*), dân số là 10.978 người (*đạt tỷ lệ 219,56%*), dân tộc thiểu số 4.358 người (*đạt tỷ lệ 39,7%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đình Văn Lâm Hà, xã Phú Sơn Lâm Hà, xã Nam Ban Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Hà Lâm Hà: Sử dụng trụ sở UBND xã Phi Tô hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phi Tô và xã Nam Hà đều có vị trí địa lý nằm phía Bắc của trung tâm huyện Lâm Hà, giáp ranh giới nhau. Có sự liên kết vùng theo đường tỉnh lộ 725, 726 với thành phố Đà Lạt. Phát triển kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Trung tâm xã Nam Hà gần với trung tâm xã Phi Tô hiện nay (khoảng 5,5km), rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh của xã mới thành lập.

24. Thành lập xã Nam Ban Lâm Hà trên cơ sở nhập 04 ĐVHC xã, thị trấn Nam Ban và 03 xã: Xã Đông Thanh, xã Mê Linh và xã Gia Lâm của huyện Lâm Hà hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Nam Ban Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 117,55 km² (*đạt tỷ lệ 117,55%*), dân số là 32.722 người (*đạt tỷ lệ 654,44%*); dân tộc thiểu số 3.189 người (*đạt tỷ lệ 9,75%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đình Văn Lâm Hà, xã Nam Hà Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Ban Lâm Hà: Sử dụng trụ sở UBND thị trấn Nam Ban hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Có chung lịch sử hình thành, phát triển (*tiền thân là vùng kinh tế mới Hà Nội tại Lâm Đồng*), tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán; có sự liên kết vùng theo đường tỉnh lộ 725 với thành phố Đà Lạt và huyện Đức Trọng. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số thấp (10,13%). Phát triển kinh tế chủ yếu là nông nghiệp rau hoa công nghệ cao, thương mại dịch vụ và du lịch. Vị trí địa lý các xã nằm phân bố dọc hai bên tuyến đường DT 725 và suối Cam Ly nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh của xã mới thành lập.

25. Thành lập xã Tân Hà Lâm Hà trên cơ sở nhập 04 ĐVHC xã, gồm xã Tân Hà, xã Hoài Đức, xã Đan Phượng và xã Liên Hà của huyện Lâm Hà hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Tân Hà Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 168,34 km² (*đạt tỷ lệ 168,34%*), dân số là 38.996 người (*đạt tỷ lệ 779,92%*), dân tộc thiểu số 3.977 người (*đạt tỷ lệ 10,2%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đình Văn Lâm Hà, xã Phúc Thọ Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Hà - Lâm Hà: Sử dụng trụ sở UBND xã Tân Hà hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Có chung lịch sử hình thành, phát triển (*tiền thân là vùng kinh tế mới các huyện thuộc Thành phố Hà Nội (tỉnh Hà Tây cũ) và một số tỉnh phía bắc*), tương đồng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, có tỉ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số thấp (12,59%). Kinh tế phát triển nông nghiệp công nghệ cao và du lịch canh nông. Các xã giáp ranh giới nhau, có vị trí địa lý nằm phía Tây Nam của trung tâm huyện Lâm Hà, có sự liên kết vùng theo đường tỉnh lộ 724, 725 và các đường liên xã nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, quốc phòng an ninh của xã mới thành lập.

26. Thành lập xã Phúc Thọ Lâm Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm Phúc Thọ và xã Tân Thanh của huyện Lâm Hà hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Phúc Thọ Lâm Hà, có diện tích tự nhiên là 230,47 km² (đạt tỷ lệ 230,47%), dân số là 23.308 người (đạt tỷ lệ 466,16%), dân tộc thiểu số 9.837 người (đạt tỷ lệ 42,2%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đình Văn Lâm Hà, xã Tân Hà Lâm Hà, xã Phú Sơn Lâm Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phúc Thọ Lâm Hà: Sử dụng trụ sở UBND xã Tân Thanh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Hai xã liên kề về địa lý, cùng nằm ở phía Tây Nam huyện Lâm Hà, địa hình chủ yếu là đồi núi, rừng tự nhiên. Dân cư có nhiều nét tương đồng về văn hóa, chủ yếu là người dân tộc thiểu số (K'Ho) sinh sống lâu đời. Xã Tân Thanh có tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm 47%, xã Phúc Thọ có tỷ dân tộc thiểu số chiếm 34,48%. Thuận lợi trong triển khai các chính sách dân tộc, bảo tồn bản sắc văn hóa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Xã Tân Thanh và Phúc Thọ giáp ranh nhau, có tuyến đường liên xã Tân Thanh – Phúc Thọ đã được đầu tư nhựa hóa, cấp phối kiên cố, là trục kết nối chính của vùng Tây Nam huyện Lâm Hà. Cả hai xã hiện có tuyến đường đi về Đình Văn – trung tâm hành chính huyện thông qua các nhánh rẽ đường xã, kết nối lên đường tỉnh lộ 725 hoặc QL27.

Việc sáp nhập giúp hình thành một xã đặc thù để quản lý rừng, môi trường, tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn. Dễ dàng bố trí chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế, chuyển đổi sinh kế, giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội. Có thể tận dụng trụ sở xã Tân Thanh và Phúc Thọ (đều được đầu tư từ chương trình 135), không phát sinh chi phí đầu tư mới. Tăng cường hiệu quả lãnh đạo, điều hành của chính quyền cấp xã; nâng cao chất lượng phục vụ người dân vùng sâu, vùng xa.

27. Thành lập xã Đam Rông 1 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Phi Liêng và xã Đa K'Nàng của huyện Đam Rông hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đam Rông 1, có diện tích tự nhiên là 172,55 km² (đạt tỷ lệ 172,55%), dân số là 17.265 người (345,30%), dân tộc thiểu số 9.120 người (đạt tỷ lệ 52,82%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đam Rông 2, huyện Lâm Hà và tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đam Rông 1: Sử dụng trụ sở UBND xã Phi Liêng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Vị trí địa kinh tế: Là xã có kết nối với trung tâm vùng huyện với các xã của huyện Lâm Hà và các vùng lân cận thông qua 3 tuyến giao thông đối ngoại gồm: Cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26) trong tương lai, Quốc lộ 27 và Đường tỉnh 724, 726.

- Tài nguyên thiên nhiên: Tiềm năng quỹ đất nông nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao (sản xuất rau, hoa), chất lượng cao, trang trại chăn nuôi tập trung và dịch vụ du lịch, dịch vụ nông nghiệp. Đất thích hợp với loại cây trồng cà phê, mắc ca, cây ăn trái, rau, củ, cây dược liệu. Tiềm năng cảnh quan, phát triển du lịch sinh thái.

- Nguồn nhân lực: Vùng có nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp.

- Động lực phát triển:

+ Là xã có khí hậu tương đồng với thành phố Đà Lạt, phát triển du lịch sinh thái thác Bảy Tầng xã Phi Liêng, du lịch hình thái nông nghiệp đặc trưng vùng; Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, thông minh, chuyên canh trồng cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày (*cà phê, mắc ca*), cây công nghiệp ngắn ngày (*dâu tây*), rau, củ, quả, trồng cây dược liệu.

+ Hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung, các vùng làng đô thị xanh (*Hồ Phi Liêng, hồ Lăng Tô Dạ K'Nang, ..*) gắn với lợi thế sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn.

+ Phát triển trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chế biến, công nghiệp khai thác khoáng sản than bùn.

- Thế mạnh của xã: Vùng có khí hậu thuận lợi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao tập trung, quy mô lớn, có các điểm du lịch tiềm năng thác Bảy Tầng (*xã Phi Liêng*), có tuyến đường giao thông đối ngoại chạy qua Quốc lộ 27, Đường tỉnh 724, 726.

28. Thành lập xã Đam Rông 2 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Rô Men, xã Liêng Srônh của huyện Đam Rông hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đam Rông 2, có diện tích tự nhiên là 365,58 km² (*đạt tỷ lệ 365,58%*), dân số là 16.253 người (*đạt tỷ lệ 325,06%*), dân tộc thiểu số 10.475 người (*đạt tỷ lệ 64,45%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đam Rông 1, Đam Rông 3, Đam Rông 4, huyện Lâm Hà, tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Đam Rông 2: Sử dụng trụ sở làm việc của trung tâm hành chính huyện Đam Rông hiện nay.

Trung tâm hành chính xã Đam Rông 2 đặt tại xã Rô Men (Trung tâm hành chính huyện Đam Rông hiện nay) phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; khoảng cách từ Trung tâm hành chính xã Đam Rông 2 đến xã Liêng Srônh khoảng 8km, đến xã Đạ Rsal khoảng 16km; cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị đã được đầu tư đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Vị trí địa kinh tế: Có tiềm năng về phát triển kinh doanh dịch vụ, du lịch, dịch vụ sản xuất nông nghiệp; Kết nối với vùng huyện và vùng lân cận bằng 4 tuyến giao thông đối ngoại đi qua, bao gồm: Tuyến cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26), tuyến Quốc lộ 27, 722, 722B, 722C, đường tỉnh 724 và Đường tỉnh 726.

- Có quỹ đất lớn thuận lợi phát triển đô thị, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hữu cơ thông minh, trồng lúa, phát triển mô hình trang trại trồng cây ăn quả (*sầu riêng, quýt, bưởi da xanh, bơ*), thủy sản nước lạnh (*nuôi cá tầm*).

- Nguồn nhân lực: Vùng có dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, được đào tạo nghề. Có trung tâm đào tạo dạy nghề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho vùng.

- Động lực phát triển: Phát triển vùng đô thị gồm: Đô thị trung tâm Bằng Lãng và vùng nông thôn Liêng Srônh. Phát triển các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các nghề như: Sản xuất vật liệu xây dựng (*Bê tông tươi, gạch không nung, ...*), nghề mây, tre, đan, chế biến nông, lâm sản... Phát triển trung tâm thương mại - tài chính cấp vùng, trung tâm dịch vụ đào tạo nghề, y tế chất lượng cao. Phát triển dịch vụ thương mại dọc các tuyến giao thông đối ngoại Quốc lộ 27, Đường tỉnh 722B, 722C. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ thông minh: Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái: Sầu riêng, Bơ, chôm chôm, vú sữa, cam, bưởi, trồng dâu nuôi tằm, cây dược liệu, thủy sản (*nuôi cá nước lạnh*). Phát triển cụm công nghiệp 31 ha (*xã Liêng Srônh*), phát triển năng lượng mặt trời (*các xã: Rô Men, Liêng Srônh*). Phát triển vùng đô thị hỗn hợp với tỷ lệ đô thị hóa cao, gắn với phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển đầu mối giao thông của vùng, tiểu vùng và tỉnh.

- Thế mạnh của xã Rô Men mới: có mật độ dân số cao, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thuận lợi phát đô thị, có tuyến giao thông đối ngoại chạy qua Quốc lộ 27, Đường tỉnh 722B, 722C thuận lợi để phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cho vùng.

29. Thành lập xã Đam Rông 3 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC, gồm xã Đạ Rsal và xã Đạ M'Rông của huyện Đam Rông hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đam Rông 3, có diện tích tự nhiên là 139,38 km² (đạt tỷ lệ 139,38% so với tiêu chuẩn), dân số là 15.841 người (đạt tỷ lệ 316,82%), dân tộc thiểu số 7.972 người (đạt tỷ lệ 50,33%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đam Rông 2, xã Đam Rông 4, tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đam Rông 3: sử dụng trụ sở UBND xã Đạ Rsal hiện nay.

Lý do: Sau khi sáp nhập thành lập xã mới thì khoảng cách đến xã Đạ M'Rông khoảng 15km, hiện nay tuyến đường 135 nối 02 xã đang được đầu tư và hoàn thiện, do đó thuận lợi cho việc đi lại của người dân khi giải quyết các thủ tục hành chính.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

- Vị trí địa kinh tế: Có tiềm năng về phát triển kinh doanh dịch vụ, du lịch, dịch vụ sản xuất nông nghiệp; Kết nối với vùng huyện và vùng lân cận bằng các tuyến giao thông đối ngoại đi qua, bao gồm: Tuyến cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26), tuyến Quốc lộ 27, 722, 722B, 722C.

- Tài nguyên thiên nhiên:

+ Tiềm năng quỹ đất nông nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp dịch vụ nông nghiệp. thuận lợi phát triển mô hình trang trại trồng cây ăn quả (sầu riêng, quýt, bưởi da xanh, bơ). Có thác Tiêng Tang (Đạ M'Rông), tiềm năng cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Khai thác phát triển các điểm du lịch sinh thái cảnh quan dọc sông Krông Nô, hồ thủy lợi I,II, Liêng K'rắc (xã Đạ M'Rông) .

+ Nguồn nước mặt dồi dào, là vùng nằm trong lưu vực sông Krông Nô, thuận lợi tiêu thoát nước và cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Động lực phát triển:

+ Phát triển vùng đô thị gồm: đô thị Đạ Rsal.

+ Phát triển các vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các nghề như: Sản xuất vật liệu xây dựng (Bê tông tươi, gạch không nung,...), nghề mây, tre, đan, chế biến nông, lâm sản, trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa, dệt thổ cẩm, đồ gỗ dân dụng, đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

+ Phát triển dịch vụ du lịch: Khai thác cảnh quan ven sông Krông Nô, cảnh quan hình thái nông thôn, cảnh quan hồ Đạ Chao (Đạ Rsal), các vùng sản xuất

nông nghiệp, nghỉ dưỡng; khai thác các điểm du lịch sinh thái cảnh quan dọc sông Krông Nô, hồ thủy lợi I,II Liêng K'Rắc, thác Tiêng Tang (*xã Đạ M'Rông*).

+ Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ thông minh: Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái: Sầu riêng, Bơ, chôm chôm, vú sữa, cam, bưởi, trồng dâu nuôi tằm, cây dược liệu.

+ Phát triển các cơ sở chế biến: nông sản, trái cây, ươm tơ, sản xuất cà phê thành phẩm, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (*bê tông tươi...*). Mặt khác, hiện nay xã Đạ M'Rông có hợp tác xã dâu tằm Đạ M'Rông và xã Đạ Rsal có nhà máy dâu tằm tơ của Công ty TNHH MTV dâu tằm tơ Duy Phương thuận lợi cho việc cung ứng và thu mua sản phẩm, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình cho các hộ dân.

+ Phát triển khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu thụ cho vùng nguyên liệu tại chỗ, phát triển trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (xã Đạ Rsal); Phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với lợi thế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làng nghề trên địa bàn. Xây dựng các làng đô thị xanh, làng văn hóa cộng đồng phục vụ du lịch nghỉ dưỡng (*Đạ M'Rông*); Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề dệt thổ cẩm, cơ sở sản xuất mây tre đan; Bảo tồn và phát triển văn hóa Cồng Chiêng trong cộng đồng.

- Thế mạnh của xã Đạ Rsal mới: Sau khi sáp nhập thành lập xã mới thì khoảng cách đến xã Đạ M'Rông khoảng 15km, hiện nay tuyến đường 135 nối 02 xã đang được đầu tư và hoàn thiện, do đó thuận lợi cho việc đi lại của người dân khi giải quyết các thủ tục hành chính; Hiện nay xã Đạ M'Rông có hợp tác xã dâu tằm Đạ M'Rông và xã Đạ Rsal có nhà máy dâu tằm tơ của Công ty TNHH MTV dâu tằm tơ Duy Phương thuận lợi cho việc cung ứng và thu mua sản phẩm, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình cho các hộ dân.

30. Thành lập xã Đam Rông 4 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đạ Tông, Đạ Long của huyện Đam Rông và xã Đưng K' Nơ của huyện Lạc Dương.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đam Rông 4, có diện tích tự nhiên là 391,25 km² (*đạt tỷ lệ 391,25%*), dân số 17.184 người (*đạt tỷ lệ 343,68%*), dân tộc thiểu số 15.522 người (*đạt tỷ lệ 90,33%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đam Rông 3, huyện Lâm Hà, huyện Lạc Dương và tỉnh Đắk Lắk.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đam Rông 4: Sử dụng trụ sở làm việc của UBND xã Đạ Tông hiện nay.

Lý do: thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính (khoảng

cách từ trung tâm xã Đưng K'Nó đến thị trấn Lạc Dương khoảng 60 km; trong khi khoảng cách từ trung tâm xã Đưng K'Nó đến trung tâm xã Đam Rông 4 chỉ khoảng 24 km).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Vị trí địa kinh tế: Là xã kết nối huyện Lạc Dương, TP. Đà Lạt thông qua 3 tuyến giao thông đối ngoại là Đường tỉnh 722, 722B, 722C; bên cạnh đó, xã Đưng K'Nó được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đa Long trước đây, có sự tương đồng về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán; do đó sẽ nhiều thuận lợi, có điều kiện tập trung, tăng cường đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế;

- Tài nguyên thiên nhiên: Tiềm năng quỹ đất nông nghiệp lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ du lịch, dịch vụ nông nghiệp. Đất thích hợp loại cây ăn trái, lúa, dâu tằm. Có các suối khoáng nóng (*Đạ Long, Đạ Tông*), hồ thủy điện (*Krông Nô 3, Đắc Mê, hồ Đạ Nòng...*), tiềm năng cảnh quan, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Về xã hội: Đây là xã có nhiều đồng bào gốc Tây Nguyên sinh sống nên còn giữ được nhiều nét văn hóa đậm đà bản sắc của người Tây Nguyên như: văn hóa Cồng Chiêng; các ngành nghề: dệt thổ cẩm, mây tre đan...

- Nguồn nhân lực: Vùng có nguồn nhân lực dồi dào, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ du lịch.

- Động lực phát triển của xã:

+ Phát triển du lịch sinh thái suối nước nóng (*xã Đạ Tông, Đạ Long*), hồ thủy điện Krông Nô 3, hồ thủy điện Đắc Mê, hồ thủy lợi Đạ Nòng, du lịch làng nghề dệt thổ cẩm, mây tre đan..., gắn liền phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp trình độ canh tác người dân trong vùng, tiến tới từng bước phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, thông minh, chuyên canh trồng dâu, lúa, cây công nghiệp (*cà phê*), phát triển nuôi trồng thủy sản (*cá tằm*). Tiến tới phát triển từng vùng cây ăn trái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng (*xã Đạ Tông, Đạ Long*). Phát triển du lịch sinh thái phức hợp nghỉ dưỡng và phục hồi sức khỏe người già. Khu dự án sân golf, du lịch sinh thái rừng, nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ du lịch quy mô 486ha ở xã Đạ Tông.

+ Phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với lợi thế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làng nghề trên địa bàn; Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề dệt thổ cẩm, cơ sở sản xuất mây tre đan; Bảo tồn và phát triển văn hóa Cồng Chiêng trong cộng đồng.

- Thế mạnh của xã: Có quỹ đất nông nghiệp lớn thuận lợi phát triển nông nghiệp theo quy mô trang trại tập trung, quy mô lớn, có hệ thống suối nước nóng phục vụ phát triển du lịch, có tuyến giao thông đối ngoại chạy qua Quốc lộ 27, Đường tỉnh 722, 722B, 722C, là vùng có nhiều đồng bào gốc Tây Nguyên sinh sống thuận lợi phát triển du lịch văn hóa cộng đồng.

31. Thành lập xã Di Linh trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: xã Liên Đàm, xã Tân Châu, thị trấn Di Linh và xã Gung Ré của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Di Linh có diện tích tự nhiên là 268,28 km² (đạt tỷ lệ 268,28%), dân số 64.179 người (đạt tỷ lệ 1.283,58%), dân tộc thiểu số 22.733 người (đạt tỷ lệ 35,42%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đinh Trang Thượng (mới), xã Hòa Ninh (mới), xã Hòa Bắc (mới), xã Sơn Điền (mới), xã Bảo Thuận (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Di Linh: Sử dụng trụ sở HĐND và UBND huyện Di Linh hiện nay.

Thị trấn Di Linh hiện là đô thị loại IV, là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học- kỹ thuật của huyện Di Linh hiện nay; kết nối trung chuyển hàng hóa trong tỉnh và vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ; là đô thị nằm trong chuỗi các đô thị dọc Quốc lộ 20. Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Thị trấn Di Linh hiện là đô thị loại IV, là trung tâm kinh tế của huyện Di Linh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành: thị trấn Di Linh, xã Liên Đàm, xã Tân Châu và xã Gung Ré được phê chuẩn theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ.

- Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; thị trấn Di Linh, xã Liên Đàm và xã Tân Châu là 03 ĐVHC cấp xã có diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp; xã Gung Ré bảo đảm tiêu chuẩn không

thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên, thị trấn Di Linh, xã Tân Châu, xã Liên Đàm và xã Gung Ré là 04 đơn vị hành chính liền kề, việc sáp nhập xã Tân Châu, xã Gung Ré, Liên Đàm vào thị trấn Di Linh sẽ mở rộng không gian phát triển cho thị trấn Di Linh; qua đó, cũng kéo theo sự phát triển của các xã Gung Ré, Tân Châu, Liên Đàm về hạ tầng giao thông có đường ĐH13 (kết nối Liên Đàm - Tân Châu), ĐH14 (kết nối Liên Đàm - Tân Châu - Tân Thượng), thị trấn Di Linh, Liên Đàm, Tân Châu, Gung Ré có đường Quốc lộ 20 và Quốc lộ 28 đi qua thuận tiện cho việc giao thương giữa các địa phương và của tỉnh; các xã Liên Đàm, Gung Ré có thuận lợi về tiềm năng địa hình, cảnh quan thiên nhiên (thác Bobla), có đặc trưng văn hóa vùng đồng bào, ngành nghề truyền thống để hình thành các khu, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, canh nông, văn hóa cộng đồng, Theo quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định 2538/QĐ-UBND ngày 18/12/2023, được định hướng phát triển cụm công nghiệp Liên Đàm- Tân Châu (phía bắc xã Liên Đàm, Tân Châu, giáp đường liên xã ĐH14 đến năm 2035 khoảng 70 ha) vì vậy việc sáp nhập các xã Liên Đàm, Tân Châu, Gung Ré và thị trấn Di Linh là phù hợp với định hướng quy hoạch chung để phát triển kinh tế- xã hội; năm 2013, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn, qua đó đã điều chỉnh 550,4 ha, 4.658 nhân khẩu của xã Gung Ré và 88,24 ha, 593 nhân khẩu của xã Tân Châu về thị trấn Di Linh để mở rộng không gian phát triển thị trấn Di Linh. Do đó, việc sáp nhập thị trấn Di Linh, xã Tân Châu và xã Gung Ré là phù hợp.

32. Thành lập xã Hòa Ninh trên cơ sở nhập 3 ĐVHC cấp xã gồm: xã Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh và xã Hòa Trung của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hòa Ninh, có diện tích tự nhiên 95,17 km² (đạt tỷ lệ 95,17%), dân số 31.904 người (đạt tỷ lệ 638,08%), dân tộc thiểu số 9.861 người (đạt tỷ lệ 30,91%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Đình Trang Thượng (mới), xã Di Linh (mới), xã Hòa Bắc (mới) và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hòa Ninh: Sử dụng trụ sở UBND xã Hòa Ninh hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động

lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Theo quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 18/12/2023, đô thị Hòa Ninh được định hướng phát triển là đô thị vệ tinh phía Tây thị trấn Di Linh; phát triển ngành thương mại, ưu tiên dịch vụ nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ liên quan đến canh tác, tư vấn sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có đường Quốc lộ 20 đi qua, thuận tiện cho việc kết nối giao thông với các vùng kinh tế của tỉnh và các ĐVHC khác trong cùng huyện.

Cơ sở vật chất (trụ sở làm việc) của xã Hòa Ninh được đầu tư đồng bộ; bảo đảm điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Đình Trang Hòa được hình thành theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Hòa Ninh và xã Hòa Trung được thành lập trên cơ sở chia xã Đình Trang Hoà thành các xã lấy tên là xã Đình Trang Hoà, xã Hoà Ninh, xã Hoà Nam và Hòa Trung- theo các Quyết định số 38-HĐBT ngày 06/3/1984 của Hội đồng Bộ trưởng; Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/6/1986 Hội đồng Bộ trưởng.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; các xã Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh và xã Hòa Trung có quy mô dân số và diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập; các xã: Đình Trang Hòa, Hòa Ninh, Hòa Trung là 03 đơn vị hành chính liền kề, có hệ thống giao thông kết nối thuận tiện. Do đó, việc sắp xếp ĐVHC xã Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh và xã Hòa Trung là phù hợp với quy định.

33. Thành lập xã Hòa Bắc trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: xã Hòa Bắc và xã Hòa Nam của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Hòa Bắc, có diện tích tự nhiên 159,35 km² (đạt tỷ lệ 159,35%), dân số 19.979 người (đạt tỷ lệ 399,58%), dân tộc thiểu số 2.709 (đạt tỷ lệ 13,56%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Di Linh (mới), xã Hòa Ninh (mới), xã Sơn Điền (mới), huyện Bảo Lâm hiện nay và tỉnh Bình Thuận hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hòa Bắc: Sử dụng trụ sở UBND xã Hòa Nam hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Khoảng cách từ thôn xa nhất đến trung tâm xã Hòa Nam khoảng 10 km; khoảng cách từ thôn xa nhất của xã Hòa Bắc đến Trung tâm xã Hòa Nam khoảng 10 km do đó việc đặt trụ sở làm việc của xã Hòa Bắc (mới) tại xã Hòa Nam hiện nay sẽ thuận tiện cho Nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức được thuận lợi cho công việc và liên hệ công tác.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Hòa Bắc được hình thành theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Hòa Nam được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đình Trang Hòa theo Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/06/1986 của Hội đồng Bộ trưởng.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; xã Hòa Nam có quy mô dân số và diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập; xã Hòa Bắc hiện nay bảo đảm tiêu chuẩn không thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên, xã Hòa Nam và xã Hòa Bắc là 02 đơn vị hành chính liền kề, việc sáp nhập xã Hòa Bắc và xã Hòa Nam sẽ mở rộng không gian phát triển cho xã Hòa Bắc và xã Hòa Nam. Do đó việc sáp nhập xã Hòa Bắc và xã Hòa Nam là phù hợp; xã Hòa Bắc là xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng và khu căn cứ cách mạng trước đây nên việc lấy tên gọi là xã Hòa Bắc sau khi thực hiện sáp nhập giữa xã Hòa Bắc và xã Hòa Nam là phù hợp với truyền thống và lịch sử.

34. Thành lập xã Đình Trang Thượng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đình Trang Thượng, xã Tân Lâm và xã Tân Thượng của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đình Trang Thượng, có diện tích tự nhiên là 203,77 km² (đạt tỷ lệ 203,77%), dân số là 20.568 người (đạt tỷ lệ 411,36%), dân tộc thiểu số 12.364 người (đạt tỷ lệ 60,11%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Di Linh (mới), xã Bảo Thuận (mới), xã Hòa Ninh (mới), huyện Lâm Hà hiện nay, huyện Bảo Lâm hiện nay và tỉnh Đắk Nông hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đình Trang Thượng: Sử dụng trụ sở UBND xã Tân Lâm hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Theo quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định 2538/QĐ-UBND ngày 18/12/2023, xã Tân Lâm được định hướng phát triển là đô thị vệ tinh phía Bắc thị trấn Di Linh; phát triển ngành thương mại, ưu tiên dịch vụ nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ liên quan đến canh tác, tư vấn sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; có đường Quốc lộ 28 đi qua, thuận tiện cho việc kết nối giao thông; xã Tân Lâm nằm giữa xã Đình Trang Thượng và xã Tân Thượng, khoảng cách từ Trung tâm xã Đình Trang Thượng đến Trung tâm xã Tân Lâm khoảng 8,5 km, khoảng cách từ xã Trung tâm xã Tân Thượng đến Trung tâm xã Tân Lâm khoảng 10,6 km.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Đình Trang Thượng, xã Tân Thượng được thành lập theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Tân Lâm được hình thành theo Nghị định số 10/2009/NĐ-CP ngày 06/03/2009 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng và huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tách ra từ xã Tân Thượng; xã Đình Trang Thượng được hình thành từ lâu có yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, là xã được phong tặng xã Anh hùng.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; xã Đình Trang Thượng và Tân Lâm có quy mô dân số và diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập. Xã Đình Trang Thượng và xã Tân Lâm, xã Tân Thượng là 03 đơn vị hành chính liền kề có điều kiện tự nhiên tương đồng, có tương quan hợp lý, không có sự gián cách khi thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập.

35. Thành lập xã Bảo Thuận trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đình Lạc, xã Bảo Thuận và xã Tân Nghĩa của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Thuận, có diện tích tự nhiên là 300,3 km² (đạt tỷ lệ 300,3% so với tiêu chuẩn), dân số là 29.557 người, dân tộc thiểu số 14.416 người (đạt tỷ lệ 48,77% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Di Linh (mới), xã Gia Hiệp (mới), xã Đinh Trang Thượng (mới), xã Sơn Điền (mới), huyện Lâm Hà hiện nay và tỉnh Bình Thuận hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bảo Thuận: Sử dụng trụ sở UBND xã Đinh Lạc hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Xã Đinh Lạc nằm giữa xã Tân Nghĩa và xã Bảo Thuận, có đường Quốc lộ 20 đi qua thuận tiện cho việc kết nối giao thông với các vùng lân cận góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, tạo điều kiện giao thương giữa các vùng; thuận tiện cho người dân, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình làm việc và liên hệ công tác.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Đinh Lạc được thành lập theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Bảo Thuận được thành lập theo Quyết định số 77-HĐBT ngày 19/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; xã Tân Nghĩa thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Đinh Lạc theo Nghị định số 38/1999/NĐ-CP ngày 18/06/1999 của Chính phủ trên cơ sở 1 phần diện tích, dân số của xã Đinh Lạc.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; xã Đinh Lạc và xã Tân Nghĩa có diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập; xã Bảo Thuận hiện nay bảo đảm tiêu chuẩn không thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên, xã Đinh Lạc, Tân Nghĩa và xã Bảo Thuận là 03 ĐVHC liền kề; việc sáp nhập 03 xã sẽ mở rộng không gian phát triển cho xã Bảo Thuận và xã Đinh Lạc, Tân Nghĩa, tạo chuyển dịch cho việc phát triển du lịch nhờ các yếu tố về tiềm năng, địa hình, cảnh quan thiên nhiên, đặc trưng văn hóa vùng đồng bào dân tộc, ngành nghề truyền thống để hình thành các điểm du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, canh nông, văn hóa cộng đồng.... các đặc điểm về địa hình; theo định hướng phát triển điểm dân cư nông

thôn thì khu vực dân cư nông thôn mới, làng đô thị sinh thái, thương mại, dịch vụ, du lịch hồ KaLa và núi Brah Yàng thuộc xã Bảo Thuận theo định hướng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó việc sáp nhập xã Bảo Thuận, xã Tân Nghĩa và xã Đình Lạc là phù hợp.

36. Thành lập xã Sơn Điền trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Gia Bắc và xã Sơn Điền của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Sơn Điền, có diện tích tự nhiên là 261,88 km² (*đạt tỷ lệ 261,88%*), dân số là 7.310 người (*đạt tỷ lệ 146,20%*), dân tộc thiểu số 6.941 người (*đạt tỷ lệ 94,95% so với tiêu chuẩn*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hòa Bắc (mới), xã Di Linh (mới), xã Bảo Thuận (mới) và tỉnh Bình Thuận hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Sơn Điền: Sử dụng trụ sở UBND xã Gia Bắc hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Xã Gia Bắc có đường Quốc lộ 28 đi qua, thuận tiện cho việc kết nối giao thông với các vùng lân cận, giúp cho việc giao thương mua bán, vận chuyển hàng hóa; theo quy hoạch vùng huyện, xã Gia Bắc sẽ phát triển cụm công nghiệp nằm phía Nam trung tâm xã Gia Bắc và gần Quốc lộ 28 khoảng 70 ha.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Sơn Điền được thành lập theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Gia Bắc được hình thành trên cơ sở tách từ xã Sơn Điền theo Quyết định số 38-HĐBT ngày 06/3/1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; xã Gia Bắc và xã Sơn Điền có quy mô dân số và diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập; xã Sơn Điền và xã Gia Bắc là 02 xã có vị trí liên kề có điều kiện phát triển kinh tế- xã hội, có truyền thống lịch sử và văn hóa tương đồng. Xã Sơn Điền là vùng căn cứ kháng chiến cũ, là xã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng

vũ trang nhân dân. Xã Sơn Điền và xã Gia Bắc hiện nay là 02 xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm hơn 94% dân số trên địa bàn, khi sắp xếp sẽ thuận lợi cho việc triển khai công tác phát triển kinh tế, các chương trình mục tiêu quốc gia về vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho bà con Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

37. Thành lập xã Gia Hiệp trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Tam Bó và xã Gia Hiệp của huyện Di Linh hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Gia Hiệp, có diện tích tự nhiên là 324,43 km² (đạt tỷ lệ 324,43%), dân số là 21.462 người (đạt tỷ lệ 429,24%), dân tộc thiểu số 7.207 người (đạt tỷ lệ 33,58%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bảo Thuận (mới), huyện Đức Trọng hiện nay, huyện Lâm Hà hiện nay và tỉnh Bình Thuận hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Gia Hiệp: Sử dụng trụ sở UBND xã Gia Hiệp hiện nay.

Việc bố trí trung tâm hành chính, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC hình thành sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; phù hợp chiến lược phát triển kinh tế- xã hội; động lực phát triển vùng, liên kết vùng và địa phương; phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Theo quy hoạch vùng huyện được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định 2538/QĐ-UBND ngày 18/12/2023, đô thị Gia Hiệp là đô thị phía đông của thị trấn Di Linh; đầu mối giao thông liên huyện giữa Di Linh- Lâm Hà- Đức Trọng; phát triển ngành công nghiệp, thương mại, ưu tiên dịch vụ nông nghiệp, cung cấp các dịch vụ liên quan đến canh tác, tư vấn sản xuất nông nghiệp cao. Do đó việc đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Gia Hiệp đặt tại xã Gia Hiệp hiện nay là phù hợp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Về lịch sử hình thành, xã Gia Hiệp được thành lập theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã Tam Bó được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Gia Hiệp theo Quyết định số 38-HĐBT ngày 06 tháng 3 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó việc sáp nhập xã Gia Hiệp vào xã Tam Bó là phù hợp.

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; xã Gia Hiệp có quy mô dân số và diện tích tự nhiên không đạt chuẩn theo quy định, thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập; xã Tam Bó bảo đảm tiêu chuẩn không thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên xã Gia Hiệp và xã Tam Bó là 02 ĐVHC liền kề, có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và văn hóa khá tương đồng. Theo quy hoạch vùng huyện đến năm 2020 định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn khu vực tổ hợp du lịch, dịch vụ, văn hóa, thể thao, sân golf và khu dân cư bên hồ thủy điện Đồng Nai 1 thuộc các xã Gia Hiệp, Tam Bó; hiện nay 02 xã Tam Bó và Gia Hiệp cũng đang có 02 cụm công nghiệp (Gia Hiệp khoảng 21,74 ha, Tam Bó khoảng 30ha), việc sắp xếp xã Gia Hiệp và Tam Bó sẽ mở ra không gian phát triển, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp trên địa bàn.

38. Thành lập xã Bảo Lâm 1 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Quảng và xã Lộc Ngãi của huyện Bảo Lâm hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Lâm 1, có diện tích tự nhiên là 204,43 km² (đạt tỷ lệ 204,43%), dân số là 44.151 người (đạt tỷ lệ 883,02%), dân tộc thiểu số 9.707 người (đạt tỷ lệ 21,99%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Bảo Lâm 2; xã Bảo Lâm 4 và thành phố Bảo Lộc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bảo Lâm 1: Sử dụng trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Bảo Lâm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành: thị trấn Lộc Thắng được thành lập năm 1994 theo Quyết định số 65/QĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ từ huyện Bảo Lộc; xã Lộc Quảng được thành lập năm 1994 trên cơ sở tách ra từ thị trấn Lộc Thắng và xã Lộc Ngãi được thành lập theo Quyết định số 317/QĐ-UBCM ngày 19/11/1975 của Ủy ban Cách mạng tỉnh Lâm Đồng;

- Về đặc điểm văn hóa: thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Ngãi trước đây là khu vực sinh sống của người DTTS gốc Tây Nguyên (người Mạ, hiện sinh sống rải rác tại một số tổ dân phố như tổ 4, 7, 13, 14, 15 thị trấn Lộc Thắng và thôn 4 xã Lộc Ngãi). Sau khi được chia tách từ huyện Bảo Lộc, Nhân dân từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc di cư định canh thành các cụm dân cư tập trung. Hiện nay, thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Ngãi và xã Lộc Quảng đều duy trì, phát triển các phong tục, tập quán được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ, đa dạng bản sắc dân tộc.

- Trên địa bàn thị trấn Lộc Thắng có tổ hợp nhà máy Bauxit Nhôm thuộc tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam là khu công nghiệp góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng, đóng góp ngân sách và giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

- Xã Lộc Ngãi là khu vực có nhiều dân cư từ các tỉnh trong cả nước quy tụ về sinh sống với 06 dân tộc anh em mang theo nhiều đặc thù văn hóa các vùng miền có các hoạt động văn hóa truyền thống đặc trưng của nhiều địa phương. Người dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp với loại cây đặc trưng là cây cà phê và một số cây ăn trái như sầu riêng, măng cụt...

- Xã Lộc Quảng hiện nay có nhiều doanh nghiệp, công ty sản xuất trà, cà phê và một số điểm du lịch nông nghiệp.

- Đơn vị hành chính mới sau khi thành lập có nền văn hoá phong phú, đời sống người dân khá giả, đặc biệt những năm gần đây giá cà phê tăng cao.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn này luôn được giữ vững.

- Trung tâm hành chính xã Bảo Lâm 1 được bố trí tại trung tâm hành chính huyện Bảo Lâm cũ, đảm bảo phù hợp với trục giao thông kết nối trên tuyến đường tỉnh lộ ĐT 725 đi qua, tạo điều kiện cho Nhân dân trong thực hiện các TTHC. Đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

Tuy nhiên, 03 xã sau khi nhập có diện tích lớn, dân số đông dẫn đến công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn sẽ không tránh khỏi những khó khăn thách thức về quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng, quản lý bảo vệ rừng, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất... do 03 xã sau khi nhập có diện tích lớn, dân số đông.

39. Thành lập xã Bảo Lâm 2 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Lộc An, xã Lộc Đức và xã Tân Lạc của huyện Bảo Lâm hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Lâm 2, có diện tích tự nhiên là 114 km² (đạt tỷ lệ 114% so với tiêu chuẩn), dân số là 33.092 người (đạt tỷ lệ 661,84%), dân tộc thiểu số 3.991 người (đạt tỷ lệ 12,06%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Bảo Lâm 1, thành phố Bảo Lộc và huyện Di Linh hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bảo Lâm 2: Sử dụng trụ sở UBND xã Lộc An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về đặc điểm văn hóa: Xã Lộc An, Lộc Đức và xã Tân Lạc trước đây có nhiều dân cư từ các nơi trong cả nước di cư đến, hình thành các cụm dân cư đan xen với người DTTS tại địa phương từ đó tạo nên sự giao thoa, đa dạng về văn hóa giữa các địa phương.

- Kết nối giao thông: Xã Lộc An có tuyến đường Quốc lộ 20 đi qua địa bàn với 6,5 km, kết nối thành phố Hồ Chí Minh đi thành phố Đà Lạt, đồng thời có các trục giao thông thuận lợi kết nối với các địa phương khác như kết nối với tuyến ĐT 725 đi qua xã Bảo Lâm 1, tuyến kết nối với xã Hoà Ninh, Hoà Nam huyện Di Linh, có điều kiện thuận lợi phát triển thương mại, dịch vụ, các điểm dừng chân dọc Quốc lộ 20 phát triển khá mạnh.

- Việc nhập 03 đơn vị sẽ tạo điều kiện hỗ trợ phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy mạnh các dịch vụ.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn này luôn được giữ vững.

- Trung tâm hành chính xã Bảo Lâm 2 được bố trí tại xã Lộc An hiện nay tạo điều kiện cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ và Nhân dân liên hệ công tác. Cơ sở vật đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

Tuy nhiên, việc sắp xếp 03 đơn vị hành chính thành một đơn vị, bước đầu không tránh khỏi những khó khăn trong công tác quản lý Nhà nước tại địa phương và công tác sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức dôi dư.

40. Thành lập xã Bảo Lâm 3 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Thành và xã Lộc Nam của huyện Bảo Lâm hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Lâm 3, có diện tích tự nhiên là 152,13 km² (*đạt tỷ lệ 152,13% so với tiêu chuẩn*), dân số là 32.917 người (*đạt tỷ lệ 658,34%*), dân tộc thiểu số 10.572 người (*đạt tỷ lệ 32,12%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Bảo Lâm 2, thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh hiện nay và tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Bảo Lâm 3: Sử dụng trụ sở UBND xã Lộc Nam hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Lộc Thành và Lộc Nam được thành lập năm 1976 trực thuộc huyện Bảo Lộc cũ. Hai xã trước đây là nơi tập trung sinh sống của đồng bào gốc Tây nguyên (dân tộc K' Ho), ngoài ra còn có một số đồng bào dân tộc khác như Mông, Tày, Nùng, Hoa... Nhân dân các tỉnh miền Bắc di cư định canh kinh tế, tập trung sinh sống hình thành cộng đồng gắn kết. Các truyền thống văn hóa đã

được bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các câu lạc bộ dân ca, dân vũ hình thành và phát triển khá tốt, tập hợp được nhiều thành phần đối tượng tham gia. Nhìn chung đơn vị hành chính mới thành lập có sự tương đồng và đang đang về bản sắc văn hóa dân tộc.

- Xã Bảo Lâm 3 nằm trên Quốc lộ 55 là cửa ngõ vào địa bàn huyện Bảo Lâm cũ, là vệ tinh kết nối đơn vị hành chính mới và các vùng lân cận. Trục giao thông kết nối đến Quốc lộ 20 thuộc khu vực phường Lộc Sơn thành phố Bảo Lộc; Kết nối với tuyến đường mới mở sang xã Tân Lạc, xã Hoà Nam, Hoà Bắc thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế, về lâu dài thuận tiện trong việc lưu thông của người dân.

- Việc nhập các xã Lộc Thành và xã Lộc Nam sẽ tạo ra không gian rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực với lợi thế đất đỏ bazan để phát triển cây công nghiệp như cà phê, bơ, sầu riêng; du lịch sinh thái là các thế mạnh của xã vì trên địa bàn có núi Đại Bình là nơi có nhiều địa điểm nghỉ dưỡng, tham quan du lịch, có tuyến đường kết nối với tỉnh Bình Thuận.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn này luôn được giữ vững.

- Hiện nay, trụ sở làm việc của xã Lộc Nam có diện tích rộng, được xây dựng khang trang, đầy đủ các phòng làm việc. Do đó việc bố trí trung tâm hành chính xã mới tại trụ sở xã Lộc Nam hiện nay sẽ tận dụng được cơ sở vật chất để đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới ngay sau khi sắp xếp mà không phải đầu tư, xây dựng mới. Đồng thời, việc bố trí trung tâm hành chính xã Bảo Lâm 3 đảm bảo phù hợp với trục giao thông Quốc lộ 55 thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế cũng như người dân đến liên hệ làm thủ tục hành chính. Vì tính theo trục đường Quốc lộ 55 thì khoảng cách từ thôn cuối xã Lộc Thành đến trụ sở UBND xã Lộc Nam chỉ là 12.5 km.

Tuy nhiên, với diện tích lớn, không gian rộng nhưng các điều kiện phát triển chưa đồng đều giữa các xã cũ; dân số đông trong khi đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 32,78% nên việc triển khai một số công tác quản lý nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, nhất là công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số.

41. Thành lập xã Bảo Lâm 4 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Phú, xã Lộc Lâm và xã B'Lá của huyện Bảo Lâm hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Lâm 4, có diện tích tự nhiên là 343,35 km² (đạt tỷ lệ 343,35%), dân số 10.073 người (đạt tỷ lệ 201,46%), dân tộc thiểu số 6.221 người (đạt tỷ lệ 61,76%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: Xã Bảo Lâm 1, xã Bảo Lâm 5 và huyện Di Linh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bảo Lâm 4: Sử dụng trụ sở UBND xã Lộc Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Xã Lộc Lâm được thành lập ngày 13/7/1977 đến năm 1994 được tách là làm hai xã là xã Lộc Lâm và xã Lộc Phú hiện nay. Do đó hai địa phương đã có sự tương đồng về địa hình, địa giới hành chính. Xã Lộc Lâm, Lộc Phú hiện nay là nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây nguyên sinh sống, ngoài ra có nhiều người dân từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc đến định cư. Xã B'Lá là nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc phía bắc sinh sống, có nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc.

- 03 xã Lộc Lâm, Lộc Phú và B'Lá là địa phương có diện tích cà phê tương đối lớn, mặt khác diện tích rừng sản xuất ở đơn vị hành chính này lớn nên kinh tế rừng, sản xuất nông lâm kết hợp mang lại giá trị khá cao. Cả 03 xã đều là xã thuộc khu vực ATK.

- Việc nhập các 03 xã Lộc Phú, xã Lộc Lâm và B'Lá tạo ra không gian rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực với lợi thế đất đỏ bazan để phát triển cây công nghiệp như cà phê, bơ, sầu riêng...

- Việc bố trí trung tâm hành chính xã Bảo Lâm 4 đảm bảo phù hợp với trục giao thông liên huyện B'Lá - Lộc Lâm - Lộc Phú kết nối với các địa phương trong huyện thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế cũng như người dân đến liên hệ làm thủ tục hành chính, tận dụng được cơ sở vật chất xã cũ đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

Sau khi hình thành xã Bảo Lâm 4, về điều kiện kinh tế sẽ gặp nhiều khó khăn, dân trí thấp. Đồng thời, với diện tích lớn, công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển kinh tế rừng của xã mới; với khó khăn này đòi hỏi chính quyền xã mới cần có sự quan tâm đúng mức nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh. Là nơi hay xảy ra tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp, là địa bàn phức tạp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, do đó việc quản lý nhà nước về lâm nghiệp cần được quan tâm, chú trọng.

42. Thành lập xã Bảo Lâm 5 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Bảo và xã Lộc Bắc của huyện Bảo Lâm hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Bảo Lâm 5, có diện tích tự nhiên là 511,88 km² (đạt tỷ lệ 511,88% so với tiêu chuẩn), dân số là 11.596 người (đạt tỷ lệ 231,92%), dân tộc thiểu số 7.243 người (đạt tỷ lệ 62,46%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Bảo Lâm 4, huyện Đạ Huoai và tỉnh Đắk Nông hiện nay.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bảo Lâm 5: Sử dụng trụ sở UBND xã Lộc Bảo hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở pháp lý: Theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền 2 cấp.

- Lý do: Xã Lộc Bắc và xã Lộc Bảo là hai ĐVHC liên kề; xã Lộc Bảo được thành lập năm 1994 theo Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 11/07/1994 của Chính phủ trên cơ sở tách ra từ xã Lộc Bắc. Hai xã có điều kiện tự nhiên khá tương đồng; đều là xã ATK; là nơi có đông đồng bào dân tộc Tây nguyên sinh sống (dân tộc Mạ) và một số dân tộc phía Bắc di cư đến lập nghiệp (Tày, Nùng, Mông). Do vậy, việc sáp nhập các ĐVHC trên cơ bản thuận lợi.

Từ cơ sở và lý do trên, việc nhập xã Lộc Bắc và xã Lộc Bảo là cần thiết, phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

43. Thành lập xã Đạ Huoai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Mađaguôi, xã Mađaguôi và xã Đạ Oai của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đạ Huoai, có diện tích tự nhiên là 113,96 km² (*đạt tỷ lệ 113,96%*), dân số là 23.117 người (*đạt tỷ lệ 462,34%*), dân tộc thiểu số 2.312 người (*đạt tỷ lệ 10%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đạ Huoai 2, xã Đạ Tẻh 2; xã Đạ Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xã Phú Sơn, xã Phú An huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đạ Huoai: Sử dụng trụ sở UBND huyện Đạ Huoai (cũ).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử, đặc điểm văn hóa: Thị trấn Mađaguôi, xã Mađaguôi và xã Đạ Oai hiện nay được thành lập trên cơ sở tách ra từ xã Mađaguôi (cũ) theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ. Xã Đạ Huoai trước đây là khu vực sinh sống của người DTTS gốc Tây Nguyên (người Mạ, hiện tập

trung sinh sống tại thôn 2 xã Đạ Oai, thôn 6 xã Mađaguôi và Buôn B'Kẻ TT Mađaguôi). Sau khi thành lập huyện Đạ Huoai, Nhân dân từ các tỉnh miền Trung (tỉnh Quảng Ngãi), miền Bắc di cư định canh thành các cụm dân cư đan xen với người DTTS tại địa phương từ đó tạo nên sự giao thoa, đa dạng về văn hóa giữa các xã.

- Kết nối giao thông: Thị trấn Mađaguôi là cửa ngõ của tỉnh Lâm Đồng, có tuyến đường Quốc lộ 20 đi qua địa bàn với 10,5 km, kết nối thành phố Hồ Chí Minh đi thành phố Đà Lạt và có Tỉnh lộ ĐT.721 kết nối đi tỉnh Bình Phước, Đắk Nông; thị trấn Mađaguôi, xã Mađaguôi và xã Đạ Oai hiện nay có các trục giao thông thuận lợi: Đường ĐH.4 từ ĐT.721 - Đạ Tồn - thôn 7 Đạ Oai; Đường ĐH.5 từ Đường QL.20 - xã Mađaguôi; Đường ĐH.6 đoạn từ thôn 1 xã Đạ Oai - Đạ Tồn; Đường ĐH.8 từ thôn 1 xã Đạ Tồn đi Buôn B'Kẻ TT Mađaguôi.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Thị trấn Mađaguôi là thị trấn trung tâm của huyện Đạ Huoai cũ, trên địa bàn có Khu du lịch rừng Mađaguôi đang hoạt động hiệu quả; thương mại, dịch vụ, các điểm dừng chân dọc Quốc lộ 20 phát triển khá mạnh. Xã Đạ Oai và xã Mađaguôi hiện nay được định hướng phát triển du lịch nghỉ dưỡng, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung kết hợp; phát triển các khu dịch vụ thương mại và hỗ trợ sản xuất. Trên địa bàn hiện đang triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh như: nút giao cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; sân golf Hồng Lam, sân golf Mađaguôi, đua ngựa Thiên Mã; cụm công nghiệp Đạ Oai đã thu hút các nhà đầu tư, phát triển khu công nghiệp chế biến, Logistic..

Việc 03 đơn vị sáp nhập sẽ tạo điều kiện hỗ trợ phát triển công nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy mạnh các dịch vụ, du lịch canh nông... thị trấn Mađaguôi (cũ) với lợi thế nguồn lao động, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sẽ giúp xã Mađaguôi, xã Đạ Oai (cũ) sau khi sáp nhập thì xã Đạ Huoai mới sẽ phát huy tối đa hiệu quả các dự án đang triển khai trên địa bàn.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Xã Đạ Huoai sau khi thành lập có diện tích rừng là 4.941,8 ha, tập trung tại xã Đạ Oai (địa bàn xã Đạ Tồn cũ) có các đường giao thông thuận lợi, được các đơn vị chủ rừng quản lý, bảo vệ tốt.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Sau khi sáp nhập, lực lượng công an chính quy của 03 xã sẽ được bố trí, tổ chức lại, phối hợp với lực lượng của Ban Chỉ huy quân sự đơn vị mới được tổ chức theo hướng tinh gọn, đầy đủ các cơ sở, phương tiện đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã mới được hình thành.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Trung tâm hành chính xã Đạ Huoai được bố trí tại thị trấn Mađaguôi tận dụng được hạ tầng CNTT của huyện Đạ Huoai (cũ) có cơ sở vật đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới

sau khi sắp xếp; tạo điều kiện cho Nhân dân đã quen với việc thực hiện các TTHC tại huyện Đạ Huoai (cũ).

44. Thành lập xã Đạ Huoai 2 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đạ M'ri và xã Hà Lâm của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đạ Huoai 2, có diện tích tự nhiên là 249,57 km² (*đạt tỷ lệ 249,57%*), dân số là 14.929 người (*đạt tỷ lệ 298,58%*), dân tộc thiểu số 3.477 người (*đạt tỷ lệ 23,29%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đạ Huoai, xã Đạ Tẻh 2, xã Đạ Huoai 3, thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đạ Huoai 2: Sử dụng trụ sở của UBND thị trấn Đạ M'ri (Đảng ủy và Mặt trận); trụ sở UBND xã Hà Lâm (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử, đặc điểm văn hóa: Thị trấn Đạ M'ri và xã Hà Lâm hiện nay được thành lập trên cơ sở xã Đạ M'ri (cũ) theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ. Xã Đạ Huoai 2 trước đây là khu vực sinh sống của người DTTS gốc Tây Nguyên (*người Mạ, hiện tập trung sinh sống tại 04 thôn của xã Hà Lâm và Tổ dân phố 11 của thị trấn Đạ M'ri*). Sau khi thành lập xã, Nhân dân từ các tỉnh miền Trung (*Quảng Nam, Quảng Ngãi đến thị trấn Đạ M'ri*), miền Bắc (*thành phố Hà Nội đến xã Hà Lâm cũ*) di cư định canh thành các cụm dân cư tập trung; duy trì, phát triển các phong tục, tập quán được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ, đa dạng bản sắc dân tộc. Văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên được bảo tồn, phát huy.

- Kết nối giao thông: Xã Đạ Huoai 2 có trục giao thông thuận lợi với 18 km QL.20 đi qua xã Hà Lâm và thị trấn Đạ M'ri. Các đường huyện ĐH.4, ĐH.7 kết nối từ trung tâm xã đến các thôn (*Đường ĐH.1 B'Sa - Đạ P'loa - Đoàn Kết; Đường ĐH.2 từ QL20 - xã Đạ M'ri cũ - Hà Lâm; - Đường ĐH.3 từ QL20 tới ĐH.6; Đường ĐH.6 đoạn nối tiếp ĐH.3 đến Bảo Lâm; Đường ĐH.7 xã Hà Lâm - Bà Gia; Đường ĐH.9 TDP 5, thị trấn Đạ M'ri đi thôn 2 xã Bà Gia*).

- Phát triển kinh tế - xã hội: Trên địa bàn thị trấn Đạ M'ri hiện nay có Dự án Khu du lịch Đại Tùng Lâm Hoa Sen là hạt nhân cho phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; đồng thời dọc trên QL 20 phát triển các điểm dừng chân, buôn bán, dịch vụ. Xã Hà Lâm phát triển vùng nguyên liệu cây ăn trái của huyện, sau khi sắp xếp, đơn vị hỗ trợ cho thị trấn Đạ M'ri phát triển thương mại, nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái cảnh quan, du lịch canh nông.... phát huy

tiềm năng sau khi sáp nhập. ĐVHC mới thành lập có trình độ dân trí khá cao, đời sống người dân khá giả, đặc biệt những năm gần đây sản lượng và giá cả sầu riêng tăng cao. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn luôn được giữ vững.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: xã Đạ Huoai 2 sau khi thành lập có diện tích rừng là 18.411,11 ha là đơn vị có diện tích lớn được các đơn vị chủ rừng, lực lượng kiểm lâm, Ban lâm nghiệp quản lý, bảo vệ tốt.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn hành chính mới luôn được chú trọng và giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Trung tâm hành chính xã Đạ Huoai 02 được bố trí tại xã Hà Lâm hiện nay, sử dụng hạ tầng CNTT của thị trấn Đạ M'ri, xã Hà Lâm được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ (*mới được nâng cấp, sửa chữa khi sáp nhập xã Phước Lộc vào xã Hà Lâm*); đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

45. Thành lập xã Đạ Huoai 3 trên cơ sở nguyên trạng xã Bà Gia của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đạ Huoai 3, có diện tích tự nhiên là 131,51 km² (*đạt tỷ lệ 131,51%*), dân số là 6.571 người (*đạt tỷ lệ 131,42%*), dân tộc thiểu số 3.309 người (*đạt tỷ lệ 50,36%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đạ Huoai 2, huyện Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đạ Huoai 3: Sử dụng trụ sở làm việc UBND xã Đoàn Kết cũ (Đảng ủy và MTTQ); trụ sở UBND xã Bà Gia (chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Trên địa bàn xã Đạ Huoai 3 đa phần người đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ dân trí chưa cao dễ bị kẻ xấu lôi kéo nên ĐVHC cấp xã có quy mô phù hợp để cán bộ được gần dân, giúp dân phát triển kinh tế. Khoảng cách một số khu vực Thôn 1, Thôn 2 xã Đạ Huoai 3 đến trung tâm xã Hà Lâm, thị trấn Đạ M'ri khoảng 14 km nên việc sáp nhập thêm 01 ĐVHC thì không gian rộng sẽ khó khăn cho người dân đến làm thủ tục hành chính, mặt khác xã Bà Gia tỷ lệ dân tộc thiểu số cao (51,42%) áp dụng công nghệ thông tin còn hạn chế.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn hiện nay luôn được chú trọng và giữ vững.

Việc đổi tên xã Bà Gia thành xã Đạ Huoai 3 theo tinh thần Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư là lấy tên huyện cũ và thêm số thứ tự nhằm giữ được thương hiệu Sầu riêng Đạ Huoai, thuận lợi cho việc số hóa, cập nhật dữ liệu thông tin đồng bộ toàn huyện.

46. Thành lập xã Đạ Tẻh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đạ Tẻh, xã An Nhơn, xã Đạ Lây của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đạ Tẻh, có diện tích tự nhiên là 145,85 km² (*đạt tỷ lệ 145,85%*)
 - ĐVHC xã Đạ Tẻh, có diện tích tự nhiên là 145,85 km² (*đạt tỷ lệ 145,85%*), dân số là 30.725 người (*đạt tỷ lệ 614,50%*), dân tộc thiểu số 10.030 người (*đạt tỷ lệ 32,64%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đạ Tẻh 2, xã Đạ Tẻh 3, xã Đạ Huoai; xã Cát Tiên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đạ Tẻh: Sử dụng trụ sở UBND huyện Đạ Huoai hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa xã hội: Thị trấn Đạ Tẻh, xã Đạ Lây hiện nay được thành lập theo Quyết định số 116-CP ngày 14/3/1979 của Hội đồng Chính phủ; xã An Nhơn được thành lập trên cơ sở chia xã Đạ Tẻh (cũ) theo Quyết định số 38-HĐBT ngày 06/3/1984 của Hội đồng Bộ trưởng. Xã Đạ Tẻh mới hiện nay là khu vực sinh sống của người dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên (*người Mạ, K'Ho tại thị trấn Đạ Tẻh*), các dân tộc miền núi phía Bắc di cư (*người Tày, Nùng tại thị trấn Đạ Tẻh và xã An Nhơn*).

Xã An Nhơn và xã Đạ Lây có dân cư chủ yếu là dân di cư từ các tỉnh vào tập trung đến xây dựng kinh tế mới (*các tỉnh miền núi phía Bắc, tỉnh Bình Định, Thừa Thiên – Huế...*). Do đó, qua quá trình hình thành và phát triển cũng dẫn đến những tương đồng về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc sáp nhập. Văn hóa truyền thống của người đồng bào DTTS tại xã An Nhơn (Lễ hội Lồng tồng hàng năm) đã tạo được nét riêng của đơn vị, là điểm đến du lịch văn hóa của khu vực.

- Kết nối giao thông: Thị trấn Đạ Tẻh được quy hoạch là đô thị trung tâm của 03 huyện phía Nam của tỉnh Lâm Đồng, do đó đã đầu tư cơ bản về cơ sở hạ tầng như: đường Tỉnh lộ ĐT.721 đi qua thị trấn Đạ Tẻh- xã An Nhơn đến hết xã Đạ Lây; đường ĐT.725 nối TT Đạ Tẻh - Mỹ Đức đến huyện Bảo Lâm; Đường ĐH.81 TT Đạ Tẻh – xã Quốc Oai; đường ĐH.84 TT Đạ Tẻh – xã An Nhơn.

Xã Đa Tẻ mới hình thành phát triển theo trục đường tỉnh ĐT 721, các đường DH vành đai sông Đồng Nai kết nối với xã Đa Tẻ – An Nhơn; các đường liên thôn đã được bê tông hóa.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Thị trấn Đa Tẻ hiện nay là đô thị hạt nhân của vùng huyện, là hệ thống đô thị vệ tinh Tiểu vùng III (theo quy hoạch vùng tỉnh Lâm Đồng); tiệm cận tiêu chí đô thị loại IV (năm 2035); trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật của vùng huyện; trung tâm dịch vụ, thương mại của vùng huyện, đầu mối giao thương quan trọng của huyện; có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng của vùng; trung tâm giao lưu kinh tế, văn hóa, thể dục thể thao; đảm bảo các tiêu chí tăng trưởng xanh theo quy định.

Xã An Nhơn hiện là xã vùng nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; trọng tâm là nông nghiệp sạch, chất lượng cao. Các sản phẩm của xã An Nhơn (*thương hiệu gạo nếp quýt, điều...*) được tổ chức sơ chế, thành phẩm tại địa bàn tạo ra chuỗi liên kết, sản xuất, tiêu thụ; xã Đa Lây hiện có vị trí liên kết vùng xã, dự án cụm công nghiệp được triển khai tại xã là động lực chính thu hút đầu tư, nguồn lao động; trên địa bàn có hồ thủy lợi Đa Hàm đang tưới tiêu toàn khu vực thị trấn và xã An Nhơn; Hồ thủy lợi Đa Lây mới được xây dựng sẽ cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu cho toàn khu vực trong thời gian tới, đặc biệt là khu vực Đội 12 đang phát triển mạnh về cây ăn trái như quýt, bưởi, sầu riêng.

Việc sắp xếp xã An Nhơn, xã Đa Lây và thị trấn Đa Tẻ tạo ra một ĐVHC cấp xã phát triển đầy đủ các thành phần kinh tế, hỗ trợ phát triển thành vùng kinh tế trung tâm của khu vực.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Xã Đa Tẻ sau khi thành lập có diện tích rừng là 7.944,8 ha, tập trung tại xã An Nhơn và xã Đa Lây. Việc quản lý, bảo vệ rừng xã Đa Tẻ cơ bản thuận lợi do có hệ thống giao thông kết nối giữa các khu vực. Có Ban lâm nghiệp, Công ty Lâm nghiệp và lực lượng kiểm lâm thường xuyên tuần tra, canh gác (chốt Bảo vệ rừng Đa Lây)

- Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Trung tâm hành chính xã Đa Tẻ được bố trí tại thị trấn Đa Tẻ (*trung tâm hành chính huyện Đa Huoai hiện nay*) tận dụng được các cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp, tạo điều kiện cho Nhân dân thực hiện các TTHC.

47. Thành lập xã Đa Tẻ 2 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Quảng Trị, xã Đa Pal và xã Đa Kho của huyện Đa Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đa Tềh 2, có diện tích tự nhiên là 186,07 km² (đạt tỷ lệ 186,07%), dân số là 14.590 người (đạt tỷ lệ 291,80%), dân tộc thiểu số 984 người (đạt tỷ lệ 6,74%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Đa Tềh, xã Đa Huoai, xã Đa Huoai 2, xã Lộc Tân- huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đa Tềh 2: Sử dụng trụ sở UBND xã Triệu Hải cũ (Đảng ủy, MTTQ); trụ sở UBND xã Quảng Trị (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa xã hội: 3 ĐVHC này trước đây là 1 xã Đa Kộ, sau đó chia tách ra xã Đa Kho và Triệu Hải, sau đó xã Triệu Hải tách thêm xã Đa Pal và xã Quảng Trị. Ngày 01/12/2024, xã Triệu Hải nhập vào xã Quảng Trị theo Nghị quyết số 1245/NQ-UBTVQH, người dân 03 ĐVHC này chủ yếu là người miền Trung (tỉnh Quảng Trị) và người dân miền Bắc (huyện Giao Thủy, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Tây cũ) di cư vào sinh sống nên rất tương đồng về văn hóa miền Trung và miền Bắc; các lễ hội văn hóa dòng tộc, đình làng luôn được người dân quan tâm, duy trì đều đặn hàng năm rất phong phú và đa dạng.

- Kết nối hạ tầng giao thông: Xã Đa Kho nằm trên Tỉnh lộ 725 là cửa ngõ vào địa bàn huyện Đa Tềh cũ, là vệ tinh kết nối ĐVHC mới và các vùng lân cận (có bến xe liên tỉnh). Trục giao thông liên huyện Đa Kho-Quảng Trị-Đa Pal đến khu vực xã TonKlong giáp với xã Lộc Tân-Bảo Lộc; kết nối với tuyến đường mới mở sang xã Mỹ Đức, xã Quốc Oai thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế. Đồng thời trên địa bàn có đoạn tuyến cao tốc Tân Phú-Bảo Lộc đi ngang qua thuận tiện trong việc lưu thông của người dân.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Trên địa bàn có quy hoạch các mỏ khoáng sản để cung cấp đất, đá, cát... phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, dân dụng trong và ngoài huyện. Xã Đa Pal, xã Quảng Trị hiện có diện tích dâu tằm tương đối lớn nên hình thành khu sản xuất dâu tằm tập trung trong tương lai; mặt khác diện tích rừng sản xuất ở ĐVHC này lớn nên kinh tế rừng, sản xuất nông lâm kết hợp mang lại giá trị khá cao; các dự án lâm nghiệp dần cho thu hoạch như: Dự án Công ty cổ phần An Lợi- Quảng Trị; Dự án cao su Ánh Quang-Quảng Trị; phát triển các ngành nghề truyền thống gắn với sản xuất nông, lâm kết hợp.

Việc sáp nhập các xã Đa Kho, xã Đa Pal vào xã Quảng Trị tạo ra không gian rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội khu vực, đặc biệt khu vực xã Tôn K'long - Đa Pal với lợi thế đất đỏ Bazan để phát triển cây công nghiệp như cà phê, bơ, sầu riêng; du lịch sinh thái là các thế mạnh của xã vì trên địa bàn có thác Xuân Đài – Đa Pal, thác nước Đakala hùng vĩ người dân thường đến tham quan.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: xã Đạ Tẻh 2 sau khi thành lập có diện tích rừng là 11.843,7 ha tập trung tại xã Quảng Trị và xã Đạ Pal. Việc quản lý, bảo vệ rừng được các đơn vị quản lý, bảo vệ đảm bảo,

- Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã mới luôn được giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Việc bố trí trung tâm hành chính xã Đạ Tẻh 2 tại xã Quảng Trị hiện nay đảm bảo phù hợp với trục giao thông liên huyện Đạ Kho - Quảng Trị - Đạ Pal thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế cũng như người dân đến liên hệ làm thủ tục hành chính, tận dụng được cơ sở vật chất xã cũ đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp.

48. Thành lập xã Đạ Tẻh 3 trên cơ sở nhập 02 ĐVHC xã, gồm Mỹ Đức và xã Quốc Oai của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Đạ Tẻh 3, có diện tích tự nhiên là 194,82 km² (đạt tỷ lệ 194,82%), dân số là 11.678 người (đạt tỷ lệ 233,56%), dân tộc thiểu số 2.534 người (đạt tỷ lệ 21,7%).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đạ Tẻh, xã Đạ Tẻh 2, xã Cát Tiên, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đạ Tẻh 3: Sử dụng trụ sở UBND xã Hà Đông cũ (Đảng ủy, MTTQ); trụ sở UBND xã Mỹ Đức (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa xã hội: xã Mỹ Đức và xã Quốc Oai hiện nay được thành lập trên cơ sở chia xã Hà Đông theo Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng. Xã Đạ Tẻh 3 mới hình thành do Nhân dân các tỉnh miền Bắc di cư định canh kinh tế (*thành phố Hà Nội*) tập trung sinh sống thành cộng đồng gắn kết. Các truyền thống văn hóa như: Lễ hội Cồng chiêng của người Mạ đã được bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các câu lạc bộ dân ca, dân vũ hình thành và phát triển khá tốt, tập hợp được nhiều thành phần đối tượng tham gia như ở thôn Phú Hòa xã Mỹ Đức; xã Quốc Oai. Nhìn chung ĐVHC mới thành lập tương đồng và đang dạn về bản sắc văn hóa dân tộc.

- Kết nối hạ tầng giao thông: Xã Đạ Tẻh 3 khi hình thành, phát triển theo trục không gian chủ đạo trục đường Tỉnh lộ ĐT.725, các trục đường vành đai, đường tránh của thị trấn Đạ Tẻh, trục đường liên huyện Quốc Oai-Mỹ Đức-Quảng Trị.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Xã Mỹ Đức hiện nay có kinh tế chủ đạo của xã là kinh tế hỗn hợp, trọng tâm là nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, vùng chuyên canh trồng cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày điều, cao su, lúa chất lượng cao, dâu tằm, chăn nuôi trang trại; vùng nguyên liệu nông lâm sản (*nguyên liệu nông sản, rừng gỗ lớn*), phát triển du lịch sinh thái hồ Đa Tẻ, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch văn hóa vùng đồng bào dân tộc (*di sản văn hóa công chiêng*), phát triển tiểu thủ công nghiệp - ngành nghề truyền thống (*chế biến nông lâm sản, dệt thổ cẩm, tơ tằm, ...*). Cùng với xã Quốc Oai, các trục đường kết nối cảnh quan suối Đa Nhar, hồ Đa Tẻ (Khu đô thị sinh thái), Du lịch sinh thái (*rừng, hồ*), du lịch thể thao mạo hiểm (*dù lượn*), du lịch văn hóa (*văn hóa vùng đồng bào dân tộc - công chiêng, sử thi, dệt thổ cẩm*). Các cây thế mạnh của vùng như: Trồng cao su, trồng cây ăn quả, trang trại chăn nuôi tập trung, trồng dâu nuôi tằm... là động lực cho phát triển vùng

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: xã Đa Tẻ 3 sau khi thành lập có diện tích rừng là 11.259 ha phân bố đều tại xã Mỹ Đức và xã Quốc Oai hiện nay. Việc quản lý, bảo vệ rừng do các đơn vị Chủ rừng (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp), Kiểm lâm địa bàn và Ban lâm nghiệp xã thường xuyên tăng cường kiểm tra, quản lý, bảo vệ tốt.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn hành chính mới luôn được giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Việc đặt trung tâm hành chính tại xã Mỹ Đức hiện nay (đã quy hoạch cụm xã trước đây) tận dụng được hạ tầng của xã Mỹ Đức và xã Hà Đông cũ (hiện đã được đầu tư nâng cấp, giao cho một số cơ quan huyện tạm sử dụng) có giao thông theo trục đường ĐT 725, khoảng cách từ trung tâm xã đến các thôn đồng đều, thuận lợi cho Nhân dân trong thực hiện các TTHC.

49. Thành lập xã Cát Tiên trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Cát Tiên và 02 xã: xã Nam Ninh, xã Quảng Ngãi của huyện Đa Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Cát Tiên, có diện tích tự nhiên là 78,13 km² (*đạt tỷ lệ 78,13%*), dân số là 19.735 người (*đạt tỷ lệ 394,70%*), dân tộc thiểu số 2.071 người (*đạt tỷ lệ 10,49%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Xã Đa Tẻ, xã Cát Tiên 2, Cát Tiên 3 và tỉnh Đồng Nai.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Cát Tiên: Sử dụng trụ sở UBND huyện Cát Tiên cũ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa: 03 xã hiện nay đều có lịch sử hình thành từ xã Đồng Nai (cũ). Theo Quyết định số 38-HĐBT ngày 06/3/1984 của Hội đồng Bộ trưởng chia xã Đồng Nai (cũ) được chia thành 04 xã là xã Quảng Ngãi, xã Phù Mỹ, xã Đồng Nai và xã Phước Cát; Quyết định số 67-HĐBT 06/6/1986, chia xã Đồng Nai thành năm ĐVHC lấy tên là xã Đức Phổ, xã Nam Ninh, xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng và thị trấn Đồng Nai (năm 2013, nhập xã Phù Mỹ vào thị trấn Đồng Nai và đổi tên thị trấn Đồng Nai thành thị trấn Cát Tiên). Nhân dân trên địa bàn có nhiều điểm tương đồng về phong tục, tập quán, văn hóa (chủ yếu là người miền Bắc: Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định). Người dân đoàn kết, chăm chỉ, cần cù, hỗ trợ nhau trong phát triển kinh tế hộ gia đình và trong đời sống xã hội.

- Kết nối hạ tầng giao thông: Việc sắp xếp tạo thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông có tính chất động lực khu vực gồm: Đường Tỉnh lộ 721 được nâng cấp đi qua xã Quảng Ngãi – thị trấn Cát Tiên; các trục giao thông liên vùng phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch; ĐH 90, ĐH 92, ĐH 97 kết nối thị trấn Cát Tiên với các xã lân cận. Bên cạnh đó, hệ thống đường giao thông nông thôn đã được cứng hóa đạt tỷ lệ 95% đây là điều kiện thuận lợi đảm bảo kết nối liên vùng tỉnh, liên xã và các xã lân cận. Qua đó, đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của Nhân dân.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Xã Cát Tiên mới có địa hình nằm dọc theo bờ sông Đồng Nai có thổ nhưỡng đất đai màu mỡ (đất phù sa) đây thế mạnh phát triển vùng trồng cây ăn trái, vùng lúa chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ... các trục giao thông kết nối tạo điều kiện thuận lợi về phát triển du lịch như: Kết nối du lịch tâm linh tham quan Di tích Khảo cổ học Cát Tiên (xã Quảng Ngãi) và du lịch văn hóa bản địa của người dân tộc Tây nguyên (Bản Bun go - thị trấn Cát Tiên)

Việc sắp xếp các xã Quảng Ngãi, xã Nam Ninh với thị trấn Cát Tiên sẽ tạo nên một khu vực rộng lớn, trải dài với nhiều khu vực thổ nhưỡng khác nhau, tạo nên thế mạnh phát triển đa ngành nghề. Trong đó, thị trấn Cát Tiên với vai trò là trung tâm theo dạng tuyến dọc theo trục không gian chủ đạo là đường tỉnh ĐT 721 cũ, kết nối với các trục cảnh quan mặt nước, cảnh quan thiên nhiên, hệ thống công viên cây xanh và Di tích khảo cổ học Cát Tiên, Làng dân tộc Buôn Go, Vườn quốc gia Cát Tiên, khu Di tích căn cứ kháng chiến Khu VI – Cát Tiên...

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Xã Cát Tiên 3 sau khi thành lập có diện tích rừng là 2.172,7 ha phân bố tại xã Nam Ninh và xã Quảng Ngãi hiện nay. Việc quản lý, bảo vệ rừng thường xuyên được lực lượng kiểm lâm, Ban Lâm nghiệp và các chủ rừng thường xuyên tuần tra, quản lý, bảo vệ.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn hành chính luôn được giữ vững.

- *Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC*: Việc bố trí trung tâm hành chính xã Cát Tiên mới đảm bảo phù hợp với trục giao thông kết nối Đường tỉnh ĐT 721 từ xã Quảng Ngãi qua thị trấn Cát Tiên và các xã phụ cận; cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị huyện Cát Tiên cũ đóng trên địa bàn thị trấn Cát Tiên đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp, phục vụ Nhân dân trong thực hiện TTHC.

50. Thành lập xã Cát Tiên 2 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Phước Cát, xã Phước Cát 2 và xã Đức Phổ của huyện Đa Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Cát Tiên 2, có diện tích tự nhiên là 177,26 km² (*đạt tỷ lệ 177,26%*), dân số 15.042 người (*đạt tỷ lệ 300,84%*), dân tộc thiểu số 5.315 người (*đạt tỷ lệ 35,33%*).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cát Tiên, xã Cát Tiên 3; tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Cát Tiên 2: Sử dụng UBND xã Đức Phổ (Đảng ủy, MTTQ); trụ sở UBND thị trấn Phước Cát (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- *Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa*: xã Đức Phổ, xã Phước Cát 2 và thị trấn Phước Cát ngày nay có lịch sử hình thành từ xã Đồng Nai (cũ). Hiện nay, 03 xã được kết nối giao thông trên trục đường tỉnh ĐT.721 và đường huyện ĐH.91, hệ thống đường giao thông nông thôn được cứng hóa đạt tỷ lệ 93%; bên cạnh đó thị trấn Phước Cát và xã Phước Cát 2 có đầu mối đường giao thông kết nối với xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; qua đó, có điều kiện thuận lợi về phát triển thương mại, cung cấp dịch vụ.

Trên địa bàn có nhiều công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Chùa Phước Cát; nhà thờ Phước Cát; ban Nghi lễ đạo Cao Đài Tây Ninh; cơ sở đạo Cao Đài Truyền giáo Cát Tiên và các công trình văn hóa biểu tượng: Làng Bù Đát; nhà sàn các dân tộc (nhà sàn Tày, Nùng)... Nhân dân trên địa bàn từ nhiều vùng miền (*miền Bắc, miền Trung, đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc và dân tộc bản địa gốc Tây Nguyên*) từ đó tạo nên sự đa dạng về phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống.... tạo nên địa phương có thể mạnh về phát triển du lịch văn hóa lịch sử kết nối với du lịch văn hóa truyền thống (*Lễ hội Lồng tồng, Không gian văn hóa Công chiêng Tây nguyên*).

- Kết nối hạ tầng giao thông: Xã Cát Tiên 2 mới hình thành được phát triển dọc theo đường Tỉnh lộ ĐT.721 kết nối tỉnh Bình Phước; đường liên huyện ĐH

98 (TT Phước Cát - Phước Cát 2), ĐH.93 (TT Phước Cát - Đức Phổ), trục đường ven sông Đồng Nai là điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp chuyên canh, chăn nuôi hộ gia đình...

- Phát triển kinh tế - xã hội: Nhờ có địa bàn liền kề với xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nên xã có lợi thế là trung tâm giao dịch thương mại, dịch vụ; từ đó thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh. Xã mới có địa hình nằm dọc theo bờ sông Đồng Nai có thổ nhưỡng đất đai màu mỡ (đất phù sa) đây thế mạnh phát triển vùng trồng cây ăn trái, cây lương thực thực phẩm. Người dân tộc thiểu số có truyền thống đan lát tạo điều kiện thuận lợi phát triển tiểu thủ công nghiệp. Qua đó tạo sự đa dạng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc sắp xếp 03 đơn vị tạo thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực để tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông: các trục giao thông liên vùng huyện, liên xã và các trục giao thông tuyến kết nối du lịch, kết nối sản xuất. Các xã đã được xác định là vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, phát triển lâm nghiệp gắn với bảo tồn, phát triển rừng; du lịch sinh thái.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Xã Cát Tiên 2 sau khi thành lập có diện tích rừng là 13.048 ha phân bố tại xã Phước Cát 2 hiện nay. Việc quản lý, bảo vệ rừng thường xuyên được Kiểm lâm địa bàn, Ban Lâm nghiệp xã tuần tra, quản lý, bảo vệ.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Việc bố trí trung tâm hành chính xã Cát Tiên 2 mới đảm bảo phù hợp với trục giao thông kết nối giữa thị trấn Phước Cát với xã Đức Phổ, xã Phước Cát 2 theo dọc Tỉnh lộ 721; cơ sở vật chất thị trấn Phước Cát cơ bản đảm bảo điều kiện làm việc của ĐVHC mới sau khi sắp xếp, phục vụ Nhân dân trong thực hiện TTHC.

51. Thành lập xã Cát Tiên 3 trên cơ sở nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng, xã Đồng Nai Thượng của huyện Đạ Huoai hiện nay.

a) Kết quả sau sắp xếp

- ĐVHC xã Cát Tiên 3, có diện tích tự nhiên là 171,31 km² (đạt tỷ lệ 171,31%), dân số là 10.591 người (đạt tỷ lệ 211,82%), dân tộc thiểu số 2.418 người (đạt tỷ lệ 22,83%).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Xã Cát Tiên, xã Cát Tiên 2 và tỉnh Đắk Nông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Cát Tiên 3: Sử dụng làm việc của UBND xã Gia Viễn (Đảng ủy, MTTQ); trụ sở UBND xã Tiên Hoàng (Chính quyền).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về lịch sử hình thành, đặc điểm văn hóa: Xã Gia Viễn hiện nay được hình thành trên cơ sở chia xã Đồng Nai thành năm ĐVHC lấy tên là xã Đức Phổ, xã Nam Ninh, xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng và thị trấn Đồng Nai theo Quyết định số 67-HĐBT ngày 06/6/1986 của Hội đồng Bộ trưởng; xã Đồng Nai Thượng hiện nay được thành lập trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Tiên Hoàng theo Nghị định số 112/2002/NĐ-CP ngày 31/12/2002 của Chính phủ. Xã có nhiều người miền bắc (Ninh Bình) vào lập nghiệp và có số đông dân tộc Tây Nguyên sinh sống (Mạ, Stiêng), đầy tiềm năng để phát huy các giá trị văn hóa như: Lễ hội, ẩm thực, đồ thủ công mỹ nghệ của dân tộc Mạ gắn với du lịch sinh thái tại hồ Đạ Sy, du lịch sinh thái tại hồ Đắc Lô (xã Gia Viễn).

- Kết nối giao thông: xã Cát Tiên 3 được hình thành nằm trên trục đường huyện ĐH 94 và kết nối giao thông, thương mại với các xã lân cận và đường tỉnh lộ ĐT.721 theo trục đường huyện ĐH.91, ĐH.92, bên cạnh đó hệ thống đường giao thông nông thôn đã được cứng hóa đảm bảo kết nối liên tỉnh, liên xã và phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh của Nhân dân.

- Phát triển kinh tế - xã hội: Các xã Đồng Nai Thượng, Tiên Hoàng có thổ nhưỡng tương đồng phù hợp có diện tích đất trồng cây lâu năm lớn, giáp ranh với vườn quốc gia Cát Tiên; lợi thế để phát triển vùng trồng cây lâm nghiệp (cây gỗ lớn) gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững như mô hình trồng cây được liệu dưới tán rừng, mô hình nuôi ong mật,... góp phần phát triển kinh tế và quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời phát triển mô hình du lịch sinh thái giữa vườn rừng với hồ chứa nước Đạ Sy. Xã Gia Viễn có nhiều điều kiện phát triển các sản phẩm lợi thế của địa phương như sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ theo quy mô tập trung ứng dụng công nghệ cao; phát triển vùng sản xuất cây công nghiệp dài ngày (cây điều, cây ăn quả các loại, cây cao su...). Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được phát huy hiệu quả, phù hợp.

Việc sắp xếp thành lập xã Cát Tiên 3 với hạt nhân là xã Gia Viễn đang phát triển hỗ trợ cho trung tâm xã Tiên Hoàng và Đồng Nai Thượng, kết nối với xã Cát Tiên (trung tâm là thị trấn Cát Tiên hiện nay) với thế mạnh giúp xã mới phát triển theo các mô hình nông lâm kết hợp với kinh tế lâm nghiệp, dịch vụ du lịch sinh thái (Vườn Quốc gia Cát Tiên) du lịch văn hóa...

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng: xã Cát Tiên 3 sau khi thành lập có diện tích rừng là 11.125,8 ha phân bố tại xã Tiên Hoàng và xã Đồng Nai Thượng hiện nay. Việc quản lý, bảo vệ rừng thường xuyên được các đơn vị chủ rừng, Ban quản lý Vườn quốc gia Cát Tiên, Ban Lâm nghiệp xã kiểm tra, quản lý, bảo vệ.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết TTHC: Việc bố trí trung tâm hành chính xã Cát Tiên 3 tại xã Tiên Hoàng phù hợp với trục giao thông kết nối giữa 03 xã, thuận tiện trong việc xử lý các tình huống khẩn cấp, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào DTTS, dân đến liên hệ công tác cũng như làm thủ tục hành chính được gần hơn, cán bộ công chức gần dân hơn.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Trước khi sắp xếp, tỉnh Lâm Đồng có **137** ĐVHC cấp xã (gồm 106 xã, 18 phường và 13 thị trấn). Sau khi sắp xếp, tỉnh Lâm Đồng có **51** ĐVHC cấp xã (gồm 09 phường, 42 xã); giảm 86 ĐVHC cấp xã (gồm 09 phường, 64 xã và 13 thị trấn), đạt tỷ lệ **62,77%**.

Trong số 51 ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp có: 18 ĐVHC cơ sở (nhập 02 cấp xã); 26 ĐVHC cơ sở (nhập 3 cấp xã); 04 ĐVHC cơ sở (nhập 4 cấp xã) và 01 ĐVHC cơ sở (nhập 5 cấp xã) và 02 xã giữ nguyên trạng.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện

1.1. Hiện trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức viên chức khối Đảng cấp huyện

a) Về tổ chức Đảng: 10 huyện, thành phố với 563 tổ chức cơ sở Đảng (181 Đảng bộ và 382 chi bộ cơ sở), 2.456 chi bộ trực thuộc với 43.714 đảng viên; Ban Chấp hành hiện có 386 đồng chí, Ban Thường vụ 112 đồng chí.

Stt	Tên đảng bộ cấp huyện	Tổng số tổ chức cơ sở đảng		Tổng số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở	Tổng số đảng viên
		Đảng bộ cơ sở	Chi bộ cơ sở		
1	Thành phố Đà Lạt	30	61	342	8.684
2	Thành phố Bảo Lộc	19	53	288	5.226
3	Huyện Lạc Dương	9	29	76	1.437
4	Huyện Đơn Dương	11	36	177	2.742
5	Huyện Đức Trọng	18	28	265	4.983
6	Huyện Lâm Hà	20	27	299	4.653
7	Huyện Di Linh	23	43	321	4.683
8	Huyện Bảo Lâm	15	37	230	3.339
9	Huyện Đạ Huoai	26	44	342	6.119
10	Huyện Đam Rông	10	24	116	1.848
	Tổng cộng	181	382	2.456	43.714

b) Về tổ chức các cơ quan tham mưu giúp việc: Mỗi huyện, thành phố đều có 05 cơ quan đơn vị, trong đó 04 cơ quan tham mưu giúp việc (Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng, Ủy ban Kiểm tra) và Trung tâm Chính trị trực thuộc Huyện ủy. Tổng số các đơn vị trực thuộc của 10 huyện, thành phố là 50 đơn vị.

c) Về cán bộ, công chức

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan tham mưu giúp việc và Trung tâm Chính trị của huyện ủy, thành ủy là 318 đồng chí, trong đó: 09 Bí thư Huyện ủy, 10 Phó Bí thư Huyện ủy (chuyên trách), 38 Trưởng ban và tương đương, 108 Phó Trưởng ban và tương đương và 153 chuyên viên.

Stt	Tên đảng bộ cấp huyện	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó bí thư	Chủ tịch HĐND	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch UBND
1	Thành phố Đà Lạt	33	11	1	1	PBT kiêm	1	1	2
2	Thành phố Bảo Lộc	36	10	Khuyết	1	PBT kiêm	1	1	3
3	Huyện Lạc Dương	30	9	1	1	Khuyết	1	1	2
4	Huyện Đơn Dương	34	9	1	1	PBT kiêm	1	1	2
5	Huyện Đức Trọng	35	11	1	1	1	1	Khuyết	2
6	Huyện Lâm Hà	39	11	1	1	PBT kiêm	1	1	3
7	Huyện Di Linh	37	11	1	1	Khuyết	1	1	3
8	Huyện Bảo Lâm	33	12	1	1	PBT kiêm	1	1	3
9	Huyện Đạ Huoai	78	17	1	1	PBT kiêm	1	2	4
10	Huyện Đam Rông	31	11	1	1	Khuyết	1	1	2
	Tổng cộng	386	112	9	10	01	10	10	26

1.2. Hiện trạng tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện

a) Về tổ chức bộ máy:

- Các huyện, thành phố đều có 06 cơ quan chuyên trách, gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 05 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Huyện Đoàn và Liên đoàn Lao động). Tổng số các đơn vị trực thuộc của 10 huyện, thành phố là 60 đơn vị.

- Về cán bộ, công chức: Tổng số cán bộ, công chức của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện, thành ủy là 255 đồng chí, trong đó: 59 cấp trưởng, 78 cấp phó và 118 chuyên viên.

2. Hiện trạng và phương án về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước cấp huyện

2.1. Hội đồng nhân dân huyện

Tổng số lãnh đạo Hội đồng nhân dân (HĐND) 10 huyện, thành phố: có 36 người, trong đó có 01 Chủ tịch HĐND chuyên trách (Đức Trọng); 10 Phó Chủ tịch HĐND (khuyết PCT HĐND huyện Đức Trọng); 05 Trưởng ban HĐND và 20 Phó Trưởng ban HĐND chuyên trách.

Số đại biểu HĐND 10 của huyện, thành phố hiện nay 346 đại biểu.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện

- Tổng số lãnh đạo UBND 10 huyện, thành phố hiện có là 36 người, gồm 10 Chủ tịch UBND và 26 Phó Chủ tịch UBND cấp huyện.

2.3. Các phòng chuyên môn

UBND các huyện, thành phố mỗi đơn vị đều có các cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất gồm 10 phòng: (1) Văn phòng HĐND&UBND; (2) Phòng Nội vụ; (3) Phòng Tài chính - Kế hoạch; (4) Thanh tra huyện; (5) Phòng Giáo dục và Đào tạo; (6) Phòng Tư pháp; (7) Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; (8) Phòng Y tế; (9) Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và (10) Phòng Nông nghiệp và Môi trường (đối với huyện) hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với thành phố).

Tổng số các cơ quan chuyên môn của 10 huyện, thành phố là 100 đơn vị, với 959 công chức trong đó: 92 Trưởng phòng, 221 Phó trưởng phòng và 646 công chức chuyên môn.

2.4. Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập

- Số đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập: 590 đơn vị (56 Trường THPT, 155 Trường THCS; 209 Trường Tiểu học; 170 Trường Mầm non. Tổng số viên chức của 534 đơn vị thuộc cấp huyện là 14.842 người).

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực khác: 41 đơn vị (10 Trung tâm Nông nghiệp, 10 Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao (thuộc 10 huyện, thành phố), 09 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và 12 Ban Quản lý Rừng. Tổng số viên chức hiện có của 41 đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức của phòng Nội vụ (phụ trách công tác lưu trữ) là 809 người (638 Khối ĐVSN khác và 171 TT GDNN), trong đó có: 38 người đứng đầu; 80 cấp phó người đứng đầu và 691 viên chức).

3. Thực trạng số đại biểu HĐND, đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Tổng số đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của 137 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh cụ thể như sau:

a) Số đại biểu HĐND cấp xã: 3.002 đại biểu.

b) Số cán bộ, công chức: 2.757 người, trong đó 1.463 cán bộ và 1.294 công chức (*Trong số 1.463 cán bộ có: 135 Bí thư Đảng ủy; 137 Phó Bí thư Đảng ủy, 11 Chủ tịch HĐND chuyên trách, 130 Phó Chủ tịch HĐND chuyên trách; 127 Chủ tịch UBND và 248 Phó Chủ tịch UBND cấp xã*).

c) Người hoạt động không chuyên trách: 1.292 người.

2. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

- Đối với các cơ quan hành chính cấp huyện: Thực hiện giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định của Trung ương.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp cấp huyện:

+ Xây dựng Phương án sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập để cung ứng một số dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn xã (*cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường...*). Nghiên cứu, sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên thuộc tỉnh để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất và tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

+ Xây dựng Phương án chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trạm y tế để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở và đảm bảo đủ trường, lớp cho học sinh trên địa bàn cơ sở.

- Đối với cấp xã: HĐND và UBND cấp cơ sở thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ các Ban chuyên môn giúp việc cho HĐND cấp xã; các phòng chuyên môn và tổ chức tương đương giúp việc cho UBND cấp xã theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Nguyên tắc sắp xếp

- Đối với các chức vụ Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã: Tiêu chuẩn là các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy. Đồng thời, xem xét bố trí một số đồng chí là Phó các Ban Xây dựng Đảng của tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Phó Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh theo Đề án nhân sự được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

- Đối với các chức vụ Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã: Tiêu chuẩn tối thiểu là các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố. Đồng thời, xem xét bố trí một số đồng chí là Trưởng phòng cấp tỉnh; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã đương chức theo Đề án nhân sự được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

- Đối với các chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn cấp xã việc bố trí, sắp xếp do Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy quyết định.

b) Phương án sắp xếp

- Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ.

- Xây dựng phương án chuyển 100% biên chế công chức cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cơ sở mới, có thể tăng cường cán bộ, công chức của tỉnh về cấp cơ sở.

- Xây dựng Phương án chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trạm y tế để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở và đảm bảo đủ trường, lớp cho học sinh trên địa bàn cơ sở.

- Về biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập:

Trên cơ sở phương án sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực tại cấp xã mới theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh bố trí chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương ngân sách trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa bàn.

4. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Thực hiện theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng: (1) Phương án cụ thể về tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã; (2) Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không bố trí công tác theo quy định; (3) Phương án sắp xếp trụ sở; hạ tầng công nghệ thông tin... theo đúng quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Về nguyên tắc

- Đối với trụ sở UBND các huyện, thành phố: Ưu tiên bố trí trụ sở làm việc cho ĐVHC phường, xã mới hình thành. Riêng trụ sở UBND thành phố Đà Lạt giữ nguyên trạng để phục vụ cho việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh.

- Đối với trụ sở của UBND các xã/phường/thị trấn còn lại: Căn cứ vào số lượng ĐVHC sắp xếp của các xã, phường mới theo Đề án, lựa chọn trong các trụ sở hiện có phù hợp nhất về vị trí, diện tích, quy mô... để làm trụ sở UBND của ĐVHC mới. Trường hợp còn thiếu theo định mức làm việc so với biên chế đề xuất bố trí thêm trụ sở của các xã sắp xếp nhằm tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trụ sở sẵn có. Số trụ sở còn lại dồi dư ưu tiên chuyển đổi công năng sang cơ sở hoạt động sự nghiệp (giáo dục, y tế). Sau khi rà soát nếu thật sự không còn nhu cầu sử dụng thì chuyển giao tổ chức quỹ đất hoặc tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của tỉnh quản lý, khai thác.

- Đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp: Giữ nguyên tiếp tục sử dụng hoặc theo phương án sắp xếp, xử lý nhà đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về phương án dự kiến:

- Dự kiến số lượng trụ sở ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp trên địa bàn toàn tỉnh là 1.430 trụ sở (*trong đó trụ sở làm việc: 272; cơ sở hoạt động sự nghiệp: 1.158*).

- Về phương án xử lý:

+ Tiếp tục sử dụng: 1.244 trụ sở (*trong đó trụ sở làm việc: 239; cơ sở hoạt động sự nghiệp: 1.005*).

+ Số trụ sở dôi dư là 186 trụ sở, trong đó trụ sở làm việc: 33 (*04 Điều chuyển, 01 thu hồi, 28 giao Trung tâm phát triển Quỹ đất*); cơ sở hoạt động sự nghiệp: 153 (*53 Điều chuyển, 03 thu hồi, 97 giao Trung tâm phát triển Quỹ đất*).

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP (NẾU CÓ)

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp có thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

1. Việc công nhận ĐVHC cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực, tỉnh Lâm Đồng sẽ triển khai việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với các ĐVHC hình thành sau sắp xếp theo quy định của Trung ương.

Các cơ quan chuyên môn tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đối với các ĐVHC cấp xã tiến hành sắp xếp mà đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, chỉ đạo triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tiếp tục phấn đấu thực hiện: Nâng cao chất lượng các tiêu chí sau đạt chuẩn; xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoặc xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu ở những nơi có điều kiện.

- Đối với các ĐVHC xã tiến hành sắp xếp mà đều đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu thì Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, chỉ đạo triển khai các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tiếp tục phấn đấu thực hiện: Nâng cao chất lượng các tiêu chí sau đạt chuẩn; xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, hoặc xây dựng mô hình xã nông thôn mới thông minh đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu ở những nơi có điều kiện, do UBND tỉnh quy định cụ thể.

- Đối với ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp giữa xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu với một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới, chưa đạt chuẩn nông thôn mới:

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, triển khai tổ chức thực hiện: Xây dựng xã nông thôn mới đối với ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp giữa xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp giữa xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu với xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu đối với ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp giữa xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu với xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Khi ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp đáp ứng đầy đủ các điều kiện và mức đạt chuẩn theo quy định, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ để công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đối với ĐVHC xã hình thành sau sắp xếp.

2. Việc công nhận ĐVHC cấp xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động

Ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực, tỉnh Lâm Đồng triển khai việc rà soát, lập hồ sơ đề nghị xét công nhận ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn theo quy định.

3. Thời gian thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp

- Trong thời hạn 03 năm (cuối năm 2027), kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC có hiệu lực thi hành, Ủy ban

nhân dân tỉnh tiến hành rà soát, công nhận theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định, công nhận việc hưởng các chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC hình thành sau sắp xếp.

VI. VỀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Năm 2025

- Hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC xã theo chủ trương của Trung ương.
- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở ĐVHC cấp huyện, cấp xã.
- Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách.
- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp huyện, cấp xã.
- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC.
- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương.
- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Năm 2026

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030.
- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại ĐVHC cấp cơ sở.
- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC.
- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp cơ sở theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội...

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018

của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và đặc biệt là công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí Tỉnh ủy viên, các đồng chí Giám đốc sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành được phân công và địa bàn theo dõi, chủ động phối hợp với các ngành, các cấp, các địa phương có liên quan chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm yêu cầu và mục tiêu đã đề ra.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Chủ trì phối hợp Sở Nội vụ tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng và triển khai Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; ban hành văn bản hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức đảng.

- Hướng dẫn công tác Đại hội các tổ chức cơ sở Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 đối với các đơn vị hành chính cơ sở hình thành sau sắp xếp.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Ban hành văn bản hướng dẫn; chỉ đạo tuyên truyền các tổ chức, cá nhân và vận động Nhân dân hưởng ứng việc sắp xếp đơn vị mới theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp.

5. Đề nghị Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo đúng quy định.

- Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; đồng thời, kiểm tra và báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đảm bảo đúng quy định.

- Ban Chỉ đạo quyết định các chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp nhằm thực hiện đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra.

6. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các địa phương trong quá trình thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã bảo đảm đúng nội dung, lộ trình, thời gian quy định.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của bộ, ngành, Trung ương, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đặc biệt là việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, cấp huyện; kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp do việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

7. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu phương án, giải pháp cụ thể để sử dụng hiệu quả trụ sở, quản lý tài sản công tại các ĐVHC cấp huyện hiện nay và ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp.

- Hướng dẫn các cơ quan, địa phương lập dự toán phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC.

- Chủ trì thẩm định, tổng hợp kinh phí của các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương, của tỉnh khi thực hiện sắp xếp các ĐVHC.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai kế hoạch đầu tư công và các chương trình, dự án đầu tư công tại các ĐVHC mới sau khi sắp xếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đánh giá định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và các tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát

triển kinh tế - xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị,... tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo các tiêu chuẩn của loại đô thị hiện có quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Bản đồ hiện trạng và bản đồ phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã. Phối hợp sắp xếp tổ chức bộ máy chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

11. Sở Khoa học và công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thông tin, tuyên truyền, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và tạo sự đồng thuận của xã hội khi triển khai thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã. Xây dựng Phương án đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, giải quyết thủ tục hành chính đối với các ĐVHC sau sắp xếp.

12. Công an tỉnh

- Đảm bảo tuyệt đối an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Kịp thời nắm bắt, xử lý thông tin, giải quyết tình huống phát sinh và báo cáo kịp thời Ban Thường vụ các tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch, hướng dẫn việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới và chuyển đổi các loại giấy tờ của cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp.

13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Hướng dẫn rà soát, xác định ĐVHC thuộc khu vực trọng điểm về quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang cấp tỉnh và cấp xã; tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp...

14. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý, hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án bố trí tổ chức bộ máy, số người làm việc tại các đơn vị thuộc ngành dọc... trên địa bàn ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp. Triển khai các nội dung có liên quan theo thẩm quyền, trách nhiệm được giao trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

15. Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã phối hợp, tổ chức thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã đảm bảo đúng lộ trình quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về mục tiêu, yêu cầu, quan điểm, nguyên tắc và các nội dung khác của Đề án tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động để tạo sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn thực hiện bố trí, sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy thuộc cơ quan Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại ĐVHC cấp xã mới đảm bảo đúng quy định và phù hợp với thực tiễn của địa phương. Nhanh chóng ổn định tổ chức để đi vào hoạt động.

- Chủ động, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, đề xuất phương án bố trí, phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp. Tập trung thực hiện các giải pháp để xử lý số cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư.

- Bảo đảm nguồn kinh phí để triển khai thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

Việc không tổ chức cấp huyện và sắp xếp ĐVHC các xã thuộc tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh cả nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến được áp dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực, việc quản lý cũng đang được thực hiện trên không gian mạng; việc sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần đem lại các tác động tích cực sau:

- ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giảm sẽ giải quyết được các bài toán về quy hoạch, lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như quy hoạch, lập kế hoạch phát triển vùng được thuận lợi hơn do nguồn lực được tập trung hơn, không bị phân tán nhỏ lẻ. Khi không gian phát triển của ĐVHC được mở rộng sắp xếp lại, có ít đầu mối hơn, mặt bằng quy mô dân số và diện tích tự nhiên của các đơn vị đảm bảo điều kiện

theo quy định, thuận tiện cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, quy hoạch, phân bổ nguồn lực cho các địa phương.

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở.

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần tinh giản biên chế, lựa chọn được những cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, trình độ để bố trí đảm nhận các chức danh đảm bảo theo đúng quy định và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền mới hình thành sau sáp nhập với quy mô dân số, quy mô diện tích lớn hơn nhiều lần, đòi hỏi bộ máy lãnh đạo mới phải đẩy mạnh và nhanh hơn trong việc học hỏi, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

- Giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

1.2. Tác động tiêu cực

- Ban đầu sẽ có những khó khăn nhất định như do thay đổi về cán bộ quản lý, quy mô quản lý; lộ trình, thời gian thực hiện việc sắp xếp sẽ ảnh hưởng đến việc chuẩn bị Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025-2030, chuẩn bị bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Tăng nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý xã hội đến ĐVHC cấp xã mới. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải luân chuyển công tác hoặc giải quyết chính sách, tinh giản biên chế do dôi dư. Những cán bộ, công chức được lựa chọn, điều động đến ĐVHC mới cũng không tránh khỏi những lúng túng ban đầu do phải giải quyết công việc chuyên môn ở địa bàn mới. Điều này tất yếu ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan quản lý trong thời gian đầu.

- Việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là trụ sở, nhà, đất của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số trụ sở có thể điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu hoặc tổ chức bán đấu giá nhưng do đất xây dựng các cơ sở nhà, đất là đất hành chính nên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cần phải điều chỉnh quy hoạch, đòi hỏi nhiều thời gian; trường hợp chuyển đổi mục đích sang đất ở, đất kinh doanh dịch vụ để bán đấu giá thì phải xử lý tài sản là nhà, trụ sở, công trình trên đất nên gặp nhiều khó khăn trong thu hút nhà đầu tư hoặc người dân tham gia đấu giá.

- Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước trên địa bàn đối với ĐVHC sau sắp xếp rộng hơn sẽ không tránh khỏi những khó khăn thách thức về quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ

tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội... Đồng thời, việc chuyển đổi và thống nhất các giấy tờ, sổ sách liên quan đến các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn cũng gây không ít khó khăn và tác động đến công tác quản lý nhà nước. Tuy nhiên, về lâu dài khi tổ chức bộ máy và công tác quản lý đi vào ổn định sẽ đem lại nhiều tác động tích cực cho địa phương.

- Sau sắp xếp, ĐVHC cấp xã mới có địa giới hành chính thay đổi, sẽ gây xáo trộn và ảnh hưởng đến quyền lợi của một bộ phận người dân, doanh nghiệp khi phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính để thay đổi như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân, giấy tờ tùy thân khác...

- Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã gây ảnh hưởng lớn đến tâm tư nguyện vọng của cán bộ, công chức ở những đơn vị thuộc diện phải sắp xếp.

- Quy mô dân số và diện tích tự nhiên sau khi sáp nhập, mở rộng lớn hơn nên công tác quản lý nhà nước gặp khó khăn; một bộ phận cán bộ quản lý, công chức, viên chức, người lao động sẽ dôi dư nên sẽ dẫn đến tâm tư; số lượng dôi dư tạo áp lực trong việc bố trí, sắp xếp, tinh gọn, tinh giản đảm bảo đúng số lượng theo quy định.

- Việc giải quyết số cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp gặp khó khăn do đa số đã được chuẩn hóa theo quy định; ảnh hưởng đến tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của một bộ phận cán bộ, công chức nên ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức và các cơ quan quản lý trong thời gian đầu.

1.3. Về giải pháp

- Làm tốt công tác tuyên truyền, chủ động xây dựng quy định về nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, quy trình lựa chọn, bố trí sắp xếp và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư khi thực hiện sắp xếp với nhiều phương án để thực hiện có hiệu quả, đảm bảo theo quy định. Tổ chức quán triệt, hướng dẫn, vận động đến từng cán bộ, công chức, viên chức để có sự đồng thuận, nhất trí cao trước khi triển khai thực hiện. Mục tiêu là chọn được cán bộ đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, nổi trội trong đội ngũ hiện có, bố trí hợp lý, trước đại hội Đảng cấp cơ sở thì bộ khung cán bộ được hình thành, bộ máy cấp xã mới vận hành ổn định.

- Trường hợp cán bộ, công chức của cấp huyện, cấp xã sắp xếp đủ tiêu chuẩn, điều kiện sẽ chuyển sang các ĐVHC xã khác nếu còn thiếu. Công chức cấp xã dôi dư có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bố trí công việc khác thì đề xuất thực hiện liên thông cán bộ, công chức bằng cách tiếp nhận theo quy định của pháp luật cho các cơ quan cấp tỉnh (nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, phù hợp với vị trí việc làm).

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

- Việc không tổ chức cấp huyện, sắp xếp các xã để thành lập xã, phường mới có quy mô lớn hơn là phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước; đặc biệt là các xã sắp xếp đều có quy mô diện tích và dân số quá nhỏ không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Việc đầu tư của Nhà nước vào địa bàn mới sau khi sắp xếp sẽ tập trung hơn không bị dàn trải, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của xã mới sẽ được quan tâm đầu tư đồng bộ hơn, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa... Bên cạnh đó một số cơ sở vật chất của các huyện cũ, xã cũ cũng sẽ được tính toán lại, tận dụng hiệu quả bảo đảm tạo cơ hội phát triển tốt cho xã mới.

- Sau khi thành lập mới cùng với việc kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nguồn vốn đầu tư cho huyện mới, xã mới sẽ được sử dụng hiệu quả hơn, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

- Với quá trình sắp xếp các xã để thành lập ĐVHC cấp xã mới có quy mô rộng hơn, dân cư đông hơn, điều kiện phát triển mạnh hơn, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn có nhiều cơ hội hơn trong việc giao lưu hợp tác và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, từ đó nâng cao thu nhập và mức sống cho người dân.

- Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế... được đầu tư và nâng cấp đồng bộ, đảm bảo đời sống tinh thần của người dân, phúc lợi xã hội, hướng đến văn minh, tiến bộ, ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống của người dân.

- Khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần làm tăng nguồn lực, quy mô kinh tế, hiệu quả đầu tư xã hội của các ĐVHC mới.

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã góp phần giảm chi phí xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị; tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế tinh giản giúp tiết kiệm chi tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí...

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã theo nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số để hình thành đơn vị mới nên ít xáo trộn đến đời sống dân cư, lịch sử, truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán địa phương; có điều kiện hơn trong đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa... phát triển, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm.

- Sau khi thực hiện việc sáp nhập các ĐVHC cấp xã thì bộ mặt nông thôn mới thay đổi, bên cạnh đó chất lượng cuộc sống của người dân cũng sẽ được nâng lên đáng kể, thu nhập bình quân sẽ tăng cao hơn so với trước.

- Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã sẽ nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy nhà nước cấp huyện, cấp xã từ đó nâng cao thu hút đầu tư từ khối doanh nghiệp, thu hút nhiều người lao động và sinh viên đến sinh sống học tập, tìm kiếm việc làm, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề dịch vụ phát triển, tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của địa phương.

- Các trụ sở nhỏ lẻ, diện tích bé được thu hồi, tạo nguồn đất đấu giá từ thu hồi đất của các trụ sở cơ quan cũ, làm tăng thu cho ngân sách nhà nước từ đó chính quyền các cấp có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ hơn; tu sửa và xây mới đáp ứng quy mô, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn.

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã làm tăng quy mô không gian, không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực đầu tư hay làm giảm tiềm năng lợi thế trong phát triển. Đồng thời việc không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế nên không làm tăng kinh phí chi thường xuyên cho bộ máy hành chính; nguồn lực công này sẽ được tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển sản xuất. Ngoài ra, các cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh không có thay đổi bất lợi...

2.2. Tác động tiêu cực

- Phong tục, tập quán, thói quen, lối sống, tư tưởng, nhận thức của người dân các xã, thị trấn cũng có những nét riêng biệt nhất định nên việc sắp xếp vẫn có thể làm nảy sinh những mâu thuẫn trong Nhân dân nếu các cấp chính quyền không làm tốt công tác tuyên truyền để nhất quán trong nhận thức của người dân.

- Việc sử dụng trụ sở UBND của xã cũ có những tác động tiêu cực nhất định đến cuộc sống của người dân trên địa bàn. Việc thay đổi này khiến cho nhiều người dân phải di chuyển xa hơn khi đến trụ sở để giải quyết công việc.

- Bên cạnh đó, việc thay đổi và giải quyết giấy tờ của các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp... cũng phải mất thời gian gây ảnh hưởng phần nào đến đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- Ảnh hưởng tới việc quy hoạch và sử dụng các thiết chế văn hóa, xã hội, hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; trước mắt là việc sử dụng các công trình, cơ sở vật chất hiện có của mỗi ĐVHC cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố khi sắp xếp.

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ thay đổi địa chỉ, định danh trong giấy tờ nhân thân của công dân, tổ chức, doanh nghiệp nên từng bước phải được cấp mới, đổi giấy tờ, địa chỉ cho phù hợp; quy mô dân số của ĐVHC cấp xã tăng nên sẽ tạo áp lực lên hoạt động giáo dục, y tế, giải quyết việc làm...

- Sau khi sáp nhập, một số trụ sở không sử dụng đến cần được nghiên cứu, sử dụng phù hợp, tránh lãng phí, hư hỏng.

2.3. Về giải pháp

- Làm tốt công tác tuyên truyền để nhất quán trong nhận thức của người dân; thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động, gắn với kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút lao động.

- Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý của chính quyền số. Thông qua tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Theo chỉ đạo của Trung ương và Bộ Chính trị, việc sắp xếp ĐVHC có quy mô nhỏ để thành lập ĐVHC mới đạt tiêu chuẩn theo quy định sẽ nâng cao hiệu quả, tính thống nhất đồng bộ trong công tác quản lý nhà nước, trong đó có công tác quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội. Bên cạnh đó, việc sắp xếp là một yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức của quần chúng Nhân dân, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm.

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, thu hút được nhà đầu tư, tạo nhiều cơ hội việc làm, tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư; ý thức và đời sống Nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn.

- Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các ĐVHC cấp xã được giữ vững do có lực lượng công an chính quy; chất lượng cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã, dân quân, tự vệ sau khi được kiện toàn theo hướng tinh nhuệ, chất lượng nòng cốt sẽ tham mưu hiệu quả các phương án quốc phòng cho địa phương mới.

- Hệ thống giao thông thuận lợi, đặc điểm về tình hình quốc phòng, khu vực phòng thủ của các đơn vị có sự tương đồng, do đó khi sắp xếp sẽ thuận lợi trong việc diễn tập phòng thủ, tác chiến trên các địa hình.

- Khi thực hiện xong quá trình sắp xếp cấp xã, tỉnh sẽ chú trọng đầu tư các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, đời sống Nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn, chính quyền sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đề phòng các thế lực thù địch, các phần tử phản động, kích động, tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

- Sắp xếp ĐVHC là tiền đề để mở rộng, xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, tăng số lượng công an chính quy, tổ chức lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Khi được mở rộng, sẽ chú trọng đầu tư các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, ý thức và đời sống Nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn, chính quyền đô thị sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đề phòng các thế lực thù địch, các phần tử phản động, kích động, tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

- Mở rộng ĐVHC sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút được các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đến sinh sống, làm việc góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

3.2. Tác động tiêu cực

- Trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã nếu không thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nhất quán trong nhận thức và hành động của người dân cũng như cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sẽ dễ nảy sinh tâm lý cục bộ địa phương, dẫn đến mâu thuẫn trong Nhân dân và một số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của từng xã; các phần

tử cơ hội, phản động có thể lợi dụng điều này để kích động, xúi giục các hoạt động chống phá chính quyền gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

- Khi sáp nhập địa bàn quản lý rộng, dân số lớn, nhiều thành phần phức tạp, nhưng cơ cấu tổ chức, phương tiện phục vụ chưa tương xứng để đảm bảo an ninh trật tự sẽ dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý đối tượng, địa bàn.

- Các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp sẽ có quy mô dân số, diện tích tăng lên so với hiện nay, gây ra những khó khăn nhất định trong quản lý địa bàn, nhân khẩu; mặt khác số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, lưu lượng phương tiện giao thông tham gia nhiều, các dịch vụ kinh doanh có điều kiện gây nguy cơ mất an ninh trật tự như: cầm đồ, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn,... do đó, đòi hỏi lực lượng an ninh phải tăng cường công tác quản lý địa bàn để đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Sự gia tăng dân số cơ học, lao động đến địa phương; khách đến làm việc, giao dịch tại các doanh nghiệp... gây áp lực lên công tác bảo vệ an ninh trật tự. Sau khi sắp xếp ĐVHC lực lượng công an chính quy củng cố số lượng, kiện toàn tổ chức sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo đảm an ninh trật tự; cùng với đảng bộ, chính quyền và Nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự trên địa bàn.

3.3. Về giải pháp

Khi triển khai chủ trương về sắp xếp các xã cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đến Nhân dân để nhận được sự đồng tình, ủng hộ; qua đó, đảm bảo tình hình an ninh trật tự được giữ vững, không phát sinh các điểm nóng, vụ việc phức tạp. Kiện toàn và duy trì hoạt động các mô hình an ninh tự quản ở cơ sở như phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, mô hình: Xóm an toàn về an ninh trật tự, nhà trường an toàn về an ninh trật tự, hay các mô hình của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... Ngoài ra, đội ngũ an ninh trật tự tại cơ sở vẫn tiếp tục là hạt nhân trong nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở cơ sở, cũng như kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh. Tăng cường công tác tập huấn về nghiệp vụ cho lực lượng an ninh cấp cơ sở.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

- Các xã mới với quy mô diện tích và dân số lớn hơn, tổ chức bộ máy tinh gọn, bớt chồng chéo, đội ngũ cán bộ công chức qua tinh lọc sẽ được đào tạo nâng cao chất lượng phục vụ, đồng nghĩa với việc người dân và doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong các thủ tục hành chính.

- Thành lập các xã mới có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện sắp xếp, bố trí đúng người, đúng trình độ chuyên môn đào tạo; nâng cao chất lượng chính quyền phục vụ, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, các xã mới được tạo điều kiện tăng cường cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức, tăng cường kết nối các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao với cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Sắp xếp các ĐVHC cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, góp phần tinh giản biên chế và giảm chi ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, công dân, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

- Sau khi sáp nhập tổ chức bộ máy của cấp ủy, chính quyền được giữ nguyên và ổn định trong vòng 05 năm; không làm tăng biên chế; tổ chức bộ máy và hoạt động của các ĐVHC cấp xã giảm, số lượng biên chế thời gian đầu trong từng đơn vị mới tăng lên, công việc được chia sẻ và có sự bổ sung, bổ trợ không làm đình trệ việc giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ công tại địa phương. Qua sắp xếp, chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Sau khi sáp nhập, việc giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công được thực hiện thông suốt, đồng bộ do được quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; chất lượng công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm bố trí.

- Sau sắp xếp, ĐVHC mới được đầu tư khang trang hơn, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được củng cố, việc ứng dụng công nghệ thông tin được ưu tiên thực hiện; lựa chọn được đội ngũ làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần tạo điều kiện phục vụ Nhân dân tốt hơn. Việc tuyên truyền, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến được thực hiện đồng bộ hơn dẫn đến việc triển khai dịch vụ được thông suốt, thống nhất.

4.2. Tác động tiêu cực

Việc sáp ĐVHC cấp xã về trước mắt sẽ có ảnh hưởng tới lợi ích của người dân trong vấn đề giải quyết thủ tục hành chính do thay đổi tên xã và trụ sở làm việc cũng như vị trí công tác của một số cán bộ công chức, bộ máy hành chính có thể bước đầu vẫn còn công kênh, lúng túng do phải thực hiện sắp xếp cán bộ sau khi sáp nhập.

- Bên cạnh những tích cực mang lại, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Việc sắp xếp ĐVHC đồng nghĩa với việc thay đổi một số giấy tờ tùy thân, giấy phép kinh doanh, quyền sử dụng đất... trước mắt sẽ gây khó khăn, mất thời gian, phát sinh chi phí cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời gây áp lực cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp liên quan trong việc tra cứu, lưu trữ.

- Quá trình sáp nhập nhiều ĐVHC, cấp xã thành một đơn vị sẽ dễ gây lãng phí cơ sở vật chất, việc lưu trữ hồ sơ người dân sẽ dễ thất lạc nếu thiếu sự phối kết hợp trong việc bàn giao, bảo quản. Một số trụ sở cũ nếu không kịp thời xây dựng phương án xử lý sẽ bị xuống cấp, gây lãng phí khi không sử dụng trong thời gian dài.

- Tăng khối lượng công việc phải giải quyết khi chuyển đổi các loại giấy tờ nhân thân của người dân do thay đổi giấy tờ, địa chỉ và các thủ tục hành chính cần thiết khác.

- Sau sắp xếp, dân số đông, số lượng hồ sơ tiếp nhận nhiều trong khi cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đồng bộ dẫn đến khó khăn trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, khó đáp ứng ngay nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ, thủ tục.

4.3. Về giải pháp

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với xây dựng chính quyền điện tử hướng đến nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức ở các cấp chính quyền và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao thái độ phục vụ, trách nhiệm và năng lực của cán bộ công chức để tránh tình trạng gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch, công bằng trong khi giải quyết công việc hành chính. Thực hiện đánh giá tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ công chức, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công là thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước. Tăng cường tiếp nhận, giao trả trực tuyến các thủ tục hành chính, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, loại bỏ những thủ tục không hợp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác phối hợp trong bàn giao, bảo quản lưu trữ hồ sơ của các ĐVHC trước khi sắp xếp.

5. Tác động đến môi trường

5.1. Tác động tích cực

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã giúp tăng cường giao lưu các nền văn hóa đặc trưng của từng địa phương; hệ thống cơ sở hạ tầng được kết nối đồng bộ; các vấn đề về môi trường được quan tâm, triển khai, thực hiện tích cực hơn bảo

đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với việc bảo vệ môi trường góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

5.2. Tác động tiêu cực

Các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp sẽ có quy mô dân số, diện tích tăng lên gấp nhiều lần hiện nay, gây ra những khó khăn nhất định trong quản lý về môi trường lớn hơn nhiều lần, các dịch vụ kinh doanh có điều kiện gây hệ lụy cho rác thải, nguồn nước... ở địa phương.

5.3. Về giải pháp

- Thường xuyên tuyên truyền để người dân nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường; thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về xây dựng, môi trường trên địa bàn; nhất là kịp thời phát hiện vi phạm, kiên quyết xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

6. Tác động khi sắp xếp ĐVHC cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC

6.1. Tác động tích cực

- Trong quá trình thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã nhiều chế độ, chính sách đặc thù được Nhà nước ban hành đảm bảo tính công bằng, hợp lý, chính đáng về chính sách đối với người dân, doanh nghiệp.

- Việc sáp nhập là tiền đề cho gia tăng đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút được các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn, tạo nguồn thu cho ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, dịch vụ; là tiền đề gia tăng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Việc được Nhà nước công nhận các danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân với các tổ chức, ĐVHC hình thành sau sắp xếp sẽ góp phần cổ vũ và động viên tinh thần cho mọi tầng lớp Nhân dân và các lực lượng của cấp xã, tạo động lực lao động, sản xuất; hăng hái, tích cực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ để xứng đáng với danh hiệu cao quý mà Đảng và Nhà nước đã phong tặng.

6.2. Tác động tiêu cực

Tác động từ việc công nhận ĐVHC mới là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đối với các xã, làm phát sinh kinh phí, tăng chi cho ngân sách.

6.3. Giải pháp

Ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực, tỉnh Lâm Đồng triển khai việc rà soát, lập hồ sơ đề nghị xét công nhận ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ, ngành Trung ương.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Sắp xếp ĐVHC cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lâm Đồng đã chỉ đạo một cách quyết liệt, đồng bộ, xuyên suốt; đồng thời tổ chức triển khai quán triệt từ tỉnh đến cơ sở. Các Ban Chỉ đạo về sắp xếp ĐVHC cấp xã được thành lập, kiện toàn.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã. Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.

- Việc sắp xếp những ĐVHC cấp xã chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn thành ĐVHC có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để phát triển, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, vị trí địa lý để phát triển.

- Việc sắp xếp các ĐVHC sẽ tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; góp phần tinh gọn bộ máy hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần vào sự thành công của cải cách tiền lương, nâng cao đời sống cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh việc đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế; thu gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp.

- Hệ thống văn bản cơ bản đồng bộ, thống nhất từ công tác lãnh đạo đến quy định triển khai thực hiện từ Trung ương đến địa phương tạo thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC; tỉnh Lâm Đồng có quyết tâm chính trị cao để hoàn thành nhiệm vụ đề ra, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu cấp ủy, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị.

- Việc sắp xếp ĐVHC phù hợp thời điểm chuẩn bị Đại hội các cấp và bầu cử; vì vậy rất thuận lợi cho việc gắn phương án sắp xếp tổ chức, cán bộ với đề án nhân sự Đại hội; điều chỉnh các định hướng lớn về kinh tế - xã hội được kịp thời. Phù hợp với chủ trương của Trung ương và định hướng quy hoạch tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Hiện nay, việc không tổ chức cấp huyện, sắp xếp ĐVHC cấp xã chưa có tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể chi tiết, chủ yếu mới chỉ là dự thảo và định hướng của Trung ương, do đó trong quá trình triển khai thực hiện các địa phương nói chung còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

- Việc sáp nhập các ĐVHC cấp xã không đạt tiêu chuẩn về diện tích, quy mô dân số theo quy định, mặc dù đã tính đến các yếu tố cơ bản khác như lịch sử - truyền thống, địa lý - tự nhiên, dân cư - xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị, mở rộng không gian đô thị... tuy nhiên, vẫn có những tác động nhất định đến hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân như quy mô lớn, thủ tục hành chính nhiều, việc đi lại giải quyết thủ tục của một bộ phận Nhân dân đi xa hơn so với trước đây.

- Về cơ sở hạ tầng: Hiện nay, đa số trung tâm hành chính, phòng làm việc ở các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp đều được xây dựng đồng bộ. Sau khi sắp xếp, có một số trụ sở hành chính, phòng làm việc trước mắt được sử dụng để làm trụ sở mới. Tuy nhiên, một số phòng làm việc của ĐVHC thành lập mới thiếu diện tích, điều kiện làm việc...

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã kéo theo số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách thời không đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo vị trí việc làm, tinh giản biên chế nên ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng cá nhân. Việc xử lý số lượng cán bộ, công chức, viên chức người hoạt động không chuyên trách dôi dư gặp khó khăn:

+ Việc lựa chọn, bố trí cán bộ, công chức, viên chức và giải quyết chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã mới gặp khó khăn do đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay cơ bản đã được chuẩn hóa theo quy định.

+ Phong tục, tập quán, truyền thống dự báo sẽ có những tác động tới quá trình sắp xếp, bố trí cán bộ, nhất là các chức danh phải bầu cử sau khi sắp xếp.

+ Sau sắp xếp, tồn tại nhiều cấp phó (bao gồm cấp phó các phòng ban, tổ chức đoàn thể).

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã gặp không ít khó khăn như: Thời gian thực hiện gấp; nội dung công việc nhiều; nhiều nội dung công việc chưa có hướng dẫn cụ thể, chi tiết; công tác tuyên truyền đến người dân về chủ trương, thực hiện sắp xếp các ĐVHC chưa được quan tâm đồng bộ.

- Cùng một thời gian, chính quyền địa phương các cấp phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị lớn của Trung ương, của tỉnh nên công tác thực hiện sắp xếp ĐVHC chưa được liên tục.

- Việc sắp xếp ĐVHC các cấp là vấn đề phức tạp, liên quan đến tất cả các mặt của đời sống xã hội ở địa phương, ảnh hưởng đến tâm tư nguyện vọng của cán bộ và Nhân dân nên việc tuyên truyền, vận động, tạo ra sự đồng tình ủng hộ của người dân sẽ rất khó khăn.

- Khi sắp xếp các ĐVHC, số lượng cán bộ, công chức phải sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách lớn; đây là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, nhạy cảm khi tiến hành sắp xếp các ĐVHC cấp xã và không tổ chức cấp huyện.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Người dân e ngại việc nhập ĐVHC sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thói quen sinh hoạt, giấy tờ tùy thân, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc, kinh doanh, địa chỉ trụ sở của ĐVHC mới,...

- Tâm lý của cán bộ, công chức, viên chức khi sáp nhập các ĐVHC có nhiều suy nghĩ, lo lắng do có thể nằm trong diện dôi dư khi tổ chức lại hoạt động của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

- Quá trình triển khai thực hiện gặp lúng túng do khối lượng công việc lớn, cần phải nghiên cứu nhiều các quy định có liên quan.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

4.1. Về hoạt động quản lý nhà nước

- Cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn. Coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền; kiên trì vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

- Gắn sắp xếp các ĐVHC cấp xã với việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ. Bảo đảm phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nâng cao đời sống Nhân dân; giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

- Trong quá trình thực hiện sắp xếp các ĐVHC phải đồng thời giải quyết chế độ, chính sách hợp lý cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có liên quan và có lộ trình bố trí, sắp xếp hợp lý để bảo đảm đúng số lượng quy định. Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giải quyết dứt điểm việc dôi dư cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đối với ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp. Tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, ổn định bộ máy, làm tốt công tác tư tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức tại ĐVHC được sắp xếp; lựa chọn trụ sở làm việc dựa trên các tiêu chí bao gồm cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc; có nhà văn hóa trung tâm cơ bản đáp ứng sinh hoạt, hoạt động cho đảng viên, Nhân dân; diện tích trụ sở rộng, cơ bản là vị trí trung tâm để tạo thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện giao dịch hành chính; có điều kiện để phát triển trở thành đô thị trong tương lai.

- Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại ĐVHC thực hiện sắp xếp đảm bảo hoạt động của chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức chuyển đổi giấy tờ liên quan đến thay đổi tên ĐVHC theo quy định.

4.2. Về kinh tế - xã hội

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải bám sát nội dung các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, quy hoạch phát triển ngành, vùng sản xuất, khu dân cư, khu đô thị, gắn với chương trình dự án xúc tiến đầu tư và xây dựng lộ trình đầu tư... tạo điều kiện tối đa theo thẩm quyền để quản lý tốt quy hoạch, thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng; tranh thủ sự hỗ trợ và quan tâm của các cấp, các ngành; phát huy các thành phần kinh tế, huy động các nguồn lực sẵn có và nguồn lực bên ngoài để thực hiện các chương trình, dự án đúng theo quy hoạch của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến; kịp thời tổng kết kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình làm kinh tế giỏi và có hiệu quả; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

- Huy động và quản lý tốt các nguồn vốn đầu tư; có giải pháp thu hút nhiều nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước, nhất là vốn trong doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh theo phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”; thực hiện các biện pháp thu hút, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế đến đầu tư trên địa bàn; chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương trong công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục

hành chính. Khai thác tối đa các nguồn vốn, hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đầu tư cho phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng (năng lượng, giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hóa ...) các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tạo thêm nguồn thu từ quỹ đất ở địa phương.

- Phối hợp cùng các ngành đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng để các thành phần kinh tế tiếp cận với các nguồn vốn dễ dàng, thuận lợi đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất, kinh doanh; triển khai các chính sách tín dụng nhà nước cho các doanh nghiệp có dự án thuộc các đối tượng hỗ trợ theo quy định.

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, đối xử bình đẳng, công bằng đối với tất cả các thành phần kinh tế tham gia bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dưới mọi hình thức. Thực hiện khuyến khích ưu đãi đầu tư cho các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo luật quy định như miễn giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức, vay vốn ưu đãi, tiền thuê đất giá rẻ...

- Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế cùng phát huy hiệu quả hoạt động, với phương châm chống độc quyền, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển theo định hướng của Nhà nước. Phát triển kinh tế hợp tác xã để nâng cao sức mạnh của từng cá nhân và tập thể. Khuyến khích thành phần kinh tế cá nhân phát triển nhằm phát huy tổng lực xã hội vào phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế hộ gia đình, thúc đẩy mô hình kinh tế trang trại hoặc các mô hình hợp tác công - nông nghiệp phát triển nhằm nhanh chóng đạt được mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Tạo mọi điều kiện cho công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần nằm trên địa bàn ĐVHC mới hoạt động tốt, phát triển mạnh về số lượng, chất lượng và quy mô...

- Tạo mối liên kết có hiệu quả giữa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung ứng vốn - vật tư, sản xuất công nghiệp, nhất là công nghệ chế biến, sản xuất nông nghiệp, phân phối lưu thông hàng hoá và đặc biệt là thu mua tiêu thụ sản phẩm để tạo đầu ra thông thoáng cho sản xuất phát triển.

- Tổ chức tốt địa bàn lãnh thổ: Tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức các ĐVHC sau sắp xếp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

- Thực hiện đầy đủ và sáng tạo các chủ trương và chính sách của Nhà nước về ưu đãi đầu tư trong nước và nước ngoài theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, nhằm tạo sự hấp dẫn đặc biệt để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn ĐVHC mới và thu hút các nhà đầu tư bên ngoài đầu tư vào.

- Không hình sự hoá các quan hệ dân sự và quan hệ kinh tế. Xử phạt nghiêm các hành vi buôn lậu, trốn thuế, làm và lưu thông hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm tạo sự công bằng trong giới kinh doanh. Các chính sách thuế khoán phải ổn định, hợp lý, trên cơ sở giảm nhẹ dần nhằm khuyến khích doanh nghiệp và Nhân dân yên tâm, phấn khởi tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Tiến hành sắp xếp lại sản xuất trên địa bàn, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm giải quyết việc làm và tăng số lượng lao động tham gia trong các ngành kinh tế. Khuyến khích đào tạo, nâng cao trình độ người lao động; phát triển các cơ sở dạy nghề và có chính sách thu hút lực lượng lao động về địa phương.

- Có chính sách đãi ngộ các nhà quản lý giỏi, các cán bộ, chuyên gia khoa học kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao... để thu hút nguồn nhân lực. Khuyến khích phát triển các trung tâm tư vấn tìm kiếm việc làm để huy động nguồn lao động xã hội trong tỉnh một cách hiệu quả nhất.

4.3. Về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Để giữ vững quốc phòng an ninh, nhằm đảm bảo cho sản xuất phát triển tại các địa bàn thực hiện sắp xếp cần có nhiều lực lượng tham gia bao gồm lực lượng chuyên trách, nòng cốt (công an cấp cơ sở), dân quân tự vệ, các tổ chức quần chúng (tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố, bảo vệ cơ quan doanh nghiệp, các tổ chức tự quản) và sự tham gia tích cực của đông đảo quần chúng Nhân dân. Thực tiễn cho thấy, trước mắt và cả lâu dài, phải tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các lực lượng chủ yếu: Công an xã, phường...

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quán triệt, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tạo việc làm gắn với đào tạo nghề, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là tại những vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới;... Phát hiện, xử lý kịp thời các điểm nóng từ cơ sở, không để phát triển thành vụ việc lớn, phức tạp.

- Thực hiện tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở vững mạnh.

- Triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ. Xây dựng và phối hợp thực hiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên trách, nòng cốt (công an cấp cơ sở), dân quân tự vệ, các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Tăng cường lực lượng chiến đấu cho cơ sở, bố trí cán bộ trực tiếp thực hiện vận động quần chúng và tiến hành các hoạt động nghiệp vụ bảo vệ an ninh, trật tự.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, phân công, phân cấp quản lý công an cấp cơ sở, tăng cường các điều kiện làm việc, trang bị phương tiện phù hợp với thực tế chiến đấu ở cơ sở nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công an và các lực lượng khác tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở.

- Xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ công an và các lực lượng khác tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở.

4.4. Cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

Để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập về cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và tiếp tục nâng cao hiệu quả cắt giảm, đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp, cần tập trung một số nội dung sau:

- Tập trung rà soát kỹ và cấu trúc lại quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm. Kiên quyết chưa đưa vào xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính hoặc nhóm thủ tục hành chính liên thông chưa có phương án cấu trúc lại và đơn giản hóa quy trình hoặc không phát sinh hồ sơ trong ba năm gần nhất; rà soát, tạm dừng cung cấp và nhanh chóng đầu tư nâng cấp, hoàn thiện đối với dịch vụ công trực tuyến không đáp ứng được mức độ dịch vụ đã công bố, chưa thông suốt và đơn giản, thuận lợi, giảm thời gian, chi phí thực hiện hơn so với thực hiện trực tiếp hoặc qua bưu chính.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình của người đứng đầu, xin lỗi người dân, doanh nghiệp và kịp thời khắc phục đối với các trường hợp để xảy ra chậm muộn, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhieu, tiêu cực, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu điều kiện không đúng quy định hoặc nhiều lần để xảy ra tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về nâng cao chất lượng phục vụ trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Định kỳ hàng tháng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ kết quả đánh giá của Bộ chỉ số để xem xét, đánh giá, xếp loại chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện nghiêm công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, nhất là các nhóm thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông. Thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; người đứng đầu thường xuyên tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp. Chấm dứt tình trạng không trả lời hoặc trả lời chung chung, không cụ thể, không rõ ràng dứt khoát, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tập trung xử lý dứt điểm các “điểm nghẽn” trong thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) tại tỉnh, địa phương, nhất là về hạ tầng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến và an toàn, an ninh mạng.

- Chủ động đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa theo thẩm quyền. Có cơ chế, chính sách phù hợp, bảo đảm bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tập trung hoàn thành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quy định miễn hoặc giảm phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử giai đoạn từ nay đến năm 2026 để khuyến khích người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; miễn thu lệ phí cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện sắp xếp khi thực hiện chuyển đổi các giấy tờ liên quan đến nhân thân và pháp nhân.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, công việc khó, phức tạp, khối lượng công việc nhiều, thời gian thực hiện ngắn do đó để thực hiện thành công phương án sắp xếp đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, cần sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt từ Trung ương, tỉnh,

huyện, xã và thôn, tổ dân phố đến người dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; chú trọng và phát huy công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện.

Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng đã đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã theo quy định của pháp luật, phù hợp với vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông... làm tiền đề quan trọng cho việc quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của các ĐVHC sau sắp xếp, đồng thời đảm bảo sự nối tiếp phù hợp với phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã trong giai đoạn 2026-2030.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước và liên quan đến nhiều ĐVHC với khối lượng công việc rất lớn, hết sức quan trọng và đặc thù về các lĩnh vực, phạm vi và các cấp chính quyền liên quan. Vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nội vụ, các Bộ, ban, ngành Trung ương quan tâm tạo điều kiện giúp tỉnh Lâm Đồng hoàn thành công việc đề ra; đồng thời, thống nhất Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã giai đoạn theo đề xuất của tỉnh Lâm Đồng.

- Việc không tổ chức cấp huyện, sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ dẫn đến số lượng cán bộ, công chức dôi dư nhiều, do vậy đề nghị Bộ Nội vụ xem xét cho kéo dài thời gian giải quyết chính sách đối với số cán bộ, công chức dôi dư và có hướng dẫn cụ thể, chi tiết.

- Đề nghị Trung ương sớm có các văn bản quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính; các văn bản hướng dẫn về kiện toàn công tác tổ chức của ĐVHC cấp cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện theo quy định.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Lâm Đồng. UBND tỉnh Lâm Đồng kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hồng Thái

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG (51 ĐVHC)

ĐV HC	TT	Tên đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn	Diện tích tự nhiên (km²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	Dân tộc thiểu số		Tên gọi sau sắp xếp	Trụ sở
									Dân tộc thiểu số (Người)	Tỷ lệ (%)		
I	Thành phố Đà Lạt sắp xếp thành 05 ĐVHC phường											
1	Đơn vị hành chính số 1		5,5	73,45	1.335,45	15.000	103.178	687,85	2.982	2,89	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	Trụ sở tại Thành ủy Đà Lạt
	1	Phường 1, Đà Lạt	5,5	1,79	32,55	15.000	10.997	73,31	461	4,19		
	2	Phường 2, Đà Lạt	5,5	1,25	22,73	15.000	23.047	153,65	827	3,59		
	3	Phường 3, Đà Lạt	5,5	27,16	493,82	15.000	22.047	146,98	400	1,81		
	4	Phường 4, Đà Lạt	5,5	29,55	537,27	15.000	30.098	200,65	885	2,94		
	5	Phường 10, Đà Lạt	5,5	13,70	249,09	15.000	16.989	113,26	409	2,41		
2	Đơn vị hành chính số 2		5,5	80,92	1.471,27	15.000	48.919	326,13	4.244	8,68	Phường Cam Ly - Đà Lạt	Trụ sở UBND Phường 6 (Chính quyền) và trụ sở UBND Phường 5 (Đảng ủy)
	1	Phường 5, Đà Lạt	5,5	33,31	605,64	15.000	18.179	121,19	594	3,27		
	2	Phường 6, Đà Lạt	5,5	1,69	30,73	15.000	25.135	167,57	854	3,40		
	3	Xã Tà Nung, Đà Lạt	100	45,92	45,92	5.000	5.605	112,10	2.796	49,88		
3	Đơn vị hành chính số 3		5,5	35,03	636,91	15.000	71.369	475,79	3.674	5,15	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	Trụ sở UBND Phường 8 (Đảng ủy) và trụ sở UBND Phường 9 (Chính quyền)
	1	Phường 8, Đà Lạt	5,5	17,65	320,91	15.000	30.685	204,57	1.423	4,64		
	2	Phường 9, Đà Lạt	5,5	4,90	89,09	15.000	27.922	186,15	903	3,23		
	3	Phường 12, Đà Lạt	5,5	12,48	226,91	15.000	12.762	85,08	1.348	10,56		
4	Đơn vị hành chính số 4		5,5	168,83	3.069,64	15.000	36.163	241,09	2.388	6,60	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	Trụ sở UBND Phường 11 (Đảng ủy) và trụ sở UBND xã Xuân Thọ (Chính quyền)
	1	Phường 11, Đà Lạt	5,5	16,55	300,91	15.000	13.859	92,39	887	6,40		
	2	Xã Xuân Thọ, Đà Lạt	100	62,66	62,66	5.000	8.754	175,08	618	7,06		
	3	Xã Xuân Trường, Đà Lạt	100	34,17	34,17	5.000	7.699	153,98	670	8,70		
	4	Xã Tràm Hành, Đà Lạt	100	55,45	55,45	5.000	5.851	117,02	213	3,64		
5	Đơn vị hành chính số 5		5,5	322,66	5.866,55	15.000	40.041	266,94	9.807	24,49	Phường Lang Biang - Đà Lạt	Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Lạc Dương hiện nay
	1	Phường 7, Đà Lạt	5,5	32,92	598,55	15.000	21.902	146,01	878	4,01		
	2	Xã Lát, Lạc Dương	100	220,38	220,38	5.000	3.249	64,98	2.412	74,24		
	3	Thị trấn Lạc Dương	100	69,36	69,36	5.000	14.890	297,80	6.517	43,77		
II	Thành phố Bảo Lộc sắp xếp thành 04 ĐVHC phường											
6	Đơn vị hành chính số 1		5,5	51,46	935,64	15.000	55.845	372,30	748	1,34	Phường 1 Bảo Lộc	Trụ sở UBND thành phố Bảo Lộc
	1	Phường 1, Bảo Lộc	5,5	4,33	78,73	15.000	17.277	115,18	444	2,57		
	2	Phường Lộc Phát, Bảo Lộc	5,5	25,64	466,18	15.000	24.685	164,57	203	0,82		
	3	Xã Lộc Thanh, Bảo Lộc	100	21,49	21,49	5.000	13.883	277,66	101	0,73		
7	Đơn vị hành chính số 2		5,5	176,72	3.213,09	15.000	49.564	330,43	6.525	70,77	Phường 2 Bảo Lộc	Trụ sở UBND Phường 2 và xã ĐamBri
	1	Phường 2, Bảo Lộc	5,5	6,69	121,64	15.000	29.849	198,99	708	2,37		
	2	Xã ĐamBri, Bảo Lộc	100	33,10	33,10	5.000	11.369	227,38	409	3,60		
	3	Xã Lộc Tân, Bảo Lâm	100	136,93	136,93	5.000	8.346	166,92	5.408	64,80		
8	Đơn vị hành chính số 3		5,5	108,98	1.981,45	15.000	54.445	362,97	2.063	3,79	Phường 3 Bảo Lộc	Trụ sở UBND Phường Lộc Tiến và xã Lộc Châu
	1	Phường Lộc Tiến, Bảo Lộc	5,5	13,09	238,00	15.000	18.610	124,07	234	1,26		
	2	Xã Lộc Châu, Bảo Lộc	100	35,32	35,32	5.000	21.700	434,00	1.451	6,69		
	3	Xã Đại Lào, Bảo Lộc	100	60,57	60,57	5.000	14.135	282,70	378	2,67		
9	Đơn vị hành chính số 4		5,5	33,72	613,09	15.000	51.538	343,59	2.989	5,80	Phường B'Lao	Trụ sở UBND phường B'Lao và phường Lộc Sơn
	1	Phường B'Lao, Bảo Lộc	5,5	5,30	96,36	15.000	14.780	98,53	1.127	7,63		
	2	Phường Lộc Sơn, Bảo Lộc	5,5	12,2	221,82	15.000	24.102	160,68	700	2,90		
	3	Xã Lộc Nga, Bảo Lộc	100	16,22	16,22	5.000	12.656	253,12	1.162	9,18		

ĐV HC	TT	Tên đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn	Diện tích tự nhiên (km²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	Dân tộc thiểu số		Tên gọi sau sắp xếp	Trụ sở	
									Dân tộc thiểu số (Người)	Tỷ lệ (%)			
III Huyện Lạc Dương sắp xếp thành 01 ĐVHC xã													
10	Đơn vị hành chính số 1		100	828,01	828,01	5.000	14.912	298,24	12.166	81,59	Xã Lạc Dương	Trụ sở UBND xã Đa Nhím (Đảng ủy) và Trường THCS-THPT Đa Nhím (Chính quyền)	
	1	Xã Đa Sar, Lạc Dương	100	248,07	248,07	5.000	6.691	133,82	5.650	84,44			
	2	Xã Đa Nhím, Lạc Dương	100	239,33	239,33	5.000	5.868	117,36	4.618	78,70			
	3	Xã Đa Chais, Lạc Dương	100	340,61	340,61	5.000	2.353	47,06	1.898	80,66			
IV Huyện Đơn Dương sắp xếp thành 5 ĐVHC xã													
11	Đơn vị hành chính số 1		100	127,81	127,81	5.000	45.160	903,20	16.716	37,02	Xã Đơn Dương	Trụ sở UBND huyện Đơn Dương	
	1	Thị trấn Thanh Mỹ, Đơn Dương	100	21,78	21,78	5.000	17.852	357,04	2.102	11,77			
	2	Xã Đa Ròn, Đơn Dương	100	32,26	32,26	5.000	10.385	207,70	4.882	47,01			
	3	Xã Tu Tra, Đơn Dương	100	73,77	73,77	5.000	16.923	338,46	9.732	57,51			
12	Đơn vị hành chính số 2		100	108,08	108,08	5.000	27.954	559,08	6.770	24,22	Xã Ka Đô	Trụ sở UBND xã Ka Đô	
	1	Xã Lạc Lâm, Đơn Dương	100	21,33	21,33	5.000	12.603	252,06	1.233	9,78			
	2	Xã Ka Đô, Đơn Dương	100	86,75	86,75	5.000	15.351	307,02	5.537	36,07			
13	Đơn vị hành chính số 3		100	135,08	135,08	5.000	24.898	497,96	10.769	43,25	Xã Quảng Lập	Trụ sở UBND xã Quảng Lập	
	1	Xã Quảng Lập, Đơn Dương	100	97,64	97,64	5.000	14.825	296,50	5.482	36,98			
	2	Xã Ka Đơn, Đơn Dương	100	37,44	37,44	5.000	10.073	201,46	5.287	52,49			
14	Đơn vị hành chính số 4		100	240,89	240,89	5.000	33.517	670,34	7.347	21,92	Xã D'ran	Trụ sở UBND xã Lạc Xuân	
	1	Xã Lạc Xuân, Đơn Dương	100	103,98	103,98	5.000	15.624	312,48	5.362	34,32			
	2	Thị trấn D'ran, Đơn Dương	100	136,91	136,91	5.000	17.893	357,86	1.985	11,09			
V Huyện Đức Trọng sắp xếp thành 06 ĐVHC xã													
15	Đơn vị hành chính số 1		100	127,19	127,19	5.000	51.310	1.026,20	9.707	18,92	Xã Hiệp Thạnh	Trụ sở UBND xã Hiệp Thạnh	
	1	Xã Hiệp An, Đức Trọng	100	61,48	61,48	5.000	12.347	246,94	4.283	34,69			
	2	Xã Liên Hiệp, Đức Trọng	100	36,3	36,30	5.000	16.924	338,48	4.227	24,98			
	3	Xã Hiệp Thạnh, Đức Trọng	100	29,41	29,41	5.000	22.039	440,78	1.197	5,43			
16	Đơn vị hành chính số 2		100	148,78	148,78	5.000	85.163	1.703,26	31.878	37,43	Xã Đức Trọng	Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Đức Trọng hiện nay	
	1	Thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng	100	37,76	37,76	5.000	59.658	1.193,16	20.858	34,96			
	2	Xã Phú Hội, Đức Trọng	100	111,02	111,02	5.000	25.505	510,10	11.020	43,21			
17	Đơn vị hành chính số 3		100	79,94	79,94	5.000	28.979	579,58	12.350	42,62	Xã Tân Hội	Trụ sở UBND xã Tân Hội	
	1	Xã N' Thôn Hạ, Đức Trọng	100	34,24	34,24	5.000	8.978	179,56	7.203	80,23			
	2	Xã Tân Hội, Đức Trọng	100	23,45	23,45	5.000	13.115	262,30	1.756	13,39			
	3	Xã Tân Thành, Đức Trọng	100	22,25	22,25	5.000	6.886	137,72	3.391	49,24			
18	Đơn vị hành chính số 4		100	143,83	143,83	5.000	16.311	326,22	3.574	21,91	Xã Ninh Gia	Trụ sở UBND xã Ninh Gia	
	1	Xã Ninh Gia, Đức Trọng	100	143,83	143,83	5.000	16.311	326,22	3.574	21,91			
19	Đơn vị hành chính số 5		100	128,69	128,69	5.000	23.027	460,54	6.395	27,77	Xã Tà Hine	Trụ sở UBND xã Tà Hine	
	1	Xã Tà Hine, Đức Trọng	100	38,91	38,91	5.000	4.462	89,24	3.466	77,68			
	2	Xã Đa Loan, Đức Trọng	100	56,6	56,60	5.000	12.819	256,38	2.853	22,26			
	3	Xã Ninh Loan, Đức Trọng	100	33,18	33,18	5.000	5.746	114,92	76	1,32			
20	Đơn vị hành chính số 6		100	258,33	258,33	5.000	13.077	261,54	10.308	78,83	Xã Tà Năng	Trụ sở UBND xã Tà Năng	
	1	Xã Tà Năng, Đức Trọng	100	88,31	88,31	5.000	7.152	143,04	5.195	72,64			
	2	Xã Đa Quyn, Đức Trọng	100	170,02	170,02	5.000	5.925	118,50	5.113	86,30			
VI Huyện Lâm Hà sắp xếp thành 06 ĐVHC xã													
21	Đơn vị hành chính số 1		100	89,87	89,87	5.000	48.702	974,04	11.533	23,68	Xã Đình Văn Lâm Hà	Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Lâm Hà hiện nay	
	1	Thị trấn Đình Văn, Lâm Hà	100	34,86	34,86	5.000	26.026	520,52	7.607	29,23			
	2	Xã Tân Văn, Lâm Hà	100	38,64	38,64	5.000	13.644	272,88	3.811	27,93			
	3	Xã Bình Thạnh, Đức Trọng	100	16,37	16,37	5.000	9.032	180,64	115	1,27			

ĐV HC	TT	Tên đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn	Diện tích tự nhiên (km²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	Dân tộc thiểu số		Tên gọi sau sắp xếp	Trụ sở
									Dân tộc thiểu số (Người)	Tỷ lệ (%)		
22	Đơn vị hành chính số 2		100	240,08	240,08	5.000	25.212	504,24	7.362	29,20		
	1	Xã Phú Sơn, Lâm Hà	100	175,01	175,01	5.000	9.677	193,54	1.000	10,33	Xã Phú Sơn Lâm Hà	Trụ sở UBND xã Đa Đồn
	2	Xã Đa Đồn, Lâm Hà	100	65,07	65,07	5.000	15.535	310,70	6.362	40,95		
23	Đơn vị hành chính số 3		100	100,34	100,34	5.000	10.978	219,56	4.358	39,70		
	1	Xã Phi Tô, Lâm Hà	100	77,28	77,28	5.000	6.018	120,36	4.259	70,77	Xã Nam Hà Lâm Hà	Trụ sở UBND xã Phi Tô
	2	Xã Nam Hà, Lâm Hà	100	23,06	23,06	5.000	4.960	99,20	99	2,00		
24	Đơn vị hành chính số 4		100	117,55	117,55	5.000	32.722	654,44	3.189	9,75		
	1	Thị trấn Nam Ban, Lâm Hà	100	20,36	20,36	5.000	11.923	238,46	103	0,86	Xã Nam Ban Lâm Hà	Trụ sở UBND thị trấn Nam Ban
	2	Xã Đông Thanh, Lâm Hà	100	34,13	34,13	5.000	5.626	112,52	92	1,64		
	3	Xã Mê Linh, Lâm Hà	100	42,91	42,91	5.000	8.338	166,76	2.908	34,88		
	4	Xã Gia Lâm, Lâm Hà	100	20,15	20,15	5.000	6.835	136,70	86	1,26		
25	Đơn vị hành chính số 5		100	168,34	168,34	5.000	38.996	779,92	3.977	10,20		
	1	Xã Tân Hà, Lâm Hà	100	28,59	28,59	5.000	13.330	266,60	454	3,41	Xã Tân Hà Lâm Hà	Trụ sở UBND xã Tân Hà
	2	Xã Đan Phượng, Lâm Hà	100	46,27	46,27	5.000	6.385	127,70	926	14,50		
	3	Xã Hoài Đức, Lâm Hà	100	39,26	39,26	5.000	8.877	177,54	284	3,20		
	4	Xã Liên Hà, Lâm Hà	100	54,22	54,22	5.000	10.404	208,08	2.313	22,23		
26	Đơn vị hành chính số 6		100	230,47	230,47	5.000	23.308	466,16	9.837	42,20		
	1	Xã Phúc Thọ, Lâm Hà	100	106,01	106,01	5.000	9.266	185,32	3.195	34,48	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	Trụ sở UBND xã Tân Thanh
	2	Xã Tân Thanh, Lâm Hà	100	124,46	124,46	5.000	14.042	280,84	6.642	47,30		
VII Huyện Đam Rông sắp xếp thành 04 ĐVHC xã												
27	Đơn vị hành chính số 1		100	172,55	172,55	5.000	17.265	345,30	9.120	52,82		
	1	Xã Phi Liêng, Đam Rông	100	109,74	109,74	5.000	7.715	154,30	4.308	55,84	Xã Đam Rông 1	Trụ sở UBND xã Phi Liêng
	2	Xã Đa K'Nang, Đam Rông	100	62,81	62,81	5.000	9.550	191,00	4.812	50,39		
28	Đơn vị hành chính số 2		100	365,58	365,58	5.000	16.253	325,06	10.475	64,45		
	1	Xã Liêng Srôngh, Đam Rông	100	236,95	236,95	5.000	7.317	146,34	5.337	72,94	Xã Đam Rông 2	Trụ sở Trung tâm hành chính huyện Đam Rông
	2	Xã Rô Men, Đam Rông	100	128,63	128,63	5.000	8.936	178,72	5.138	57,50		
29	Đơn vị hành chính số 3		100	139,38	139,38	5.000	15.841	316,82	7.972	50,33		
	1	Xã Đa Rsal, Đam Rông	100	84,79	84,79	5.000	10.369	207,38	2.762	26,64	Xã Đam Rông 3	Trụ sở UBND xã Đa Rsal
	2	Xã Đa M'Rông, Đam Rông	100	54,59	54,59	5.000	5.472	109,44	5.210	95,21		
30	Đơn vị hành chính số 4		100	391,25	391,25	5.000	17.184	343,68	15.522	90,33		
	1	Xã Đa Tông, Đam Rông	100	141,58	141,58	5.000	10.336	206,72	9.247	89,46	Xã Đam Rông 4	Trụ sở UBND xã Đa Tông
	2	Xã Đa Long, Đam Rông	100	53,48	53,48	5.000	4.200	84,00	3.832	91,24		
	3	Xã Đưng K'Nơ, Lạc Dương	100	196,19	196,19	5.000	2.648	52,96	2.443	92,26		
VIII Huyện Di Linh sắp xếp thành 07 ĐVHC xã												
31	Đơn vị hành chính số 1		100	268,28	268,28	5.000	64.179	1.283,58	22.733	35,42		
	1	Thị trấn Di Linh, Di Linh	100	25,02	25,02	5.000	33.432	668,64	5.821	17,41	Xã Di Linh	Trụ sở UBND huyện Di Linh
	2	Xã Tân Châu, Di Linh	100	43,55	43,55	5.000	11.867	237,34	7.363	62,05		
	3	Xã Liên Đàm, Di Linh	100	84,69	84,69	5.000	11.665	233,30	6.188	53,05		
	4	Xã Gung Ré, Di Linh	100	115,02	115,02	5.000	7.215	144,30	3.361	46,58		
32	Đơn vị hành chính số 2		100	95,17	95,17	5.000	31.904	638,08	9.861	30,91		
	1	Xã Đình Trang Hòa, Di Linh	100	53,81	53,81	5.000	16.393	327,86	9.692	59,12	Xã Hòa Ninh	Trụ sở UBND xã Hòa Ninh
	2	Xã Hòa Ninh, Di Linh	100	21,58	21,58	5.000	11.801	236,02	116	0,98		
	3	Xã Hòa Trung, Di Linh	100	19,78	19,78	5.000	3.710	74,20	53	1,43		
33	Đơn vị hành chính số 3		100	159,35	159,35	5.000	19.979	399,58	2.709	13,56		
	1	Xã Hòa Bắc, Di Linh	100	115,45	115,45	5.000	10.358	207,16	2.324	22,44	Xã Hòa Bắc	Trụ sở UBND xã Hòa Nam
	2	Xã Hòa Nam, Di Linh	100	43,90	43,90	5.000	9.621	192,42	385	4,00		

ĐV HC	TT	Tên đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn	Diện tích tự nhiên (km²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	Dân tộc thiểu số		Tên gọi sau sắp xếp	Trụ sở		
									Dân tộc thiểu số (Người)	Tỷ lệ (%)				
34	Đơn vị hành chính số 4		100	203,77	203,77	5.000	20.568	411,36	12.364	60,11				
	1	Xã Đinh Trang Thượng, Di Linh	100	89,00	89,00	5.000	4.164	83,28	3.025	72,65	Xã Đinh Trang Thượng	Trụ sở UBND xã Tân Lâm		
	2	Xã Tân Lâm, Di Linh	100	59,15	59,15	5.000	9.921	198,42	4.010	40,42				
	3	Xã Tân Thượng, Di Linh	100	55,62	55,62	5.000	6.483	129,66	5.329	82,20				
35	Đơn vị hành chính số 5		100	300,30	300,30	5.000	29.557	591,14	14.416	48,77				
	1	Xã Bảo Thuận, Di Linh	100	231,21	231,21	5.000	8.322	166,44	7.709	92,63	Xã Bảo Thuận	Trụ sở UBND xã Đinh Lạc		
	2	Xã Đinh Lạc, Di Linh	100	33,51	33,51	5.000	12.909	258,18	3.494	27,07				
	3	Xã Tân Nghĩa, Di Linh	100	35,58	35,58	5.000	8.326	166,52	3.213	38,59				
36	Đơn vị hành chính số 6		100	261,88	261,88	5.000	7.310	146,20	6.941	94,95				
	1	Xã Sơn Điền, Di Linh	100	119,05	119,05	5.000	3.642	72,84	3.501	96,13	Xã Sơn Điền	Trụ sở UBND xã Gia Bắc		
	2	Xã Gia Bắc, Di Linh	100	142,83	142,83	5.000	3.668	73,36	3.440	93,78				
37	Đơn vị hành chính số 7		100	324,43	324,43	5.000	21.462	429,24	7.207	33,58				
	1	Xã Tam Bồ, Di Linh	100	276,93	276,93	5.000	8.051	161,02	3.538	43,94	Xã Gia Hiệp	Trụ sở UBND xã Gia Hiệp		
	2	Xã Gia Hiệp, Di Linh	100	47,50	47,50	5.000	13.411	268,22	3.669	27,36				
IX Huyện Bảo Lâm sắp xếp thành 05 ĐVHC xã														
38	Đơn vị hành chính số 1		100	204,43	204,43	5.000	44.151	883,02	9.709	21,99				
	1	Thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm	100	78,93	78,93	5.000	22.243	444,86	5.692	25,59	Xã Bảo Lâm 1	Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Bảo Lâm		
	2	Xã Lộc Quảng, Bảo Lâm	100	27,76	27,76	5.000	5.088	101,76	411	8,08				
	3	Xã Lộc Ngãi, Bảo Lâm	100	97,74	97,74	5.000	16.820	336,40	3.606	21,44				
39	Đơn vị hành chính số 2		100	114,00	114,00	5.000	33.092	661,84	3.991	12,06				
	1	Xã Lộc An, Bảo Lâm	100	48,44	48,44	5.000	20.855	417,10	3.742	17,94	Xã Bảo Lâm 2	Trụ sở UBND xã Lộc An		
	2	Xã Lộc Đức, Bảo Lâm	100	38,52	38,52	5.000	8.030	160,60	146	1,82				
	3	Xã Tân Lạc, Bảo Lâm	100	27,04	27,04	5.000	4.207	84,14	103	2,45				
40	Đơn vị hành chính số 3		100	152,13	152,13	5.000	32.917	658,34	10.572	32,12				
	1	Xã Lộc Thành, Bảo Lâm	100	82,03	82,03	5.000	18.192	363,84	4.749	26,10	Xã Bảo Lâm 3	Trụ sở UBND xã Lộc Nam		
	2	Xã Lộc Nam, Bảo Lâm	100	70,10	70,10	5.000	14.725	294,50	5.823	39,54				
41	Đơn vị hành chính số 4		100	343,35	343,35	5.000	10.073	201,46	6.221	61,76				
	1	Xã Lộc Phú, Bảo Lâm	100	127,22	127,22	5.000	3.603	72,06	1.231	34,17	Xã Bảo Lâm 4	Trụ sở UBND xã Lộc Phú		
	2	Xã Lộc Lâm, Bảo Lâm	100	135,54	135,54	5.000	2.903	58,06	2.307	79,47				
	3	Xã B'Lá, Bảo Lâm	100	80,59	80,59	5.000	3.567	71,34	2.683	75,22				
42	Đơn vị hành chính số 5		100	511,88	511,88	5.000	11.596	231,92	7.243	62,46				
	1	Xã Lộc Bào, Bảo Lâm	100	247,10	247,10	5.000	5.665	113,30	2.927	51,67	Xã Bảo Lâm 5	Trụ sở UBND xã Lộc Bào		
	2	Xã Lộc Bắc, Bảo Lâm	100	264,78	264,78	5.000	5.931	118,62	4.316	72,77				
X Huyện Đạ Huoai sắp xếp thành 09 ĐVHC xã														
43	Đơn vị hành chính số 1		100	113,96	113,96	5.000	23.117	462,34	2.312	10,00				
	1	Thị trấn Mađaguôi, Đạ Huoai	100	25,11	25,11	5.000	12.145	242,90	719	5,92	Xã Đạ Huoai	Trụ sở UBND huyện Đạ Huoai cũ		
	2	Xã Mađaguôi, Đạ Huoai	100	20,46	20,46	5.000	4.997	99,94	777	15,55				
	3	Xã Đạ Oai, Đạ Huoai	100	68,39	68,39	5.000	5.975	119,50	816	13,66				
44	Đơn vị hành chính số 2		100	249,57	249,57	5.000	14.929	298,58	3.477	23,29				
	1	Thị trấn Đạ M'ri, Đạ Huoai	100	125,36	125,36	5.000	7.123	142,46	377	5,29	Xã Đạ Huoai 2	Trụ sở UBND thị trấn Đạ M'ri (Đảng ủy-MTTQ), trụ sở UBND xã Hà Lâm (Chính quyền)		
	2	Xã Hà Lâm, Đạ Huoai	100	124,21	124,21	5.000	7.806	156,12	3.100	39,71				

ĐV HC	TT	Tên đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn	Diện tích tự nhiên (km ²)	Tỷ lệ (%)	Tiêu chuẩn	Dân số (Người)	Tỷ lệ (%)	Dân tộc thiểu số		Tên gọi sau sắp xếp	Trụ sở
									Dân tộc thiểu số (Người)	Tỷ lệ (%)		
45	Đơn vị hành chính số 3		100	131,51	131,51	5.000	6.571	131,42	3.309	50,36		
	1	Xã Bà Gia, Đạ Huoai	100	131,51	131,51	5.000	6.571	131,42	3.309	50,36	Xã Đạ Huoai 3	Trụ sở UBND xã Đoàn Kết cũ (Đảng ủy, MTTQ), trụ sở UBND xã Bà Gia (Chính quyền)
46	Đơn vị hành chính số 4		100	145,85	145,85	5.000	30.725	614,50	10.030	32,64		
	1	Thị trấn Đạ Tẻh, Đạ Huoai	100	24,98	24,98	5.000	19.729	394,58	6.339	32,13	Xã Đạ Tẻh	Trụ sở UBND huyện Đạ Huoai (mới)
	2	Xã An Nhơn, Đạ Huoai	100	68,88	68,88	5.000	4.530	90,60	3.113	68,72		
	3	Xã Đạ Lây, Đạ Huoai	100	51,99	51,99	5.000	6.466	129,32	578	8,94		
47	Đơn vị hành chính số 5		100	186,07	186,07	5.000	14.590	291,80	984	6,74		
	1	Xã Đạ Kho, Đạ Huoai	100	39,6	39,60	5.000	5.521	110,42	263	4,76	Xã Đạ Tẻh 2	Trụ sở UBND xã Triệu Hải cũ (Đảng ủy, MTTQ), trụ sở UBND xã Quảng Trị (Chính quyền)
	2	Xã Đạ Pal, Đạ Huoai	100	59,96	59,96	5.000	2.675	53,50	570	21,31		
	3	Xã Quảng Trị, Đạ Huoai	100	86,51	86,51	5.000	6.394	127,88	151	2,36		
48	Đơn vị hành chính số 6		100	194,82	194,82	5.000	11.678	233,56	2.534	21,70		
	1	Xã Quốc Oai, Đạ Huoai	100	86,33	86,33	5.000	4.673	93,46	1.704	36,46	Xã Đạ Tẻh 3	Trụ sở UBND xã Hà Đông cũ (Đảng ủy, MTTQ), trụ sở UBND xã Mỹ Đức (Chính quyền)
	2	Xã Mỹ Đức, Đạ Huoai	100	108,49	108,49	5.000	7.005	140,10	830	11,85		
49	Đơn vị hành chính số 7		100	78,13	78,13	5.000	19.735	394,70	2.071	10,49		
	1	Thị trấn Cát Tiên, Đạ Huoai	100	20,41	20,41	5.000	12.210	244,20	1.078	8,83	Xã Cát Tiên	Trụ sở UBND huyện Cát Tiên cũ
	2	Xã Quảng Ngãi, Đạ Huoai	100	21,56	21,56	5.000	3.816	76,32	177	4,64		
	3	Xã Nam Ninh, Đạ Huoai	100	36,16	36,16	5.000	3.709	74,18	816	22,00		
50	Đơn vị hành chính số 8		100	177,26	177,26	5.000	15.042	300,84	5.315	35,33		
	1	Thị trấn Phước Cát, Đạ Huoai	100	17,07	17,07	5.000	8.480	169,60	3.427	40,41	Xã Cát Tiên 2	Trụ sở UBND xã Đức Phổ (Đảng ủy, MTTQ), trụ sở UBND xã Phước Cát (Chính quyền)
	2	Xã Phước Cát 2, Đạ Huoai	100	148,63	148,63	5.000	2.897	57,94	1.642	56,68		
	3	Xã Đức Phổ, Đạ Huoai	100	11,56	11,56	5.000	3.665	73,30	246	6,71		
51	Đơn vị hành chính số 9		100	171,31	171,31	5.000	10.591	211,82	2.418	22,83		
	1	Xã Tiên Hoàng, Đạ Huoai	100	53,45	53,45	5.000	3.230	64,60	252	7,80	Xã Cát Tiên 3	Trụ sở UBND xã Gia Viễn (Đảng ủy, MTTQ), trụ sở UBND xã Tiên Hoàng (Chính quyền)
	2	Xã Đồng Nai Thượng, Đạ Huoai	100	89,39	89,39	5.000	1.965	39,30	1.775	90,33		
	3	Xã Gia Viễn, Đạ Huoai	100	28,47	28,47	5.000	5.396	107,92	391	7,25		
		Tổng số		9.781,2		5.000	1.595.597	31.911,94	393.162	24,64		

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
		Tiêu chuẩn quy định	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	ĐK chuẩn người	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3		4	5	6	7	8	9
	Tỉnh Lâm Đồng	8000	9.781,2		900.000	1.595.597		x			
I	Thành phố Đà Lạt	150	391,15		150.000	281.531		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Xuân Thọ	100	62,66	62,66	5.000	8.754	175,08	x			
1.2	Xã Xuân Trường	100	34,17	34,17	5.000	7.699	153,98	x			
1.3	Xã Trạm Hành	100	55,45	55,45	5.000	5.851	117,02	x			
1.4	Xã Tà Nung	100	45,92	45,92	5.000	5.605	112,10	x			
2	Các phường:										
2.1	Phường 1	5,5	1,79	32,55	15.000	10.997	73,31	x			
2.2	Phường 2	5,5	1,25	22,73	15.000	23.047	153,65	x			
2.3	Phường 3	5,5	27,16	493,82	15.000	22.047	146,98	x			
2.4	Phường 4	5,5	29,55	537,27	15.000	30.098	200,65	x			
2.5	Phường 5	5,5	33,31	605,64	15.000	18.179	121,19	x			
2.6	Phường 6	5,5	1,69	30,73	15.000	25.135	167,57	x			
2.7	Phường 7	5,5	32,92	598,55	15.000	21.902	146,01	x			
2.8	Phường 8	5,5	17,65	320,91	15.000	30.685	204,57	x			
2.9	Phường 9	5,5	4,90	89,09	15.000	27.922	186,15	x			
2.10	Phường 10	5,5	13,70	249,09	15.000	16.989	113,26	x			
2.11	Phường 11	5,5	16,55	300,91	15.000	13.859	92,39	x			
2.12	Phường 12	5,5	12,48	226,91	15.000	12.762	85,08	x			
II	Thành phố Bảo Lộc	150	233,95		150.000	203.046		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Lộc Nga	100	16,22	16,22	5.000	12.656	253,12	x			
1.2	Xã Lộc Thanh	100	21,49	21,49	5.000	13.883	277,66	x			
1.3	Xã Lộc Châu	100	35,32	35,32	5.000	21.700	434,00	x			
1.4	Xã Đại Lào	100	60,57	60,57	5.000	14.135	282,70	x			
1.5	Xã Đam B'ri	100	33,10	33,10	5.000	11.369	227,38	x			
2	Các phường:										
2.1	Phường 1	5,5	4,33	78,73	15.000	17.277	115,18	x			
2.2	Phường 2	5,5	6,69	121,64	15.000	29.849	198,99	x			
2.3	Phường B'Lao	5,5	5,30	96,36	15.000	14.780	98,53	x			
2.4	Phường Lộc Phát	5,5	25,64	466,18	15.000	24.685	164,57	x			
2.5	Phường Lộc Sơn	5,5	12,20	221,82	15.000	24.102	160,68	x			
2.6	Phường Lộc Tiến	5,5	13,09	238,00	15.000	18.610	124,07	x			
III	Huyện Lạc Dương	850	1313,94		80.000	35.699		x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
		Tiêu chuẩn quy định	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	ĐK chuẩn người	Dân số	Tỷ lệ				
1.1	Xã Đạ Đờn	100	65,07	65,07	5.000	15.535	310,70	x			
1.2	Xã Tân Văn	100	38,64	38,64	5.000	13.644	272,88	x			
1.3	Xã Phú Sơn	100	175,01	175,01	5.000	9.677	193,54	x			
1.4	Xã Phi Tô	100	77,28	77,28	5.000	6.018	120,36	x			
1.5	Xã Đông Thanh	100	34,13	34,13	5.000	5.626	112,52	x			
1.6	Xã Gia Lâm	100	20,15	20,15	5.000	6.835	136,70	x			
1.7	Xã Mê Linh	100	42,91	42,91	5.000	8.338	166,76	x			
1.8	Xã Nam Hà	100	23,06	23,06	5.000	4.960	99,20	x			
1.9	Xã Tân Thanh	100	124,46	124,46	5.000	14.042	280,84	x			
1.10	Xã Hoài Đức	100	39,26	39,26	5.000	8.877	177,54	x			
1.11	Xã Liên Hà	100	54,22	54,22	5.000	10.404	208,08	x			
1.12	Xã Tân Hà	100	28,59	28,59	5.000	13.330	266,60	x			
1.13	Xã Phúc Thọ	100	106,01	106,01	5.000	9.266	185,32	x			
1.14	Xã Đan Phượng	100	46,27	46,27	5.000	6.385	127,70	x			
2	Các thị trấn										
2.1	Thị trấn Đình Văn	100	34,86	34,86	5.000	26.026	520,52	x			
2.2	Thị trấn Nam Ban	100	20,36	20,36	5.000	11.923	238,46	x			
VII	Huyện Đam Rông	850	872,57		80.000	63.895		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Đạ K'Nang	100	62,81	62,81	5.000	9.550	191,00	x			
1.2	Xã Phi Liêng	100	109,74	109,74	5.000	7.715	154,30	x			
1.3	Xã Liêng Srônh	100	236,95	236,95	5.000	7.317	146,34	x			
1.4	Xã Rô Men	100	128,63	128,63	5.000	8.936	178,72	x			
1.5	Xã Đạ Rsal	100	84,79	84,79	5.000	10.369	207,38	x			
1.6	Xã Đạ Tông	100	141,58	141,58	5.000	10.336	206,72	x			
1.7	Xã Đạ M'Rông	100	54,59	54,59	5.000	5.472	109,44	x			
1.8	Xã Đạ Long	100	53,48	53,48	5.000	4.200	84,00	x			
VIII	Huyện Di Linh	850	1613,18		80.000	194.959		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Bảo Thuận	100	231,21	231,21	5.000	8.322	166,44	x			
1.2	Xã Gung Ré	100	115,02	115,02	5.000	7.215	144,30	x			
1.3	Xã Đình Lạc	100	33,51	33,51	5.000	12.909	258,18	x			
1.4	Xã Tân Nghĩa	100	35,58	35,58	5.000	8.326	166,52	x			
1.5	Xã Đình Trang Hòa	100	53,81	53,81	5.000	16.393	327,86	x			
1.6	Xã Đình Trang Thượng	100	89,00	89,00	5.000	4.164	83,28	x			
1.7	Xã Tân Thượng	100	55,62	55,62	5.000	6.483	129,66	x			
1.8	Xã Tân Lâm	100	59,15	59,15	5.000	9.921	198,42	x			
1.9	Xã Gia Bắc	100	142,83	142,83	5.000	3.668	73,36	x			
1.10	Xã Sơn Điền	100	119,05	119,05	5.000	3.642	72,84	x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
		Tiêu chuẩn quy định	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	ĐK chuẩn người	Dân số	Tỷ lệ				
1.11	Xã Gia Hiệp	100	47,50	47,50	5.000	13.411	268,22	x			
1.12	Xã Tam Bô	100	276,93	276,93	5.000	8.051	161,02	x			
1.13	Xã Hòa Bắc	100	115,45	115,45	5.000	10.358	207,16	x			
1.14	Xã Hòa Trung	100	19,78	19,78	5.000	3.710	74,20	x			
1.15	Xã Hòa Nam	100	43,90	43,90	5.000	9.621	192,42	x			
1.16	Xã Hòa Ninh	100	21,58	21,58	5.000	11.801	236,02	x			
1.17	Xã Liên Đàm	100	84,69	84,69	5.000	11.665	233,30	x			
1.18	Xã Tân Châu	100	43,55	43,55	5.000	11.867	237,34	x			
2	Thị trấn										
2.1	Thị trấn Di Linh	100	25,02	25,02	5.000	33.432	668,64	x			
IX	Huyện Bảo Lâm	850	1462,72		80.000	140.175		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Lộc Quảng	100	27,76	27,76	5.000	5.088	101,76	x			
1.2	Xã Lộc Phú	100	127,22	127,22	5.000	3.603	72,06	x			
1.3	Xã Lộc Tân	100	136,93	136,93	5.000	8.346	166,92	x			
1.4	Xã Tân Lạc	100	27,04	27,04	5.000	4.207	84,14	x			
1.5	Xã Lộc Nam	100	70,10	70,10	5.000	14.725	294,50	x			
1.6	Xã Lộc Thành	100	82,03	82,03	5.000	18.192	363,84	x			
1.7	Xã Lộc Bảo	100	247,10	247,10	5.000	5.665	113,30	x			
1.8	Xã Lộc Ngãi	100	97,74	97,74	5.000	16.820	336,40	x			
1.9	Xã Lộc Đức	100	38,52	38,52	5.000	8.030	160,60	x			
1.10	Xã Lộc An	100	48,44	48,44	5.000	20.855	417,10	x			
1.11	Xã Lộc Bắc	100	264,78	264,78	5.000	5.931	118,62	x			
1.12	Xã Lộc Lâm	100	135,54	135,54	5.000	2.903	58,06	x			
1.13	Xã B'La	100	80,59	80,59	5.000	3.567	71,34	x			
2	Thị trấn										
2.1	Thị trấn Lộc Thắng	100	78,93	78,93	5.000	22.243	444,86	x			
X	Huyện Đạ Huoai	850	1.448,48		80.000	146.978		x			
1	Các xã:										
1.1	Xã Bà Gia	100	131,51	131,51	5.000	6.571	131,42	x			
1.2	Xã Hà Lâm	100	124,21	124,21	5.000	7.806	156,12	x			
1.3	Xã Madaguoi	100	20,46	20,46	5.000	4.997	99,94	x			
1.4	Xã Đạ Oai	100	68,39	68,39	5.000	5.975	119,50	x			
1.5	Xã Đạ Lây	100	51,99	51,99	5.000	6.466	129,32	x			
1.6	Xã An Nhơn	100	68,88	68,88	5.000	4.530	90,60	x			
1.7	Xã Đạ Kho	100	39,60	39,60	5.000	5.521	110,42	x			
1.8	Xã Đạ Pal	100	59,96	59,96	5.000	2.675	53,50	x			
1.9	Xã Quảng Trị	100	86,51	86,51	5.000	6.394	127,88	x			
1.10	Xã Mỹ Đức	100	108,49	108,49	5.000	7.005	140,10	x			
1.11	Xã Quốc Oai	100	86,33	86,33	5.000	4.673	93,46	x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Diện tích tự nhiên			Quy mô dân số			Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
		Tiêu chuẩn quy định	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	ĐK chuẩn người	Dân số	Tỷ lệ				
1.12	Xã Phước Cát 2	100	148,63	148,63	5.000	2.897	57,94	x			
1.13	Xã Đức Phổ	100	11,56	11,56	5.000	3.665	73,30	x			
1.14	Xã Quảng Ngãi	100	21,56	21,56	5.000	3.816	76,32	x			
1.15	Xã Nam Ninh	100	36,16	36,16	5.000	3.709	74,18	x			
1.16	Xã Tiên Hoàng	100	53,45	53,45	5.000	3.230	64,60	x			
1.17	Xã Gia Viễn	100	28,47	28,47	5.000	5.396	107,92	x			
1.18	Xã Đồng Nai Thượng	100	89,39	89,39	5.000	1.965	39,30	x			
2	Các thị trấn										
2.1	Thị trấn Đạ M'ri	100	125,36	125,36	5.000	7.123	142,46	x			
2.2	Thị trấn Mađaguôi	100	25,11	25,11	5.000	12.145	242,90	x			
2.3	Thị trấn Đạ Tẻh	100	24,98	24,98	5.000	19.729	394,58	x			
2.4	Thị trấn Cát Tiên	100	20,41	20,41	5.000	12.210	244,20	x			
2.5	Thị trấn Phước Cát	100	17,07	17,07	5.000	8.480	169,60	x			

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHUẨN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP DO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ
(Xã, thị trấn có diện tích >100 km² và dân số > 5.000 người; Phường có diện tích >5,5 km² và dân số >15.000 người)

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Thành phố Đà Lạt							
1	Các phường							
1.1	Phường 3	27,16	493,82	22.047	146,98	x		
1.2	Phường 4	29,55	537,27	30.098	200,65	x		
1.3	Phường 5	33,31	605,64	18.179	121,19	x		
1.4	Phường 7	32,92	598,55	21.902	146,01	x		
1.5	Phường 8	17,65	320,91	30.685	204,57	x		
1.6	Phường 10	13,70	249,09	16.989	113,26	x		
II	Thành phố Bảo Lộc							
1	Các phường							
1.1	Phường 2	6,69	121,64	29.849	198,99	x		
1.2	Phường Lộc Phát	25,64	466,18	24.685	164,57	x		
1.3	Phường Lộc Sơn	12,20	221,82	24.102	160,68	x		
1.4	Phường Lộc Tiến	13,09	238,00	18.610	124,07	x		
III	Huyện Lạc Dương							
1	Các xã							
1.1	Xã Đa Sar	248,07	248,07	6.691	133,82	x		
1.2	Xã Đa Nhím	239,33	239,33	5.868	117,36	x		
IV	Huyện Đơn Dương							
1	Các xã							
1.1	Xã Lạc Xuân	103,98	103,98	15.624	312,48	x		
2	Các thị trấn							
2.1	Thị trấn D'ran	136,91	136,91	17.893	357,86	x		
V	Huyện Đức Trọng							
1	Các xã							
1.1	Xã Phú Hội	111,02	111,02	25.505	510,10	x		
1.2	Xã Ninh Gia	143,83	143,83	16.311	326,22	x		
1.3	Xã Đa Quyn	170,02	170,02	5.925	118,50	x		
VI	Huyện Lâm Hà							
1	Các xã							
1.1	Xã Phú Sơn	175,01	175,01	9.677	193,54	x		

TT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8
1.2	Xã Tân Thanh	124,46	124,46	14.042	280,84	x		
1.3	Xã Phúc Thọ	106,01	106,01	9.266	185,32	x		
VII	Huyện Đam Rông							
1	Các xã							
1.1	Xã Phi Liêng	109,74	109,74	7.715	154,30	x		
1.2	Xã Liêng Srônh	236,95	236,95	7.317	146,34	x		
1.3	Xã Rô Men	128,63	128,63	8.936	178,72	x		
1.4	Xã Đạ Tông	141,58	141,58	10.336	206,72	x		
VIII	Huyện Di Linh							
1	Các xã							
1.1	Xã Bảo Thuận	231,21	231,21	8.322	166,44	x		
1.2	Xã Gung Ré	115,02	115,02	7.215	144,30	x		
1.3	Xã Tam Bó	276,93	276,93	8.051	161,02	x		
1.4	Xã Hòa Bắc	115,45	115,45	10.358	207,16	x		
IX	Huyện Bảo Lâm							
1	Các xã							
1.1	Xã Lộc Tân	136,93	136,93	8.346	166,92	x		
1.2	Xã Lộc Bảo	247,10	247,10	5.665	113,30	x		
1.3	Xã Lộc Bắc	264,78	264,78	5.931	118,62	x		
X	Huyện Đạ Huoai							
1	Các xã							
1.1	Xã Bà Gia	131,51	131,51	6.571	131,42	x		
1.2	Xã Hà Lâm	124,21	124,21	7.806	156,12	x		
1.3	Xã Mỹ Đức	108,49	108,49	7.005	140,10	x		
2	Các thị trấn							
2.1	Thị trấn Đạ M'ri	125,36	125,36	7.123	142,46	x		

Có 35 ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, gồm 23 xã, 10 phường và 02 thị trấn

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ			
	1	2		3	4	5	6	7	8	9
I		Thành phố Đà Lạt	86	9.781,2		1.595.597				
1	Các phường									
1.1	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	Nhập 05 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4 và Phường 10 của thành phố Đà Lạt	4	73,45	1335,45%	103.178	687,85%	x		
1.2	Phường Cam Ly - Đà Lạt	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 5, Phường 6 và xã Tà Nung của thành phố Đà Lạt	2	80,92	1471,27%	48.919	326,13%	x		
1.3	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm phường 8, phường 9, phường 12 của thành phố Đà Lạt	2	35,03	636,91%	71.369	475,79%	x		
1.4	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	Nhập 04 ĐVHC cấp xã, gồm phường 11 và 03 xã: Xuân Thọ, Xuân Trường, Trạm Hành của thành phố Đà Lạt	3	168,83	3069,64%	36.163	241,09%	x		
1.5	Phường Langbiang - Đà Lạt	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 7 (thành phố Đà Lạt) và thị trấn Lạc Dương, xã Lát (huyện Lạc Dương)	2	322,66	5866,55%	40.041	266,94%	x		
II		Thành phố Bảo Lộc								
1	Các phường									
1.1	Phường 1 Bảo Lộc	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 1 và phường Lộc Phát và xã Lộc Thanh của thành phố Bảo Lộc	2	51,46	935,64%	55.845	372,30%	x		
1.2	Phường 2 Bảo Lộc	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường 2, xã Đam B'ri của thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân huyện Bảo Lâm	2	176,72	3213,09%	49.564	330,43%	x		
1.3	Phường 3 Bảo Lộc	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm phường Lộc Tiến, xã Lộc Châu và xã Đại Lào của thành phố Bảo Lộc	2	108,98	1981,45%	54.445	362,97%	x		
1.4	Phường B' Lao	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm Phường B' Lao, phường Lộc Sơn và xã Lộc Nga của thành phố Bảo Lộc của thành phố Bảo Lộc	2	33,72	613,09%	51.538	343,59%	x		
III		Huyện Lạc Dương								
1.1	Xã Lạc Dương	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm xã Đạ Sar, Đạ Nhim, Đạ Chais thuộc huyện Lạc Dương	2	828,01	828,01%	14.912	298,24%	x		
IV		Huyện Đơn Dương								
1	Các xã									
1.1	Xã Đơn Dương	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Thạnh Mỹ, xã Đạ Ròn, xã Tu Tra của huyện Đơn Dương	2	127,81	127,81%	45.160	903,20%	x		
1.2	Xã Ka Đô	Nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Lạc Lâm và xã Ka Đô của huyện Đơn Dương	1	108,08	108,08%	27.954	559,08%	x		
1.3	Xã Quảng Lập	Nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm xã Quảng Lập và xã Ka Đơn của huyện Đơn Dương	1	135,08	135,08%	24.898	497,96%	x		
1.4	Xã D'Ran	Nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn D'Ran và xã Lạc Xuân của huyện Đơn Dương	1	240,89	240,89%	33.517	670,34%	x		

TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ			
V		Huyện Đức Trọng								
1	Các xã									
1.1	Xã Hiệp Thạnh	Nhập 03 ĐVHC xã, xã Hiệp An, xã Hiệp Thạnh và xã Liên Hiệp của huyện Đức Trọng	2	127,19	127,19%	51.310	1026,20%	x		
1.2	Xã Đức Trọng	Nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Liên Nghĩa và xã Phú Hội của huyện Đức Trọng	1	148,78	148,78%	85.163	1703,26%	x		
1.3	Xã Tân Hội	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm N'Thôn Hạ, xã Tân Hội và xã Tân Thành của huyện Đức Trọng	2	79,94	79,94%	28.979	579,58%	x		
1.4	Xã Ninh Gia	Giữ nguyên trạng xã Ninh Gia thuộc huyện Đức Trọng		143,83	143,83%	16.311	326,22%	x		
1.5	Xã Tà Hine	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Tà Hine, xã Ninh Loan và xã Đa Loạn của huyện Đức Trọng	2	128,69	128,69%	23.027	460,54%	x		
1.6	Xã Tà Năng	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Tà Năng và xã Đa Quýn của huyện Đức Trọng	1	258,33	258,33%	13.077	261,54%	x		
VI		Huyện Lâm Hà								
1	Các xã									
1.1	Xã Đình Văn - Lâm Hà	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm thị trấn Đình Văn, xã Tân Văn của huyện Lâm Hà và xã Bình Thạnh của huyện Đức Trọng	2	89,87	89,87%	48.702	974,04%	x		
1.2	Xã Phú Sơn - Lâm Hà	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Phú Sơn và xã Đa Đồn của huyện Lâm Hà	1	240,08	240,08%	25.212	504,24%	x		
1.3	Xã Nam Hà - Lâm Hà	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Nam Hà và xã Phi Tô của huyện Lâm Hà	1	100,34	100,34%	10.978	219,56%	x		
1.4	Xã Nam Ban - Lâm Hà	Nhập 04 ĐVHC xã, thị trấn Nam Ban và 03 xã: xã Đông Thanh, xã Mê Linh và xã Gia Lâm của huyện Lâm Hà	3	117,55	117,55%	32.722	654,44%	x		
1.5	Xã Tân Hà - Lâm Hà	Nhập 04 ĐVHC xã, gồm xã Tân Hà, xã Đan Phượng, xã Hoài Đức và xã Liên Hà của huyện Lâm Hà	3	168,34	168,34%	38.996	779,92%	x		
1.6	Xã Phúc Thọ - Lâm Hà	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm Phúc Thọ và xã Tân Thanh của huyện Lâm Hà	1	230,47	230,47%	23.308	466,16%	x		
VII		Huyện Đam Rông								
1	Các xã									
1.1	Xã Đam Rông 1	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Phi Liêng và xã Đa K'Nang của huyện Đam Rông	1	172,55	172,55%	17.265	345,30%	x		
1.2	Xã Đam Rông 2	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Rô Men, xã Liêng Srônh của huyện Đam Rông	1	365,58	365,58%	16.253	325,06%	x		
1.3	Xã Đam Rông 3	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Đa Rsal và Đa M'Rông của huyện Đam Rông	1	139,38	139,38%	15.841	316,82%	x		
1.4	Xã Đam Rông 4	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đa Tông, xã Đa Long của huyện Đam Rông và xã Đưng K' Nơ của huyện Lạc Dương	2	391,25	391,25%	17.184	343,68%	x		
VIII		Huyện Di Linh								
1	Các xã									
1.1	Xã Di Linh	Nhập 04 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Di Linh, xã Tân Châu, Liên Đám và xã Gung Ré của huyện Di Linh	3	268,28	268,28%	64.179	1283,58%	x		

TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ			
1.2	Xã Hòa Ninh	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đinh Trang Hòa, xã Hòa Trung và xã Hòa Ninh của huyện Di Linh	2	95,17	95,17%	31.904	638,08%	x		
1.3	Xã Hòa Bắc	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Hòa Bắc, xã Hòa Nam của huyện Di Linh	1	159,35	159,35%	19.979	399,58%	x		
1.4	Xã Đinh Trang Thượng	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đinh Trang Thượng, xã Tân Lâm và xã Tân Thượng của huyện Di Linh	2	203,77	203,77%	20.568	411,36%	x		
1.5	Xã Bảo Thuận	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Đinh Lạc, xã Bảo Thuận và xã Tân Nghĩa của huyện Di Linh	2	300,30	300,30%	29.557	591,14%	x		
1.6	Xã Sơn Điền	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Gia Bắc và xã Sơn Điền của huyện Di Linh	1	261,88	261,88%	7.310	146,20%	x		
1.7	Xã Gia Hiệp	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Tam Bó và xã Gia Hiệp của huyện Di Linh	1	324,43	324,43%	21.462	429,24%	x		
IX		Huyện Bảo Lâm								
1	Các xã									
1.1	Xã Bảo Lâm 1	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm thị trấn Lộc Thắng, xã Lộc Quảng và xã Lộc Ngãi của huyện Bảo Lâm	2	204,43	204,43%	44.151	883,02%	x		
1.2	Xã Bảo Lâm 2	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Lộc An, xã Lộc Đức và xã Tân Lạc của huyện Bảo Lâm	2	114,00	114,00%	33.092	661,84%	x		
1.4	Xã Bảo Lâm 3	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Thành và xã Lộc Nam của huyện Bảo Lâm	1	152,13	152,13%	32.917	658,34%	x		
1.6	Xã Bảo Lâm 4	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Phú, xã Lộc Lâm và xã B' Lát thuộc huyện Bảo Lâm	2	343,35	343,35%	10.073	201,46%	x		
1.5	Xã Bảo Lâm 5	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm xã Lộc Bảo và xã Lộc Bắc của huyện Bảo Lâm	1	511,88	511,88%	11.596	231,92%	x		
X		Huyện Đạ Huoai								
1	Các xã									
1.1	Xã Đạ Huoai	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Madaguoi, xã Madaguoi và xã Đạ Oai của huyện Đạ Huoai	2	113,96	113,96%	23.117	462,34%	x		
1.2	Xã Đạ Huoai 2	Nhập 02 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đạ M'ri và xã Hà Lâm của huyện Đạ Huoai	1	249,57	249,57%	14.929	298,58%	x		
1.3	Xã Đạ Huoai 3	Giữ nguyên trạng xã Bà Gia của huyện Đạ Huoai		131,51	131,51%	6.571	131,42%	x		
1.4	Xã Đạ Tẻh	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Đạ Tẻh, xã An Nhơn, xã Đạ Lây của huyện Đạ Huoai	2	145,85	145,85%	30.725	614,50%	x		
1.5	Xã Đạ Tẻh 2	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Quảng Trị, xã Đạ Pal và xã Đạ Kho của huyện Đạ Huoai	2	186,07	186,07%	14.590	291,80%	x		
1.6	Xã Đạ Tẻh 3	Nhập 02 ĐVHC xã, gồm Mỹ Đức và xã Quốc Oai của huyện Đạ Huoai	1	194,82	194,82%	11.678	233,56%	x		
1.7	Xã Cát Tiên	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Cát Tiên và 02 xã: xã Nam Ninh, xã Quảng Ngãi của huyện Đạ Huoai	2	78,13	78,13%	19.735	394,70%	x		
1.8	Xã Cát Tiên 2	Nhập 03 ĐVHC cấp xã, gồm thị trấn Phước Cát, xã Phước Cát 2 và xã Đức Phổ của huyện Đạ Huoai	2	177,26	177,26%	15.042	300,84%	x		
1.9	Xã Cát Tiên 3	Nhập 03 ĐVHC xã, gồm xã Gia Viễn, xã Tiên Hoàng, xã Đồng Nai Thượng của huyện Đạ Huoai	2	171,31	171,31%	10.591	211,82%	x		

BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
	Tỉnh Lâm Đồng							
	Xã	106	2		104	42		64
	Phường	18			18	9		9
	Thị trấn	13			13			13
	Tổng	137	2		135	51		86

**THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP XÃ DÔI DƯ VÀ PHƯƠNG ÁN
SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHD không chuyên trách
	1	2	3	5	6	7	9
1	Thành phố Đà Lạt	216	190	315	183	162	196
1.1	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	60	55	93	50	43	61
	Phường 1, Đà Lạt	12	11	15	8	9	13
	Phường 2, Đà Lạt	12	11	18	10	9	9
	Phường 3, Đà Lạt	12	11	20	10	9	14
	Phường 4, Đà Lạt	12	11	23	11	8	14
	Phường 10, Đà Lạt	12	11	17	11	8	11
1.2	Phường Cam Ly - Đà Lạt	36	32	53	29	28	35
	Phường 5, Đà Lạt	12	11	21	10	8	12
	Phường 6, Đà Lạt	12	11	18	10	11	12
	Xã Tà Nung, Đà Lạt	12	10	14	9	9	11
1.3	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	36	33	55	33	27	33
	Phường 8, Đà Lạt	12	11	20	11	10	12
	Phường 9, Đà Lạt	12	11	19	11	10	9
	Phường 12, Đà Lạt	12	11	16	11	7	12
1.4	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	48	41	60	40	35	37
	Phường 11, Đà Lạt	12	11	17	11	9	9
	Xã Xuân Thọ, Đà Lạt	12	10	15	10	9	10
	Xã Xuân Trường, Đà Lạt	12	10	14	8	9	10
	Xã Trạm Hành, Đà Lạt	12	10	14	11	8	8
1.5	Phường Langbiang - Đà Lạt	36	29	54	31	29	30
	Phường 7, Đà Lạt	12	11	21	9	10	13
	Xã Lát, Lạc Dương	12	8	15	11	8	7
	Thị trấn Lạc Dương	12	10	18	11	11	10
2	Thành phố Bảo Lộc	144	124	210	125	107	153
2.1	Phường 1 Bảo Lộc	36	32	54	32	27	37
	Phường 1, Bảo Lộc	12	11	16	10	9	13
	Phường Lộc Phát, Bảo Lộc	12	11	21	11	9	11
	Xã Lộc Thanh, Bảo Lộc	12	10	17	11	9	13
2.2	Phường 2 Bảo Lộc	36	31	52	29	27	41

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách
	Phường 2, Bảo Lộc	12	11	20	11	9	17
	Xã ĐamBri, Bảo Lộc	12	10	16	8	8	13
	Xã Lộc Tân, Bảo Lâm	12	10	16	10	10	11
2.3	Phường 3 Bảo Lộc	36	31	55	32	30	36
	Phường Lộc Tiến, Bảo Lộc	12	11	18	10	10	10
	Xã Lộc Châu, Bảo Lộc	12	10	20	11	10	13
	Xã Đại Lào, Bảo Lộc	12	10	17	11	10	13
2.4	Phường B' Lao	36	30	49	32	23	39
	Phường B'Lao, Bảo Lộc	12	9	14	11	8	10
	Phường Lộc Sơn, Bảo Lộc	12	11	19	11	10	14
	Xã Lộc Nga, Bảo Lộc	12	10	16	10	5	15
3	Huyện Lạc Dương	36	28	51	31	22	25
3.1	Xã Lạc Dương	36	28	51	31	22	25
	Xã Dạ Sar, Lạc Dương	12	10	17	11	9	8
	Xã Dạ Nhím, Lạc Dương	12	10	17	11	8	9
	Xã Dạ Chais, Lạc Dương	12	8	17	9	5	8
4	Huyện Đơn Dương	108	104	159	99	94	91
4.1	Xã Đơn Dương	36	30	54	33	30	26
	Thị trấn Thạnh Mỹ, Đơn Dương	12	10	18	11	11	8
	Xã Dạ Ròn, Đơn Dương	12	10	17	11	9	7
	Xã Tu Tra, Đơn Dương	12	10	19	11	10	11
4.2	Xã Ka Đô	24	20	34	21	22	19
	Xã Lạc Lâm, Đơn Dương	12	10	16	11	11	8
	Xã Ka Đô, Đơn Dương	12	10	18	10	11	11
4.3	Xã Quảng Lập	24	34	34	23	24	24
	Xã Quảng Lập, Đơn Dương	12	24	18	12	14	16
	Xã Ka Đơn, Đơn Dương	12	10	16	11	10	8
4.4	Xã D'Ran	24	20	37	22	18	22
	Thị trấn D'ran, Đơn Dương	12	10	19	11	10	11
	Xã Lạc Xuân, Đơn Dương	12	10	18	11	8	11
5	Huyện Đức Trọng	168	139	240	148	129	116
5.1	Xã Hiệp Thạnh	36	30	54	31	28	28
	Xã Hiệp An, Đức Trọng	12	10	16	10	9	9
	Xã Liên Hiệp, Đức Trọng	12	10	18	11	11	10

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHD không chuyên trách
	Xã Hiệp Thạnh, Đức Trọng	12	10	20	10	8	9
5.2	Xã Đức Trọng	24	24	49	22	18	21
	Thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng	12	13	27	11	9	11
	Xã Phú Hội, Đức Trọng	12	11	22	11	9	10
5.3	Xã Tân Hội	36	28	46	32	30	27
	Xã N' Thôn Hạ, Đức Trọng	12	10	15	11	11	9
	Xã Tân Hội, Đức Trọng	12	10	17	10	10	9
	Xã Tân Thành, Đức Trọng	12	8	14	11	9	9
5.4	Xã Ninh Gia	12	11	19	11	10	7
	Xã Ninh Gia, Đức Trọng	12	11	19	11	10	7
5.5	Xã Tà Hine	36	26	42	32	25	18
	Xã Tà Hine, Đức Trọng	12	8	12	11	7	6
	Xã Đà Loan, Đức Trọng	12	10	16	11	9	5
	Xã Ninh Loan, Đức Trọng	12	8	14	10	9	7
5.6	Xã Tà Năng	24	20	30	20	18	15
	Xã Tà Năng, Đức Trọng	12	10	14	10	9	8
	Xã Đa Quyn, Đức Trọng	12	10	16	10	9	7
6	Huyện Lâm Hà	204	163	261	182	148	148
6.1	Xã Đinh Văn - Lâm Hà	36	31	47	33	30	28
	Thị trấn Đinh Văn, Lâm Hà	12	12	16	11	11	12
	Xã Tân Văn, Lâm Hà	12	10	16	11	9	8
	Xã Bình Thạnh, Đức Trọng	12	9	15	11	10	8
6.2	Xã Phú Sơn - Lâm Hà	24	20	32	21	17	16
	Xã Phú Sơn, Lâm Hà	12	10	16	11	7	9
	Xã Đa Đồn, Lâm Hà	12	10	16	10	10	7
6.3	Xã Nam Hà - Lâm Hà	24	17	28	22	13	16
	Xã Phi Tô, Lâm Hà	12	9	14	11	6	8
	Xã Nam Hà, Lâm Hà	12	8	14	11	7	8
6.4	Xã Nam Ban - Lâm Hà	48	37	60	42	37	35
	Thị trấn Nam Ban, Lâm Hà	12	11	16	11	10	7

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách
	Xã Đông Thanh, Lâm Hà	12	9	15	9	9	9
	Xã Mê Linh, Lâm Hà	12	10	15	11	10	10
	Xã Gia Lâm, Lâm Hà	12	7	14	11	8	9
6.5	Xã Tân Hà - Lâm Hà	48	37	62	42	34	35
	Xã Tân Hà, Lâm Hà	12	10	16	10	9	10
	Xã Đan Phượng, Lâm Hà	12	8	15	10	9	7
	Xã Hoài Đức, Lâm Hà	12	9	15	11	8	9
	Xã Liên Hà, Lâm Hà	12	10	16	11	8	9
6.6	Xã Phúc Thọ - Lâm Hà	24	21	32	22	17	18
	Xã Phúc Thọ, Lâm Hà	12	10	16	11	8	10
	Xã Tân Thanh, Lâm Hà	12	11	16	11	9	8
7	Huyện Đam Rông	108	84	133	97	84	79
7.1	Xã Đam Rông 1	24	20	30	22	20	16
	Xã Phi Liêng, Đam Rông	12	10	15	11	10	7
	Xã Đạ K'Nàng, Đam Rông	12	10	15	11	10	9
7.2	Xã Đam Rông 2	24	20	33	22	20	15
	Xã Liêng Srônh, Đam Rông	12	10	17	11	10	6
	Xã Rô Men, Đam Rông	12	10	16	11	10	9
7.3	Xã Đam Rông 3	24	18	28	22	17	22
	Xã Đạ Rsal, Đam Rông	12	10	16	11	10	10
	Xã Đạ M'Rông, Đam Rông	12	8	12	11	7	12
7.4	Xã Đam Rông 4	36	26	42	31	27	26
	Xã Đạ Tông, Đam Rông	12	10	16	11	10	11
	Xã Đạ Long, Đam Rông	12	8	12	10	8	9
	Xã Đưng K'Nô, Lạc Dương	12	8	14	10	9	6
8	Huyện Di Linh	209	201	298	206	185	158
8.1	Xã Di Linh	44	44	68	44	43	40
	Thị trấn Di Linh, Di Linh	11	11	20	11	10	13
	Xã Tân Châu, Di Linh	11	11	16	11	11	8
	Xã Liên Đàm, Di Linh	11	11	17	11	11	9

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách
	Xã Gung Ré, Di Linh	11	11	15	11	11	10
8.2	Xã Hòa Ninh	33	31	49	32	28	23
	Xã Đinh Trang Hòa, Di Linh	11	11	19	10	10	8
	Xã Hòa Ninh, Di Linh	11	11	17	11	10	9
	Xã Hòa Trung, Di Linh	11	9	13	11	8	6
8.3	Xã Hòa Bắc	22	22	31	22	20	15
	Xã Hòa Bắc, Di Linh	11	11	16	11	11	8
	Xã Hòa Nam, Di Linh	11	11	15	11	9	7
8.4	Xã Đinh Trang Thượng	33	31	42	32	28	20
	Xã Đinh Trang Thượng, Di Linh	11	9	13	10	9	8
	Xã Tân Lâm, Di Linh	11	11	15	11	10	6
	Xã Tân Thượng, Di Linh	11	11	14	11	9	6
8.5	Xã Bảo Thuận	33	33	49	33	30	26
	Xã Bảo Thuận, Di Linh	11	11	17	11	10	10
	Xã Đinh Lạc, Di Linh	11	11	17	11	10	8
	Xã Tân Nghĩa, Di Linh	11	11	15	11	10	8
8.6	Xã Sơn Điền	22	18	27	21	17	19
	Xã Gia Bắc, Di Linh	11	9	14	11	8	10
	Xã Sơn Điền, Di Linh	11	9	13	10	9	9
8.7	Xã Gia Hiệp	22	22	32	22	19	15
	Xã Tam Bồ, Di Linh	11	11	15	11	9	7
	Xã Gia Hiệp, Di Linh	11	11	17	11	10	8
9	Huyện Bảo Lâm	156	116	203	139	109	123
9.1	Xã Bảo Lâm 1	36	28	51	31	28	31
	Thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm	12	10	21	10	10	12
	Xã Lộc Quảng, Bảo Lâm	12	8	12	11	7	7
	Xã Lộc Ngãi, Bảo Lâm	12	10	18	10	11	12
9.2	Xã Bảo Lâm 2	36	28	47	33	24	26
	Xã Lộc An, Bảo Lâm	12	10	20	11	9	9
	Xã Lộc Đức, Bảo Lâm	12	10	15	11	9	9
	Xã Tân Lạc, Bảo Lâm	12	8	12	11	6	8
9.3	Xã Bảo Lâm 3	24	20	36	21	18	20
	Xã Lộc Thành, Bảo Lâm	12	10	19	11	9	10
	Xã Lộc Nam, Bảo Lâm	12	10	17	10	9	10

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách
9.4	Xã Bảo Lâm 4	36	24	38	32	23	25
	Xã Lộc Phú, Bảo Lâm	12	8	13	10	8	9
	Xã Lộc Lâm, Bảo Lâm	12	8	13	11	8	8
	Xã B'Lá, Bảo Lâm	12	8	12	11	7	8
9.5	Xã Bảo Lâm 5	24	16	31	22	16	21
	Xã Lộc Bảo, Bảo Lâm	12	8	15	11	8	10
	Xã Lộc Bắc, Bảo Lâm	12	8	16	11	8	11
10	Huyện Đạ Huoai	324	218	311	253	254	202
10.1	Xã Đạ Huoai	48	31	39	32	39	27
	Thị trấn Mađaguôi, Đạ Huoai	12	10	14	11	10	8
	Xã Mađaguôi, Đạ Huoai	12	8	12	10	9	7
	Xã Đạ Oai, Đạ Huoai	24	13	13	11	20	12
10.2	Xã Đạ Huoai 2	36	21	33	21	29	21
	Thị trấn Đạ M'ri, Đạ Huoai	12	8	19	10	10	7
	Xã Hà Lâm, Đạ Huoai	24	13	14	11	19	14
10.3	Xã Đạ Huoai 3	24	13	16	12	18	16
	Xã Bà Gia, Đạ Huoai	24	13	16	12	18	16
10.4	Xã Đạ Têh	36	30	44	34	32	27
	Thị trấn Đạ Têh, Đạ Huoai	12	10	16	11	11	10
	Xã An Nhơn, Đạ Huoai	12	10	14	12	10	9
	Xã Đạ Lây, Đạ Huoai	12	10	14	11	11	8
10.5	Xã Đạ Têh 2	48	29	38	36	37	26
	Xã Đạ Kho, Đạ Huoai	12	10	14	11	10	8
	Xã Đạ Pal, Đạ Huoai	12	8	12	10	9	8
	Xã Quảng Trị, Đạ Huoai	24	11	12	15	18	10
10.6	Xã Đạ Têh 3	24	18	27	22	20	16
	Xã Quốc Oai, Đạ Huoai	12	8	12	11	10	8
	Xã Mỹ Đức, Đạ Huoai	12	10	15	11	10	8
10.7	Xã Cát Tiên	36	26	39	35	28	20
	Thị trấn Cát Tiên, Đạ Huoai	12	10	15	11	11	7
	Xã Quảng Ngãi, Đạ Huoai	12	8	12	12	9	7
	Xã Nam Ninh, Đạ Huoai	12	8	12	12	8	6
10.8	Xã Cát Tiên 2	36	24	37	31	25	24

Số TT	Tên ĐVHC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có		
		Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	NHĐ không chuyên trách
	Thị trấn Phước Cát, Đạ Huoai	12	10	14	11	8	8
	Xã Phước Cát 2, Đạ Huoai	12	8	13	10	9	9
	Xã Đức Phổ, Đạ Huoai	12	6	10	10	8	7
10.9	Xã Cát Tiên 3	36	26	38	30	26	25
	Xã Tiên Hoàng, Đạ Huoai	12	8	12	9	9	10
	Xã Đồng Nai Thượng, Đạ Huoai	12	8	12	10	6	8
	Xã Gia Viễn, Đạ Huoai	12	10	14	11	11	7

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠI CÁC ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

Số thứ tự	Đơn vị	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Trụ sở làm việc	272	239	33	04 Điều chuyển, 01 thu hồi, 28 Giao Trung tâm Quỹ đất	x				
2	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	1158	1005	153	53 Điều chuyển, 03 thu hồi, 97 giao trung tâm quỹ đất	x				

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thành phố Đà Lạt		391,15		281.531		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Xuân Thọ	Thành phố Đà Lạt	62,66	62,66	8.754	175,08	x			
1.2	Xã Xuân Trường	Thành phố Đà Lạt	34,17	34,17	7.699	153,98	x			
1.3	Xã Trạm Hành	Thành phố Đà Lạt	55,45	55,45	5.851	117,02	x			
1.4	Xã Tà Nung	Thành phố Đà Lạt	45,92	45,92	5.605	112,10	x			
2	Các phường:									
2.1	Pường 1	Thành phố Đà Lạt	1,79	32,55	10.997	73,31	x			
2.2	Pường 2	Thành phố Đà Lạt	1,25	22,73	23.047	153,65	x			
2.3	Pường 3	Thành phố Đà Lạt	27,16	493,82	22.047	146,98	x			
2.4	Pường 4	Thành phố Đà Lạt	29,55	537,27	30.098	200,65	x			
2.5	Pường 5	Thành phố Đà Lạt	33,31	605,64	18.179	121,19	x			
2.6	Pường 6	Thành phố Đà Lạt	1,69	30,73	25.135	167,57	x			
2.7	Pường 7	Thành phố Đà Lạt	32,92	598,55	21.902	146,01	x			
2.8	Pường 8	Thành phố Đà Lạt	17,65	320,91	30.685	204,57	x			
2.9	Pường 9	Thành phố Đà Lạt	4,90	89,09	27.922	186,15	x			
2.10	Pường 10	Thành phố Đà Lạt	13,70	249,09	16.989	113,26	x			
2.11	Pường 11	Thành phố Đà Lạt	16,55	300,91	13.859	92,39	x			
2.12	Pường 12	Thành phố Đà Lạt	12,48	226,91	12.762	85,08	x			
II	Thành phố Bảo Lộc		233,95		203.046		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Lộc Nga	Thành phố Bảo Lộc	16,22	16,22	12.656	253,12	x			
1.2	Xã Lộc Thanh	Thành phố Bảo Lộc	21,49	21,49	13.883	277,66	x			
1.3	Xã Lộc Châu	Thành phố Bảo Lộc	35,32	35,32	21.700	434,00	x			
1.4	Xã Đại Lào	Thành phố Bảo Lộc	60,57	60,57	14.135	282,70	x			
1.5	Xã ĐamB'ri	Thành phố Bảo Lộc	33,10	33,10	11.369	227,38	x			
2	Các phường:									
2.1	Pường 1	Thành phố Bảo Lộc	4,33	78,73	17.277	115,18	x			
2.2	Pường 2	Thành phố Bảo Lộc	6,69	121,64	29.849	198,99	x			
2.3	Pường B'Lao	Thành phố Bảo Lộc	5,30	96,36	14.780	98,53	x			
2.4	Pường Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc	25,64	466,18	24.685	164,57	x			
2.5	Pường Lộc Sơn	Thành phố Bảo Lộc	12,20	221,82	24.102	160,68	x			
2.6	Pường Lộc Tiến	Thành phố Bảo Lộc	13,09	238,00	18.610	124,07	x			
III	Huyện Lạc Dương		1313,94		35.699		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Lát	Huyện Lạc Dương	220,38	220,38	3.249	64,98	x			
1.2	Xã Đạ Sar	Huyện Lạc Dương	248,07	248,07	6.691	133,82	x			
1.3	Xã Đạ Nhím	Huyện Lạc Dương	239,33	239,33	5.868	117,36	x			
1.4	Xã Đạ Chais	Huyện Lạc Dương	340,61	340,61	2.353	47,06	x			
1.5	Xã Đưng K'Nơ	Huyện Lạc Dương	196,19	196,19	2.648	52,96	x			
2	Thị trấn									
2.1	Thị trấn Lạc Dương	Huyện Lạc Dương	69,36	69,36	14.890	297,80	x			
IV	Huyện Đơn Dương		611,86		131.529		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Lạc Xuân	Huyện Đơn Dương	103,98	103,98	15.624	312,48	x			
1.2	Xã Lạc Lâm	Huyện Đơn Dương	21,33	21,33	12.603	252,06	x			
1.3	Xã Đạ Ròn	Huyện Đơn Dương	32,26	32,26	10.385	207,70	x			
1.4	Xã Ka Đô	Huyện Đơn Dương	86,75	86,75	15.351	307,02	x			
1.5	Xã Quảng Lập	Huyện Đơn Dương	97,64	97,64	14.825	296,50	x			
1.6	Xã Ka Đơn	Huyện Đơn Dương	37,44	37,44	10.073	201,46	x			
1.7	Xã Tu Tra	Huyện Đơn Dương	73,77	73,77	16.923	338,46	x			
2	Các thị trấn									

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
2.1	Thị trấn D'ran	Huyện Đơn Dương	136,91	136,91	17.893	357,86	x			
2.2	Thị trấn Thanh Mỹ	Huyện Đơn Dương	21,78	21,78	17.852	357,04	x			
V	Huyện Đức Trọng		903,13		226.899		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Hiệp An	Huyện Đức Trọng	61,48	61,48	12.347	246,94	x			
1.2	Xã Hiệp Thạnh	Huyện Đức Trọng	29,41	29,41	22.039	440,78	x			
1.3	Xã Liên Hiệp	Huyện Đức Trọng	36,30	36,30	16.924	338,48	x			
1.4	Xã N' Thôn Hạ	Huyện Đức Trọng	34,24	34,24	8.978	179,56	x			
1.5	Xã Bình Thạnh	Huyện Đức Trọng	16,37	16,37	9.032	180,64	x			
1.6	Xã Phú Hội	Huyện Đức Trọng	111,02	111,02	25.505	510,10	x			
1.7	Xã Tân Hội	Huyện Đức Trọng	23,45	23,45	13.115	262,30	x			
1.8	Xã Tân Thành	Huyện Đức Trọng	22,25	22,25	6.886	137,72	x			
1.9	Xã Ninh Gia	Huyện Đức Trọng	143,83	143,83	16.311	326,22	x			
1.10	Xã Tà Hine	Huyện Đức Trọng	38,91	38,91	4.462	89,24	x			
1.11	Xã Ninh Loan	Huyện Đức Trọng	33,18	33,18	5.746	114,92	x			
1.12	Xã Đà Loan	Huyện Đức Trọng	56,60	56,60	12.819	256,38	x			
1.13	Xã Tà Năng	Huyện Đức Trọng	88,31	88,31	7.152	143,04	x			
1.14	Xã Đa Quyn	Huyện Đức Trọng	170,02	170,02	5.925	118,50	x			
2	Thị trấn									
2.1	Thị trấn Liên Nghĩa	Huyện Đức Trọng	37,76	37,76	59.658	1193,16	x			
VI	Huyện Lâm Hà		930,28		170.886		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Đa Đồn	Huyện Lâm Hà	65,07	65,07	15.535	310,70	x			
1.2	Xã Tân Văn	Huyện Lâm Hà	38,64	38,64	13.644	272,88	x			
1.3	Xã Phú Sơn	Huyện Lâm Hà	175,01	175,01	9.677	193,54	x			
1.4	Xã Phi Tô	Huyện Lâm Hà	77,28	77,28	6.018	120,36	x			
1.5	Xã Đông Thanh	Huyện Lâm Hà	34,13	34,13	5.626	112,52	x			
1.6	Xã Gia Lâm	Huyện Lâm Hà	20,15	20,15	6.835	136,70	x			
1.7	Xã Mê Linh	Huyện Lâm Hà	42,91	42,91	8.338	166,76	x			
1.8	Xã Nam Hà	Huyện Lâm Hà	23,06	23,06	4.960	99,20	x			
1.9	Xã Tân Thanh	Huyện Lâm Hà	124,46	124,46	14.042	280,84	x			
1.10	Xã Hoài Đức	Huyện Lâm Hà	39,26	39,26	8.877	177,54	x			
1.11	Xã Liên Hà	Huyện Lâm Hà	54,22	54,22	10.404	208,08	x			
1.12	Xã Tân Hà	Huyện Lâm Hà	28,59	28,59	13.330	266,60	x			
1.13	Xã Phúc Thọ	Huyện Lâm Hà	106,01	106,01	9.266	185,32	x			
1.14	Xã Đan Phượng	Huyện Lâm Hà	46,27	46,27	6.385	127,70	x			
2	Các thị trấn									
2.1	Thị trấn Đình Văn	Huyện Lâm Hà	34,86	34,86	26.026	520,52	x			
2.2	Thị trấn Nam Ban	Huyện Lâm Hà	20,36	20,36	11.923	238,46	x			
VII	Huyện Đam Rông		872,57		63.895		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Đa K'Nang	Huyện Đam Rông	62,81	62,81	9.550	191,00	x			
1.2	Xã Phi Liêng	Huyện Đam Rông	109,74	109,74	7.715	154,30	x			
1.3	Xã Liêng Srônh	Huyện Đam Rông	236,95	236,95	7.317	146,34	x			
1.4	Xã Rô Men	Huyện Đam Rông	128,63	128,63	8.936	178,72	x			
1.5	Xã Đa Rsal	Huyện Đam Rông	84,79	84,79	10.369	207,38	x			
1.6	Xã Đa Tông	Huyện Đam Rông	141,58	141,58	10.336	206,72	x			
1.7	Xã Đa M'Rông	Huyện Đam Rông	54,59	54,59	5.472	109,44	x			
1.8	Xã Đa Long	Huyện Đam Rông	53,48	53,48	4.200	84,00	x			
VIII	Huyện Di Linh		1613,18		194.959		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Bảo Thuận	Huyện Di Linh	231,21	231,21	8.322	166,44	x			
1.2	Xã Gung Ré	Huyện Di Linh	115,02	115,02	7.215	144,30	x			
1.3	Xã Đình Lạc	Huyện Di Linh	33,51	33,51	12.909	258,18	x			
1.4	Xã Tân Nghĩa	Huyện Di Linh	35,58	35,58	8.326	166,52	x			
1.5	Xã Đình Trang Hòa	Huyện Di Linh	53,81	53,81	16.393	327,86	x			
1.6	Xã Đình Trang Thượng	Huyện Di Linh	89,00	89,00	4.164	83,28	x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
1.7	Xã Tân Thượng	Huyện Di Linh	55,62	55,62	6.483	129,66	x			
1.8	Xã Tân Lâm	Huyện Di Linh	59,15	59,15	9.921	198,42	x			
1.9	Xã Gia Bắc	Huyện Di Linh	142,83	142,83	3.668	73,36	x			
1.10	Xã Sơn Điền	Huyện Di Linh	119,05	119,05	3.642	72,84	x			
1.11	Xã Gia Hiệp	Huyện Di Linh	47,50	47,50	13.411	268,22	x			
1.12	Xã Tam Bồ	Huyện Di Linh	276,93	276,93	8.051	161,02	x			
1.13	Xã Hòa Bắc	Huyện Di Linh	115,45	115,45	10.358	207,16	x			
1.14	Xã Hòa Trung	Huyện Di Linh	19,78	19,78	3.710	74,20	x			
1.15	Xã Hòa Nam	Huyện Di Linh	43,90	43,90	9.621	192,42	x			
1.16	Xã Hòa Ninh	Huyện Di Linh	21,58	21,58	11.801	236,02	x			
1.17	Xã Liên Đàm	Huyện Di Linh	84,69	84,69	11.665	233,30	x			
1.18	Xã Tân Châu	Huyện Di Linh	43,55	43,55	11.867	237,34	x			
2	Thị trấn									
2.1	Thị trấn Di Linh	Huyện Di Linh	25,02	25,02	33.432	668,64	x			
IX	Huyện Bảo Lâm		1462,72		140.175		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Lộc Quảng	Huyện Bảo Lâm	27,76	27,76	5.088	101,76	x			
1.2	Xã Lộc Phú	Huyện Bảo Lâm	127,22	127,22	3.603	72,06	x			
1.3	Xã Lộc Tân	Huyện Bảo Lâm	136,93	136,93	8.346	166,92	x			
1.4	Xã Tân Lạc	Huyện Bảo Lâm	27,04	27,04	4.207	84,14	x			
1.5	Xã Lộc Nam	Huyện Bảo Lâm	70,10	70,10	14.725	294,50	x			
1.6	Xã Lộc Thành	Huyện Bảo Lâm	82,03	82,03	18.192	363,84	x			
1.7	Xã Lộc Bảo	Huyện Bảo Lâm	247,10	247,10	5.665	113,30	x			
1.8	Xã Lộc Ngãi	Huyện Bảo Lâm	97,74	97,74	16.820	336,40	x			
1.9	Xã Lộc Đức	Huyện Bảo Lâm	38,52	38,52	8.030	160,60	x			
1.10	Xã Lộc An	Huyện Bảo Lâm	48,44	48,44	20.855	417,10	x			
1.11	Xã Lộc Bắc	Huyện Bảo Lâm	264,78	264,78	5.931	118,62	x			
1.12	Xã Lộc Lâm	Huyện Bảo Lâm	135,54	135,54	2.903	58,06	x			
1.13	Xã B'La	Huyện Bảo Lâm	80,59	80,59	3.567	71,34	x			
2	Thị trấn									
2.1	Thị trấn Lộc Thắng	Huyện Bảo Lâm	78,93	78,93	22.243	444,86	x			
X	Huyện Đạ Huoai		1.448,48		146.978		x			
1	Các xã:									
1.1	Xã Bà Gia	Huyện Đạ Huoai	131,51	131,51	6.571	131,42	x			
1.2	Xã Hà Lâm	Huyện Đạ Huoai	124,21	124,21	7.806	156,12	x			
1.3	Xã Madaguoi	Huyện Đạ Huoai	20,46	20,46	4.997	99,94	x			
1.4	Xã Đạ Oai	Huyện Đạ Huoai	68,39	68,39	5.975	119,50	x			
1.5	Xã Đạ Lây	Huyện Đạ Huoai	51,99	51,99	6.466	129,32	x			
1.6	Xã An Nhơn	Huyện Đạ Huoai	68,88	68,88	4.530	90,60	x			
1.7	Xã Đạ Kho	Huyện Đạ Huoai	39,60	39,60	5.521	110,42	x			
1.8	Xã Đạ Pal	Huyện Đạ Huoai	59,96	59,96	2.675	53,50	x			
1.9	Xã Quảng Trị	Huyện Đạ Huoai	86,51	86,51	6.394	127,88	x			
1.10	Xã Mỹ Đức	Huyện Đạ Huoai	108,49	108,49	7.005	140,10	x			
1.11	Xã Quốc Oai	Huyện Đạ Huoai	86,33	86,33	4.673	93,46	x			
1.12	Xã Phước Cát 2	Huyện Đạ Huoai	148,63	148,63	2.897	57,94	x			
1.13	Xã Đức Phổ	Huyện Đạ Huoai	11,56	11,56	3.665	73,30	x			
1.14	Xã Quảng Ngãi	Huyện Đạ Huoai	21,56	21,56	3.816	76,32	x			
1.15	Xã Nam Ninh	Huyện Đạ Huoai	36,16	36,16	3.709	74,18	x			
1.16	Xã Tiên Hoàng	Huyện Đạ Huoai	53,45	53,45	3.230	64,60	x			
1.17	Xã Gia Viễn	Huyện Đạ Huoai	28,47	28,47	5.396	107,92	x			
1.18	Xã Đồng Nai Thượng	Huyện Đạ Huoai	89,39	89,39	1.965	39,30	x			
2	Các thị trấn									
2.1	Thị trấn Đạ M'ri	Huyện Đạ Huoai	125,36	125,36	7.123	142,46	x			
2.2	Thị trấn Madaguoi	Huyện Đạ Huoai	25,11	25,11	12.145	242,90	x			
2.3	Thị trấn Đạ Tẻh	Huyện Đạ Huoai	24,98	24,98	19.729	394,58	x			
2.4	Thị trấn Cát Tiên	Huyện Đạ Huoai	20,41	20,41	12.210	244,20	x			
2.5	Thị trấn Phước Cát	Huyện Đạ Huoai	17,07	17,07	8.480	169,60	x			

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ ĐẢM BẢO 2 TIÊU CHUẨN VỀ DIỆN TÍCH VÀ QUY MÔ DÂN SỐ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường 3	Thành phố Đà Lạt	27,16	493,82	22.047	146,98	x			
2	Phường 4	Thành phố Đà Lạt	29,55	537,27	30.098	200,65	x			
3	Phường 5	Thành phố Đà Lạt	33,31	605,64	18.179	121,19	x			
4	Phường 7	Thành phố Đà Lạt	32,92	598,55	21.902	146,01	x			
5	Phường 8	Thành phố Đà Lạt	17,65	320,91	30.685	204,57	x			
6	Phường 10	Thành phố Đà Lạt	13,70	249,09	16.989	113,26	x			
7	Phường 2	Thành phố Bảo Lộc	6,69	121,64	29.849	198,99	x			
8	Phường Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc	25,64	466,18	24.685	164,57	x			
9	Phường Lộc Sơn	Thành phố Bảo Lộc	12,20	221,82	24.102	160,68	x			
10	Phường Lộc Tiến	Thành phố Bảo Lộc	13,09	238,00	18.610	124,07	x			
11	Xã Đa Sar	Huyện Lạc Dương	248,07	248,07	6.691	133,82	x			
12	Xã Đa Nhím	Huyện Lạc Dương	239,33	239,33	5.868	117,36	x			
13	Xã Lạc Xuân	Huyện Đơn Dương	103,98	103,98	15.624	312,48	x			
14	Thị trấn D'ran	Huyện Đơn Dương	136,91	136,91	17.893	357,86	x			
15	Xã Phú Hội	Huyện Đức Trọng	111,02	111,02	25.505	510,10	x			
16	Xã Ninh Gia	Huyện Đức Trọng	143,83	143,83	16.311	326,22	x			
17	Xã Đa Quyn	Huyện Đức Trọng	170,02	170,02	5.925	118,50	x			
18	Xã Phú Sơn	Huyện Lâm Hà	175,01	175,01	9.677	193,54	x			
19	Xã Tân Thanh	Huyện Lâm Hà	124,46	124,46	14.042	280,84	x			
20	Xã Phúc Thọ	Huyện Lâm Hà	106,01	106,01	9.266	185,32	x			
21	Xã Phi Liêng	Huyện Đam Rông	109,74	109,74	7.715	154,30	x			
22	Xã Liêng Srônh	Huyện Đam Rông	236,95	236,95	7.317	146,34	x			
23	Xã Rô Men	Huyện Đam Rông	128,63	128,63	8.936	178,72	x			
24	Xã Đa Tổng	Huyện Đam Rông	141,58	141,58	10.336	206,72	x			
25	Xã Bảo Thuận	Huyện Di Linh	231,21	231,21	8.322	166,44	x			
26	Xã Gung Ré	Huyện Di Linh	115,02	115,02	7.215	144,30	x			
27	Xã Tam Bô	Huyện Di Linh	276,93	276,93	8.051	161,02	x			
28	Xã Hòa Bắc	Huyện Di Linh	115,45	115,45	10.358	207,16	x			
29	Xã Lộc Tân	Huyện Bảo Lâm	136,93	136,93	8.346	166,92	x			
30	Xã Lộc Bảo	Huyện Bảo Lâm	247,10	247,10	5.665	113,30	x			
31	Xã Lộc Bắc	Huyện Bảo Lâm	264,78	264,78	5.931	118,62	x			
32	Xã Bà Gia	Huyện Đạ Huoai	131,51	131,51	6.571	131,42	x			
33	Xã Hà Lâm	Huyện Đạ Huoai	124,21	124,21	7.806	156,12	x			
34	Xã Mỹ Đức	Huyện Đạ Huoai	108,49	108,49	7.005	140,10	x			
35	Thị trấn Đạ M'ri	Huyện Đạ Huoai	125,36	125,36	7.123	142,46	x			

Có 35 ĐVHC đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, gồm 23 xã, 10 phường và 02 thị trấn.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ DIỆN TÍCH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường 3	Thành phố Đà Lạt	27,16	493,82	22.047	146,98	x			
2	Phường 4	Thành phố Đà Lạt	29,55	537,27	30.098	200,65	x			
3	Phường 5	Thành phố Đà Lạt	33,31	605,64	18.179	121,19	x			
4	Phường 7	Thành phố Đà Lạt	32,92	598,55	21.902	146,01	x			
5	Phường 8	Thành phố Đà Lạt	17,65	320,91	30.685	204,57	x			
6	Phường 10	Thành phố Đà Lạt	13,70	249,09	16.989	113,26	x			
7	Phường 11	Thành phố Đà Lạt	16,55	300,91	13.859	92,39	x			
8	Phường 12	Thành phố Đà Lạt	12,48	226,91	12.762	85,08	x			
9	Phường 2	Thành phố Bảo Lộc	6,69	121,64	29.849	198,99	x			
10	Phường Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc	25,64	466,18	24.685	164,57	x			
11	Phường Lộc Sơn	Thành phố Bảo Lộc	12,20	221,82	24.102	160,68	x			
12	Phường Lộc Tiến	Thành phố Bảo Lộc	13,09	238,00	18.610	124,07	x			
13	Xã Lát	Huyện Lạc Dương	220,38	220,38	3.249	64,98	x			
14	Xã Đa Sar	Huyện Lạc Dương	248,07	248,07	6.691	133,82	x			
15	Xã Đa Nhím	Huyện Lạc Dương	239,33	239,33	5.868	117,36	x			
16	Xã Đa Chais	Huyện Lạc Dương	340,61	340,61	2.353	47,06	x			
17	Xã Đưng K'Nớ	Huyện Lạc Dương	196,19	196,19	2.648	52,96	x			
18	Xã Lạc Xuân	Huyện Đơn Dương	103,98	103,98	15.624	312,48	x			
19	Thị trấn D'ran	Huyện Đơn Dương	136,91	136,91	17.893	357,86	x			
20	Xã Phú Hội	Huyện Đức Trọng	111,02	111,02	25.505	510,10	x			
21	Xã Ninh Gia	Huyện Đức Trọng	143,83	143,83	16.311	326,22	x			
22	Xã Đa Quyn	Huyện Đức Trọng	170,02	170,02	5.925	118,50	x			
23	Xã Phú Sơn	Huyện Lâm Hà	175,01	175,01	9.677	193,54	x			
24	Xã Tân Thanh	Huyện Lâm Hà	124,46	124,46	14.042	280,84	x			
25	Xã Phúc Thọ	Huyện Lâm Hà	106,01	106,01	9.266	185,32	x			
26	Xã Phi Liêng	Huyện Đam Rông	109,74	109,74	7.715	154,30	x			
27	Xã Liêng Srônh	Huyện Đam Rông	236,95	236,95	7.317	146,34	x			
28	Xã Rô Men	Huyện Đam Rông	128,63	128,63	8.936	178,72	x			
29	Xã Đa Tổng	Huyện Đam Rông	141,58	141,58	10.336	206,72	x			
30	Xã Bảo Thuận	Huyện Di Linh	231,21	231,21	8.322	166,44	x			
31	Xã Cung Ré	Huyện Di Linh	115,02	115,02	7.215	144,30	x			
32	Xã Gia Bắc	Huyện Di Linh	142,83	142,83	3.668	73,36	x			
33	Xã Sơn Điền	Huyện Di Linh	119,05	119,05	3.642	72,84	x			
34	Xã Tam Bô	Huyện Di Linh	276,93	276,93	8.051	161,02	x			
35	Xã Hòa Bắc	Huyện Di Linh	115,45	115,45	10.358	207,16	x			
36	Xã Lộc Phú	Huyện Bảo Lâm	127,22	127,22	3.603	72,06	x			
37	Xã Lộc Tân	Huyện Bảo Lâm	136,93	136,93	8.346	166,92	x			
38	Xã Lộc Bảo	Huyện Bảo Lâm	247,10	247,10	5.665	113,30	x			
39	Xã Lộc Bắc	Huyện Bảo Lâm	264,78	264,78	5.931	118,62	x			
40	Xã Lộc Lâm	Huyện Bảo Lâm	135,54	135,54	2.903	58,06	x			
41	Xã Bà Gia	Huyện Đa Huoai	131,51	131,51	6.571	131,42	x			
42	Xã Hà Lâm	Huyện Đa Huoai	124,21	124,21	7.806	156,12	x			
43	Xã Mỹ Đức	Huyện Đa Huoai	108,49	108,49	7.005	140,10	x			
44	Xã Phước Cát 2	Huyện Đa Huoai	148,63	148,63	2.897	57,94	x			
45	Thị trấn Đa M'ri	Huyện Đa Huoai	125,36	125,36	7.123	142,46	x			

Có 45 ĐVHC đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên, gồm 31 xã, 12 phường và 02 thị trấn.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ DÂN SỐ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Xuân Thọ	Thành phố Đà Lạt	62,66	62,66	8.754	175,08	x			
2	Xã Xuân Trường	Thành phố Đà Lạt	34,17	34,17	7.699	153,98	x			
3	Xã Trạm Hành	Thành phố Đà Lạt	55,45	55,45	5.851	117,02	x			
4	Xã Tà Nung	Thành phố Đà Lạt	45,92	45,92	5.605	112,10	x			
5	Phường 2	Thành phố Đà Lạt	1,25	22,73	23.047	153,65	x			
6	Phường 3	Thành phố Đà Lạt	27,16	493,82	22.047	146,98	x			
7	Phường 4	Thành phố Đà Lạt	29,55	537,27	30.098	200,65	x			
8	Phường 5	Thành phố Đà Lạt	33,31	605,64	18.179	121,19	x			
9	Phường 6	Thành phố Đà Lạt	1,69	30,73	25.135	167,57	x			
10	Phường 7	Thành phố Đà Lạt	32,92	598,55	21.902	146,01	x			
11	Phường 8	Thành phố Đà Lạt	17,65	320,91	30.685	204,57	x			
12	Phường 9	Thành phố Đà Lạt	4,90	89,09	27.922	186,15	x			
13	Phường 10	Thành phố Đà Lạt	13,70	249,09	16.989	113,26	x			
14	Xã Lộc Nga	Thành phố Bảo Lộc	16,22	16,22	12.656	253,12	x			
15	Xã Lộc Thanh	Thành phố Bảo Lộc	21,49	21,49	13.883	277,66	x			
16	Xã Lộc Châu	Thành phố Bảo Lộc	35,32	35,32	21.700	434,00	x			
17	Xã Đại Lào	Thành phố Bảo Lộc	60,57	60,57	14.135	282,70	x			
18	Xã Đam B'ri	Thành phố Bảo Lộc	33,10	33,10	11.369	227,38	x			
19	Phường 1	Thành phố Bảo Lộc	4,33	78,73	17.277	115,18	x			
20	Phường 2	Thành phố Bảo Lộc	6,69	121,64	29.849	198,99	x			
21	Phường Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc	25,64	466,18	24.685	164,57	x			
22	Phường Lộc Sơn	Thành phố Bảo Lộc	12,20	221,82	24.102	160,68	x			
23	Phường Lộc Tiến	Thành phố Bảo Lộc	13,09	238,00	18.610	124,07	x			
24	Xã Đa Sar	Huyện Lạc Dương	248,07	248,07	6.691	133,82	x			
25	Xã Đa Nhím	Huyện Lạc Dương	239,33	239,33	5.868	117,36	x			
26	Thị trấn Lạc Dương	Huyện Lạc Dương	69,36	69,36	14.890	297,80	x			
27	Xã Lạc Xuân	Huyện Đơn Dương	103,98	103,98	15.624	312,48	x			
28	Xã Lạc Lâm	Huyện Đơn Dương	21,33	21,33	12.603	252,06	x			
29	Xã Đa Ròn	Huyện Đơn Dương	32,26	32,26	10.385	207,70	x			
30	Xã Ka Đô	Huyện Đơn Dương	86,75	86,75	15.351	307,02	x			
31	Xã Quảng Lập	Huyện Đơn Dương	97,64	97,64	14.825	296,50	x			
32	Xã Ka Đơn	Huyện Đơn Dương	37,44	37,44	10.073	201,46	x			
33	Xã Tu Tra	Huyện Đơn Dương	73,77	73,77	16.923	338,46	x			
34	Thị trấn D'ran	Huyện Đơn Dương	136,91	136,91	17.893	357,86	x			
35	Thị trấn Thanh Mỹ	Huyện Đơn Dương	21,78	21,78	17.852	357,04	x			
36	Xã Hiệp An	Huyện Đức Trọng	61,48	61,48	12.347	246,94	x			
37	Xã Hiệp Thạnh	Huyện Đức Trọng	29,41	29,41	22.039	440,78	x			
38	Xã Liên Hiệp	Huyện Đức Trọng	36,30	36,30	16.924	338,48	x			
39	Xã N' Thôn Hạ	Huyện Đức Trọng	34,24	34,24	8.978	179,56	x			
40	Xã Bình Thạnh	Huyện Đức Trọng	16,37	16,37	9.032	180,64	x			
41	Xã Phú Hội	Huyện Đức Trọng	111,02	111,02	25.505	510,10	x			
42	Xã Tân Hội	Huyện Đức Trọng	23,45	23,45	13.115	262,30	x			
43	Xã Tân Thành	Huyện Đức Trọng	22,25	22,25	6.886	137,72	x			
44	Xã Ninh Gia	Huyện Đức Trọng	143,83	143,83	16.311	326,22	x			
45	Xã Ninh Loan	Huyện Đức Trọng	33,18	33,18	5.746	114,92	x			
46	Xã Đà Loan	Huyện Đức Trọng	56,60	56,60	12.819	256,38	x			
47	Xã Tà Năng	Huyện Đức Trọng	88,31	88,31	7.152	143,04	x			
48	Xã Đa Quyn	Huyện Đức Trọng	170,02	170,02	5.925	118,50	x			
49	Thị trấn Liên Nghĩa	Huyện Đức Trọng	37,76	37,76	59.658	1193,16	x			
50	Xã Đa Đôn	Huyện Lâm Hà	65,07	65,07	15.535	310,70	x			
51	Xã Tân Văn	Huyện Lâm Hà	38,64	38,64	13.644	272,88	x			
52	Xã Phú Sơn	Huyện Lâm Hà	175,01	175,01	9.677	193,54	x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
53	Xã Phi Tô	Huyện Lâm Hà	77,28	77,28	6.018	120,36	x			
54	Xã Đồng Thanh	Huyện Lâm Hà	34,13	34,13	5.626	112,52	x			
55	Xã Gia Lâm	Huyện Lâm Hà	20,15	20,15	6.835	136,70	x			
56	Xã Mê Linh	Huyện Lâm Hà	42,91	42,91	8.338	166,76	x			
57	Xã Tân Thanh	Huyện Lâm Hà	124,46	124,46	14.042	280,84	x			
58	Xã Hoài Đức	Huyện Lâm Hà	39,26	39,26	8.877	177,54	x			
59	Xã Liên Hà	Huyện Lâm Hà	54,22	54,22	10.404	208,08	x			
60	Xã Tân Hà	Huyện Lâm Hà	28,59	28,59	13.330	266,60	x			
61	Xã Phúc Thọ	Huyện Lâm Hà	106,01	106,01	9.266	185,32	x			
62	Xã Đan Phượng	Huyện Lâm Hà	46,27	46,27	6.385	127,70	x			
63	Thị trấn Đình Văn	Huyện Lâm Hà	34,86	34,86	26.026	520,52	x			
64	Thị trấn Nam Ban	Huyện Lâm Hà	20,36	20,36	11.923	238,46	x			
65	Xã Đa K'Nang	Huyện Đam Rông	62,81	62,81	9.550	191,00	x			
66	Xã Phi Liêng	Huyện Đam Rông	109,74	109,74	7.715	154,30	x			
67	Xã Liêng Srônh	Huyện Đam Rông	236,95	236,95	7.317	146,34	x			
68	Xã Rô Men	Huyện Đam Rông	128,63	128,63	8.936	178,72	x			
69	Xã Đa Rsal	Huyện Đam Rông	84,79	84,79	10.369	207,38	x			
70	Xã Đa Tông	Huyện Đam Rông	141,58	141,58	10.336	206,72	x			
71	Xã Đa M'Rông	Huyện Đam Rông	54,59	54,59	5.472	109,44	x			
72	Xã Bảo Thuận	Huyện Di Linh	231,21	231,21	8.322	166,44	x			
73	Xã Gung Ré	Huyện Di Linh	115,02	115,02	7.215	144,30	x			
74	Xã Đình Lạc	Huyện Di Linh	33,51	33,51	12.909	258,18	x			
75	Xã Tân Nghĩa	Huyện Di Linh	35,58	35,58	8.326	166,52	x			
76	Xã Đình Trang Hòa	Huyện Di Linh	53,81	53,81	16.393	327,86	x			
77	Xã Tân Thượng	Huyện Di Linh	55,62	55,62	6.483	129,66	x			
78	Xã Tân Lâm	Huyện Di Linh	59,15	59,15	9.921	198,42	x			
79	Xã Gia Hiệp	Huyện Di Linh	47,50	47,50	13.411	268,22	x			
80	Xã Tam Bó	Huyện Di Linh	276,93	276,93	8.051	161,02	x			
81	Xã Hòa Bắc	Huyện Di Linh	115,45	115,45	10.358	207,16	x			
82	Xã Hòa Nam	Huyện Di Linh	43,90	43,90	9.621	192,42	x			
83	Xã Hòa Ninh	Huyện Di Linh	21,58	21,58	11.801	236,02	x			
84	Xã Liên Đàm	Huyện Di Linh	84,69	84,69	11.665	233,30	x			
85	Xã Tân Châu	Huyện Di Linh	43,55	43,55	11.867	237,34	x			
86	Thị trấn Di Linh	Huyện Di Linh	25,02	25,02	33.432	668,64	x			
87	Xã Lộc Quảng	Huyện Bảo Lâm	27,76	27,76	5.088	101,76	x			
88	Xã Lộc Tân	Huyện Bảo Lâm	136,93	136,93	8.346	166,92	x			
89	Xã Lộc Nam	Huyện Bảo Lâm	70,10	70,10	14.725	294,50	x			
90	Xã Lộc Thành	Huyện Bảo Lâm	82,03	82,03	18.192	363,84	x			
91	Xã Lộc Bảo	Huyện Bảo Lâm	247,10	247,10	5.665	113,30	x			
92	Xã Lộc Ngãi	Huyện Bảo Lâm	97,74	97,74	16.820	336,40	x			
93	Xã Lộc Đức	Huyện Bảo Lâm	38,52	38,52	8.030	160,60	x			
94	Xã Lộc An	Huyện Bảo Lâm	48,44	48,44	20.855	417,10	x			
95	Xã Lộc Bắc	Huyện Bảo Lâm	264,78	264,78	5.931	118,62	x			
96	Thị trấn Lộc Thắng	Huyện Bảo Lâm	78,93	78,93	22.243	444,86	x			
97	Xã Bà Gia	Huyện Đa Huoai	131,51	131,51	6.571	131,42	x			
98	Xã Hà Lâm	Huyện Đa Huoai	124,21	124,21	7.806	156,12	x			
99	Xã Đa Oai	Huyện Đa Huoai	68,39	68,39	5.975	119,50	x			
100	Xã Đa Lầy	Huyện Đa Huoai	51,99	51,99	6.466	129,32	x			
101	Xã Đa Kho	Huyện Đa Huoai	39,60	39,60	5.521	110,42	x			
102	Xã Quảng Trị	Huyện Đa Huoai	86,51	86,51	6.394	127,88	x			
103	Xã Mỹ Đức	Huyện Đa Huoai	108,49	108,49	7.005	140,10	x			
104	Xã Gia Viễn	Huyện Đa Huoai	28,47	28,47	5.396	107,92	x			
105	Thị trấn Madaguôi	Huyện Đa Huoai	25,11	25,11	12.145	242,90	x			
106	Thị trấn Đa M'ri	Huyện Đa Huoai	125,36	125,36	7.123	142,46	x			
107	Thị trấn Đa Têh	Huyện Đa Huoai	24,98	24,98	19.729	394,58	x			
108	Thị trấn Cát Tiên	Huyện Đa Huoai	20,41	20,41	12.210	244,20	x			
109	Thị trấn Phước Cát	Huyện Đa Huoai	17,07	17,07	8.480	169,60	x			

Có 109 ĐVHC đảm bảo tiêu chí về dân số, gồm 82 xã, 14 phường và 13 thị trấn.

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ KHÔNG ĐỦ CẢ 2 ĐIỀU KIỆN VỀ DIỆN TÍCH VÀ QUY MÔ DÂN SỐ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường 1	Thành phố Đà Lạt	1,79	32,55	10.997	73,31	x			
2	Phường B'Lao	Thành phố Bảo Lộc	5,30	96,36	14.780	98,53	x			
3	Xã Tà Hine	Huyện Đức Trọng	38,91	38,91	4.462	89,24	x			
4	Xã Nam Hà	Huyện Lâm Hà	23,06	23,06	4.960	99,20	x			
5	Xã Đa Long	Huyện Đam Rông	53,48	53,48	4.200	84,00	x			
6	Xã Đinh Trang Thượng	Huyện Di Linh	89,00	89,00	4.164	83,28	x			
7	Xã Hòa Trung	Huyện Di Linh	19,78	19,78	3.710	74,20	x			
8	Xã Tân Lạc	Huyện Bảo Lâm	27,04	27,04	4.207	84,14	x			
9	Xã B'Lá	Huyện Bảo Lâm	80,59	80,59	3.567	71,34	x			
10	Xã Madaguoi	Huyện Đa Huoai	20,46	20,46	4.997	99,94	x			
11	Xã An Nhơn	Huyện Đa Huoai	68,88	68,88	4.530	90,60	x			
12	Xã Đa Pal	Huyện Đa Huoai	59,96	59,96	2.675	53,50	x			
13	Xã Quốc Oai	Huyện Đa Huoai	86,33	86,33	4.673	93,46	x			
14	Xã Đức Phổ	Huyện Đa Huoai	11,56	11,56	3.665	73,30	x			
15	Xã Quảng Ngãi	Huyện Đa Huoai	21,56	21,56	3.816	76,32	x			
16	Xã Nam Ninh	Huyện Đa Huoai	36,16	36,16	3.709	74,18	x			
17	Xã Tiên Hoàng	Huyện Đa Huoai	53,45	53,45	3.230	64,60	x			
18	Xã Đồng Nai Thượng	Huyện Đa Huoai	89,39	89,39	1.965	39,30	x			

Có 18 ĐVHC không đảm bảo cả 02 tiêu chí về diện tích tự nhiên và quy mô dân số, gồm 16 xã, 02 phường.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ DIỆN TÍCH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Xuân Thọ	Thành phố Đà Lạt	62,66	62,66	8.754	175,08	x			
2	Xã Xuân Trường	Thành phố Đà Lạt	34,17	34,17	7.699	153,98	x			
3	Xã Trạm Hành	Thành phố Đà Lạt	55,45	55,45	5.851	117,02	x			
4	Xã Tà Nung	Thành phố Đà Lạt	45,92	45,92	5.605	112,10	x			
5	Phường 1	Thành phố Đà Lạt	1,79	32,55	10.997	73,31	x			
6	Phường 2	Thành phố Đà Lạt	1,25	22,73	23.047	153,65	x			
7	Phường 6	Thành phố Đà Lạt	1,69	30,73	25.135	167,57	x			
8	Phường 9	Thành phố Đà Lạt	4,90	89,09	27.922	186,15	x			
9	Xã Lộc Nga	Thành phố Bảo Lộc	16,22	16,22	12.656	253,12	x			
10	Xã Lộc Thanh	Thành phố Bảo Lộc	21,49	21,49	13.883	277,66	x			
11	Xã Lộc Châu	Thành phố Bảo Lộc	35,32	35,32	21.700	434,00	x			
12	Xã Đại Lào	Thành phố Bảo Lộc	60,57	60,57	14.135	282,70	x			
13	Xã Đam B'ri	Thành phố Bảo Lộc	33,10	33,10	11.369	227,38	x			
14	Phường 1	Thành phố Bảo Lộc	4,33	28,87	17.277	246,81	x			
15	Phường B'Lao	Thành phố Bảo Lộc	5,30	35,33	14.780	211,14	x			
16	Thị trấn Lạc Dương	Huyện Lạc Dương	69,36	69,36	14.890	297,80	x			
17	Xã Lạc Lâm	Huyện Đơn Dương	21,33	21,33	12.603	252,06	x			
18	Xã Đa Ròn	Huyện Đơn Dương	32,26	32,26	10.385	207,70	x			
19	Xã Ka Đô	Huyện Đơn Dương	86,75	86,75	15.351	307,02	x			
20	Xã Quảng Lập	Huyện Đơn Dương	97,64	97,64	14.825	296,50	x			
21	Xã Ka Đơn	Huyện Đơn Dương	37,44	37,44	10.073	201,46	x			
22	Xã Tu Tra	Huyện Đơn Dương	73,77	73,77	16.923	338,46	x			
23	Thị trấn Thạnh Mỹ	Huyện Đơn Dương	21,78	21,78	17.852	357,04	x			
24	Xã Hiệp An	Huyện Đức Trọng	61,48	61,48	12.347	246,94	x			
25	Xã Hiệp Thạnh	Huyện Đức Trọng	29,41	29,41	22.039	440,78	x			
26	Xã Liên Hiệp	Huyện Đức Trọng	36,30	36,30	16.924	338,48	x			
27	Xã N' Thôn Hạ	Huyện Đức Trọng	34,24	34,24	8.978	179,56	x			
28	Xã Bình Thạnh	Huyện Đức Trọng	16,37	16,37	9.032	180,64	x			
29	Xã Tân Hội	Huyện Đức Trọng	23,45	23,45	13.115	262,30	x			
30	Xã Tân Thành	Huyện Đức Trọng	22,25	22,25	6.886	137,72	x			
31	Xã Tà Hine	Huyện Đức Trọng	38,91	38,91	4.462	89,24	x			
32	Xã Ninh Loan	Huyện Đức Trọng	33,18	33,18	5.746	114,92	x			
33	Xã Đa Loan	Huyện Đức Trọng	56,60	56,60	12.819	256,38	x			
34	Xã Tà Năng	Huyện Đức Trọng	88,31	88,31	7.152	143,04	x			
35	Thị trấn Liên Nghĩa	Huyện Đức Trọng	37,76	37,76	59.658	1193,16	x			
36	Xã Đa Dồn	Huyện Lâm Hà	65,07	65,07	15.535	310,70	x			
37	Xã Tân Văn	Huyện Lâm Hà	38,64	38,64	13.644	272,88	x			
38	Xã Phi Tô	Huyện Lâm Hà	77,28	77,28	6.018	120,36	x			
39	Xã Đông Thanh	Huyện Lâm Hà	34,13	34,13	5.626	112,52	x			
40	Xã Gia Lâm	Huyện Lâm Hà	20,15	20,15	6.835	136,70	x			
41	Xã Mê Linh	Huyện Lâm Hà	42,91	42,91	8.338	166,76	x			
42	Xã Nam Hà	Huyện Lâm Hà	23,06	23,06	4.960	99,20	x			
43	Xã Hoài Đức	Huyện Lâm Hà	39,26	39,26	8.877	177,54	x			
44	Xã Liên Hà	Huyện Lâm Hà	54,22	54,22	10.404	208,08	x			
45	Xã Tân Hà	Huyện Lâm Hà	28,59	28,59	13.330	266,60	x			
46	Xã Đan Phượng	Huyện Lâm Hà	46,27	46,27	6.385	127,70	x			
47	Thị trấn Đình Văn	Huyện Lâm Hà	34,86	34,86	26.026	520,52	x			
48	Thị trấn Nam Ban	Huyện Lâm Hà	20,36	20,36	11.923	238,46	x			
49	Xã Đa K'Nang	Huyện Đam Rông	62,81	62,81	9.550	191,00	x			
50	Xã Đa Rsal	Huyện Đam Rông	84,79	84,79	10.369	207,38	x			
51	Xã Đa M'Rông	Huyện Đam Rông	54,59	54,59	5.472	109,44	x			
52	Xã Đa Long	Huyện Đam Rông	53,48	53,48	4.200	84,00	x			

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
53	Xã Đinh Lạc	Huyện Di Linh	33,51	33,51	12.909	258,18	x			
54	Xã Tân Nghĩa	Huyện Di Linh	35,58	35,58	8.326	166,52	x			
55	Xã Đinh Trang Hòa	Huyện Di Linh	53,81	53,81	16.393	327,86	x			
56	Xã Đinh Trang Thượng	Huyện Di Linh	89,00	89,00	4.164	83,28	x			
57	Xã Tân Thượng	Huyện Di Linh	55,62	55,62	6.483	129,66	x			
58	Xã Tân Lâm	Huyện Di Linh	59,15	59,15	9.921	198,42	x			
59	Xã Gia Hiệp	Huyện Di Linh	47,50	47,50	13.411	268,22	x			
60	Xã Hòa Trung	Huyện Di Linh	19,78	19,78	3.710	74,20	x			
61	Xã Hòa Nam	Huyện Di Linh	43,90	43,90	9.621	192,42	x			
62	Xã Hòa Ninh	Huyện Di Linh	21,58	21,58	11.801	236,02	x			
63	Xã Liên Đàm	Huyện Di Linh	84,69	84,69	11.665	233,30	x			
64	Xã Tân Châu	Huyện Di Linh	43,55	43,55	11.867	237,34	x			
65	Thị trấn Di Linh	Huyện Di Linh	25,02	25,02	33.432	668,64	x			
66	Xã Lộc Quảng	Huyện Bảo Lâm	27,76	27,76	5.088	101,76	x			
67	Xã Tân Lạc	Huyện Bảo Lâm	27,04	27,04	4.207	84,14	x			
68	Xã Lộc Nam	Huyện Bảo Lâm	70,10	70,10	14.725	294,50	x			
69	Xã Lộc Thành	Huyện Bảo Lâm	82,03	82,03	18.192	363,84	x			
70	Xã Lộc Ngãi	Huyện Bảo Lâm	97,74	97,74	16.820	336,40	x			
71	Xã Lộc Đức	Huyện Bảo Lâm	38,52	38,52	8.030	160,60	x			
72	Xã Lộc An	Huyện Bảo Lâm	48,44	48,44	20.855	417,10	x			
73	Xã B'Lá	Huyện Bảo Lâm	80,59	80,59	3.567	71,34	x			
74	Thị trấn Lộc Thắng	Huyện Bảo Lâm	78,93	78,93	22.243	444,86	x			
75	Xã Mađaguôi	Huyện Đạ Huoai	20,46	20,46	4.997	99,94	x			
76	Xã Đạ Oai	Huyện Đạ Huoai	68,39	68,39	5.975	119,50	x			
77	Xã Đạ Lây	Huyện Đạ Huoai	51,99	51,99	6.466	129,32	x			
78	Xã An Nhơn	Huyện Đạ Huoai	68,88	68,88	4.530	90,60	x			
79	Xã Đạ Kho	Huyện Đạ Huoai	39,60	39,60	5.521	110,42	x			
80	Xã Đạ Pal	Huyện Đạ Huoai	59,96	59,96	2.675	53,50	x			
81	Xã Quảng Trị	Huyện Đạ Huoai	86,51	86,51	6.394	127,88	x			
82	Xã Quốc Oai	Huyện Đạ Huoai	86,33	86,33	4.673	93,46	x			
83	Xã Đức Phở	Huyện Đạ Huoai	11,56	11,56	3.665	73,30	x			
84	Xã Quảng Ngãi	Huyện Đạ Huoai	21,56	21,56	3.816	76,32	x			
85	Xã Nam Ninh	Huyện Đạ Huoai	36,16	36,16	3.709	74,18	x			
86	Xã Tiên Hoàng	Huyện Đạ Huoai	53,45	53,45	3.230	64,60	x			
87	Xã Gia Viễn	Huyện Đạ Huoai	28,47	28,47	5.396	107,92	x			
88	Xã Đồng Nai Thượng	Huyện Đạ Huoai	89,39	89,39	1.965	39,30	x			
89	Thị trấn Mađaguôi	Huyện Đạ Huoai	25,11	25,11	12.145	242,90	x			
90	Thị trấn Đạ Tẻh	Huyện Đạ Huoai	24,98	24,98	19.729	394,58	x			
91	Thị trấn Cát Tiên	Huyện Đạ Huoai	20,41	20,41	12.210	244,20	x			
92	Thị trấn Phước Cát	Huyện Đạ Huoai	17,07	17,07	8.480	169,60	x			

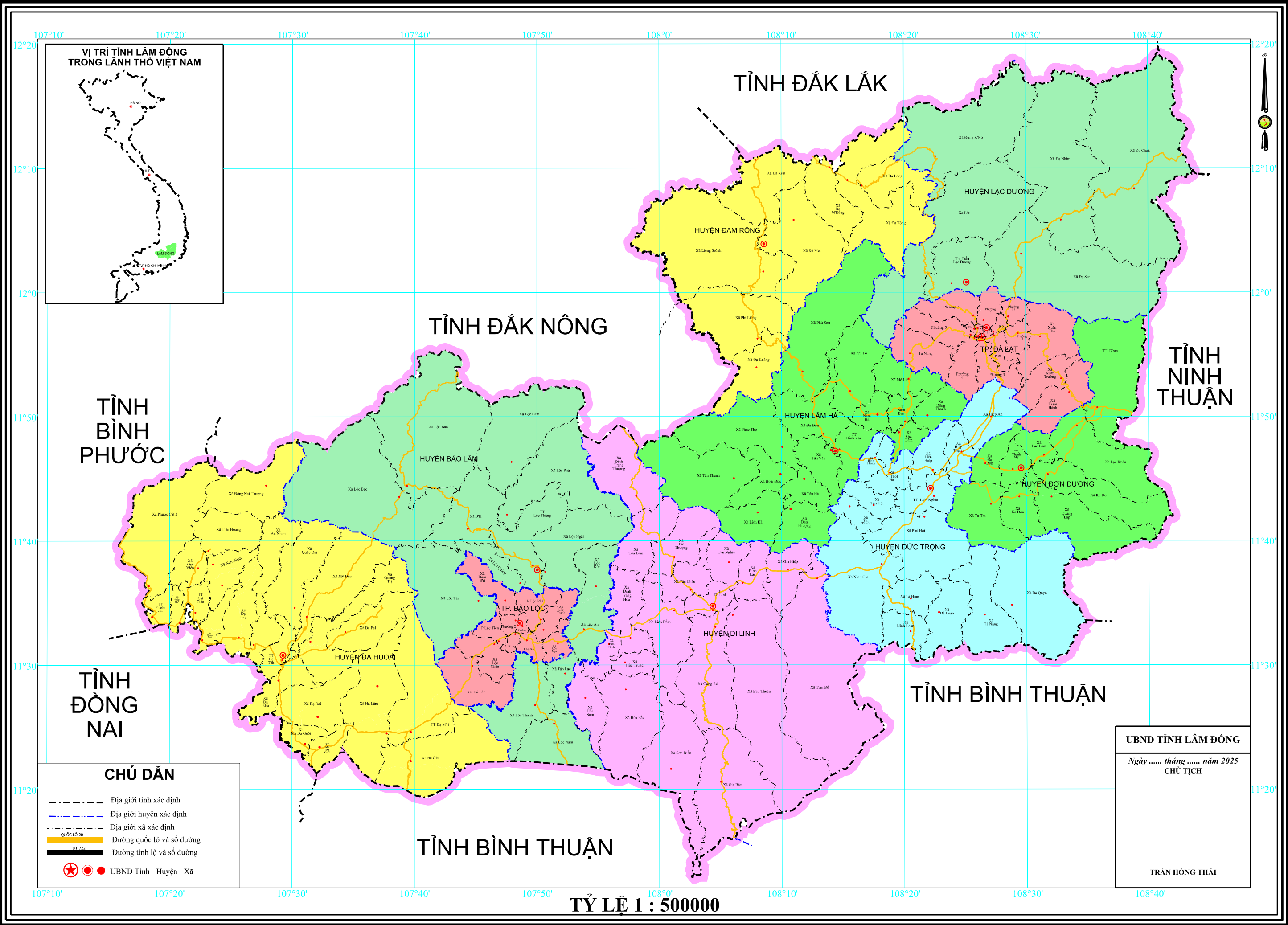
Có 92 ĐVHC không đảm bảo tiêu chí về diện tích tự nhiên, gồm 75 xã, 06 phường và 11 thị trấn.

DANH SÁCH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VỀ DÂN SỐ
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc huyện/thành phố	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Ghi chú
			Diện tích (km ²)	Tỷ lệ	Dân số	Tỷ lệ				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phường 1	Thành phố Đà Lạt	1,79	32,55	10.997	73,31	x			
2	Phường 11	Thành phố Đà Lạt	16,55	300,91	13.859	92,39	x			
3	Phường 12	Thành phố Đà Lạt	12,48	226,91	12.762	85,08	x			
4	Phường B'La	Thành phố Bảo Lộc	5,30	96,36	14.780	98,53	x			
5	Xã Lát	Huyện Lạc Dương	220,38	220,38	3.249	64,98	x			
6	Xã Đa Chais	Huyện Lạc Dương	340,61	340,61	2.353	47,06	x			
7	Xã Đưng K'Nơ	Huyện Lạc Dương	196,19	196,19	2.648	52,96	x			
8	Xã Tà Hine	Huyện Đức Trọng	38,91	38,91	4.462	89,24	x			
9	Xã Nam Hà	Huyện Lâm Hà	23,06	23,06	4.960	99,20	x			
10	Xã Đa Long	Huyện Đam Rông	53,48	53,48	4.200	84,00	x			
11	Xã Đinh Trang Thượng	Huyện Di Linh	89,00	89,00	4.164	83,28	x			
12	Xã Gia Bắc	Huyện Di Linh	142,83	142,83	3.668	73,36	x			
13	Xã Sơn Điền	Huyện Di Linh	119,05	119,05	3.642	72,84	x			
14	Xã Hòa Trung	Huyện Di Linh	19,78	19,78	3.710	74,20	x			
15	Xã Lộc Phú	Huyện Bảo Lâm	127,22	127,22	3.603	72,06	x			
16	Xã Tân Lạc	Huyện Bảo Lâm	27,04	27,04	4.207	84,14	x			
17	Xã Lộc Lâm	Huyện Bảo Lâm	135,54	135,54	2.903	58,06	x			
18	Xã B'Lá	Huyện Bảo Lâm	80,59	80,59	3.567	71,34	x			
19	Xã Mađaguôi	Huyện Đa Huoai	20,46	20,46	4.997	99,94	x			
20	Xã An Nhơn	Huyện Đa Huoai	68,88	68,88	4.530	90,60	x			
21	Xã Đa Pal	Huyện Đa Huoai	59,96	59,96	2.675	53,50	x			
22	Xã Quốc Oai	Huyện Đa Huoai	86,33	86,33	4.673	93,46	x			
23	Xã Phước Cát 2	Huyện Đa Huoai	148,63	148,63	2.897	57,94	x			
24	Xã Đức Phổ	Huyện Đa Huoai	11,56	11,56	3.665	73,30	x			
25	Xã Quảng Ngãi	Huyện Đa Huoai	21,56	21,56	3.816	76,32	x			
26	Xã Nam Ninh	Huyện Đa Huoai	36,16	36,16	3.709	74,18	x			
27	Xã Tiên Hoàng	Huyện Đa Huoai	53,45	53,45	3.230	64,60	x			
28	Xã Đồng Nai Thượng	Huyện Đa Huoai	89,39	89,39	1.965	39,30	x			

Có 28 ĐVHC không đảm bảo tiêu chí về dân số, gồm 24 xã, 04 phường.

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG ĐỊA GIỚI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, TỈNH LÂM ĐỒNG



BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, TỈNH LÂM ĐỒNG

